

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **I. SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Hàm Yên là một huyện thuộc tỉnh Tuyên Quang. Không chỉ là cửa ngõ phía Tây Bắc của Tuyên Quang, Hàm Yên còn là điểm nối giữa trung tâm tỉnh và các huyện vùng cao phía Bắc như Chiêm Hóa, Na Hang và Lâm Bình. Từ khi hình thành, trải qua quá trình hợp nhất và chia tách tỉnh, huyện, xã đến nay, huyện Hàm Yên có 18 đơn vị hành chính (bao gồm 01 thị trấn và 17 xã). Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 90.054,59 ha, dân số trung bình năm 2020 là 123.179 người.

Hàm Yên có nhiều cảnh đẹp nổi bật, đặc địa về vị trí địa lý, cùng với các món ăn đặc trưng, đặc biệt là Cam sành Hàm Yên nổi tiếng gần xa. Điều kiện tự nhiên của Hàm Yên đã mang lại cho huyện những lợi thế về du lịch, nghề rừng, chăn nuôi và trồng trọt. Với các điều kiện, tiền đề đó, từ điểm xuất phát rất thấp, nền kinh tế của huyện đã đạt tới bước phát triển mới và đi dần vào ổn định, luôn được đánh giá là vùng đất tiềm năng cho việc phát triển nông lâm nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp vừa là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu của mình đối với đất đai, vừa thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Nhà nước quyết định mục đích sử dụng và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng địa phương trong nhiều năm qua, công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được tăng cường đẩy mạnh cả về quy mô và chất lượng. Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 đến năm 2030 huyện Hàm Yên được phê duyệt đã góp phần đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, hạn chế việc bố trí quy hoạch sử dụng đất chông chéo giữa các ngành, các cấp; hạn chế việc sử dụng đất một cách lãng phí, bất hợp lý, kém hiệu quả; ngăn chặn các hiện tượng tranh chấp, lấn chiếm, huỷ hoại đất, phá vỡ cân bằng môi trường sinh thái; tránh kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội.

Do vậy, để đảm bảo tính đồng nhất của hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ, phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương và quy định tại Luật Đất đai năm 2013, việc Lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 là cần thiết. Đây sẽ là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất,... nhằm đáp ứng nhu cầu đất đai phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã

hội, giữ vững quốc phòng - an ninh phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững của huyện.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Tuyên Quang tại Văn bản số 2499/UBND-TNMT ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh về lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 - 2030; UBND huyện Hàm Yên đã lập dự án, tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng và lựa chọn được đơn vị tư vấn là Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường là đơn vị Lập Quy hoạch sử dụng đất của huyện Hàm Yên giai đoạn 2021 - 2030.

Đơn vị tư vấn đã phối kết hợp với các phòng ban và UBND các xã, thị trấn tiến hành các bước Lập Quy hoạch sử dụng đất của huyện Hàm Yên giai đoạn 2021 - 2030 theo quy định tại Thông tư 29/2014/TT-BTNMT, ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **II. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
- Căn cứ luật Luật Đất đai số 45/2013/QH13;
- Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật số 35/2018/QH14 về sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/06/2013 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 12/05/2020 của Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập QHSD đất quốc gia thời kì 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;
- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 26/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và gia đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thông kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Quy chuẩn QCVN 01:2019/BXD ngày 31/12/2019 của Bộ xây dựng về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 16/09/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt QHSD đất đến 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Hàm Yên;
- Quyết định số 2426/QĐ-TTg ngày 28/12/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025;
- Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo lập Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh về Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hàm Yên giai đoạn 2018-2030 định hướng đến năm 2050, tỉ lệ 1/25.000;
- Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 12/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 6/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt dự án và dự toán kinh phí lập QHSD đất huyện Hàm Yên giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện lập Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1708/QĐ-BTNMT ngày 05/08/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành kế hoạch lập QHSD đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hàm Yên lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020- 2025;

- Văn bản số 2499/UBND-TNMT ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về lập QHSD đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030;

- Văn bản số 1211/STNMT-CCĐĐ ngày 17/8/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang về việc rà soát, đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện dự án, công trình giai đoạn 2021-2030;

- Văn bản số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện;

- Văn bản số 55/STNMT-CCĐĐ ngày 18/1/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc dự kiến phân khai chi tiêu QHSD đất giai đoạn 2021-2030 cho huyện, thành phố;

- Kế hoạch số 14/KH-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên ngày 26/01/2021 về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất;

- Căn cứ các quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, các công trình có sử dụng đất trên địa bàn huyện Hàm Yên;

- Căn cứ các văn bản, quy chuẩn định mức của các ngành, các lĩnh vực có liên quan.

### **1. Mục tiêu của lập quy hoạch sử dụng đất**

- Quản lý đất đai chặt chẽ, đúng pháp luật, sử dụng đất hiệu quả, hợp lý thúc đẩy sự phát triển và công khai thị trường bất động sản; huy động và sử dụng tốt hơn nguồn vốn từ quỹ đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Cụ thể hoá điều chỉnh QHSD đất cấp tỉnh và làm định hướng cho quy hoạch của các ngành, lĩnh vực tránh tình trạng chồng chéo.

- Nhằm phân bổ đất đai hợp lý cho nhu cầu sử dụng của các xã, thị trấn và các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện.

- QHSD đất đến năm 2030 của huyện Hàm Yên nhằm phát huy tốt nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, làm cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn, đảm bảo phù hợp với mục tiêu xây dựng cơ sở hạ tầng, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, chỉnh trang đô thị theo hướng ngày càng đồng bộ, hiện đại;

## **2. Yêu cầu**

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai, Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên phải dựa trên hiện trạng sử dụng đất của địa phương.

QHSD đất đến năm 2030 của huyện Hàm Yên phải phù hợp với QHSD đất cấp trên, quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch của các cấp, các ngành; các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của huyện Hàm Yên nói riêng cũng như cả tỉnh nói chung.

QHSD đất giai đoạn 2020 đến năm 2030 của huyện phải đáp ứng yêu cầu sử dụng nguồn tài nguyên đất đai tiết kiệm, có hiệu quả đi đôi với bảo vệ môi trường, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, đảm bảo phát triển bền vững.

## **3. Nhiệm vụ**

Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện giai đoạn 2011 - 2020 đã được phê duyệt. Làm rõ những vướng mắc, khó khăn, bất cập trong việc lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước để thực hiện lập QHSD đất giai đoạn 2021 - 2030 được hoàn thiện và đạt hiệu quả cao hơn;

Xác định diện tích các loại đất đã được phân bổ trong QHSD đất cấp tỉnh và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của huyện Hàm Yên trong kỳ QHSD đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn;

Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất, khai thác quỹ đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng có hiệu quả; xác định loại đất cần thu hồi trong kỳ quy hoạch 2020 đến từng đơn vị hành chính xã, thị trấn;

Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng vào các mục đích quy định Luật Đất đai 2013 thực hiện trong kỳ quy hoạch 2030 đến từng đơn vị hành chính xã, thị trấn;

Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 và bản đồ QHSD đất đến năm 2030 của huyện Hàm Yên.

#### **4. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ**

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hàm Yên lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2021 - 2025;

- Kiểm kê đất đai năm 2019 của tỉnh Tuyên Quang;

- Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các xã, thị trấn đến năm 2030;

- Kết quả thực hiện các chương trình, dự án, các nghiên cứu của Trung ương và địa phương có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn huyện;

- Các tài liệu, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, số liệu thống kê, kiểm kê đất đai của huyện, các xã, thị trấn qua các năm 2015 - 2020.

#### **5. Bố cục báo cáo**

Nội dung của báo cáo thuyết minh tổng hợp QHSD đất đến năm 2030 được bố cục thành các phần chính sau:

- Đặt vấn đề.

- Phần I: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

- Phần II: Tình hình quản lý sử dụng đất đai.

- Phần III: Phương án quy hoạch sử dụng đất.

- Phần IV: Giải pháp thực hiện.

- Kết luận và kiến nghị.

## **PHẦN I: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI**

### **I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

#### **1.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên**

##### **1.1.1. Vị trí địa lý**

Hàm Yên là huyện miền núi nằm về phía Tây Bắc của tỉnh Tuyên Quang, thị trấn Tân Yên là trung tâm hành chính của huyện, cách thành phố Tuyên Quang 42 km (theo Quốc lộ 2), Hàm Yên nằm trong khoảng tọa độ địa lý: Từ 21<sup>0</sup>51' đến 22<sup>0</sup>23' vĩ độ Bắc và từ 104<sup>0</sup>51' đến 105<sup>0</sup>09' kinh độ Đông. Ranh giới hành chính của huyện được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Bắc Quang - tỉnh Hà Giang.
- Phía Nam giáp huyện Yên Sơn.
- Phía Đông giáp huyện Chiêm Hóa.
- Phía Tây giáp huyện Yên Bình và huyện Lục Yên - tỉnh Yên Bái.

Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 90.054,59 ha, bao gồm 18 đơn vị hành chính (01 thị trấn và 17 xã). Huyện có diện tích đất rừng khá lớn, trong đó rừng nguyên sinh với đa dạng sinh học phong phú có vai trò to lớn về môi sinh cũng như điều tiết dòng chảy lưu vực sông Lô.

Trên địa bàn huyện có Quốc lộ 2, Quốc lộ 3B đi qua (tuyến Quốc lộ có vị trí chiến lược quan trọng của tỉnh Tuyên Quang nói riêng và vùng Trung du miền núi phía Bắc nói chung) với chiều dài 50,2 km (QL2) theo hướng Bắc Nam và 8 km (QL3B) đi qua 2 xã Thái Sơn và Bình Xa. Ngoài ra, huyện còn có tuyến ĐT189 chạy qua, bắt đầu từ đường nối từ Km272, QL.3B xã Bình Xa đến thôn Lục Khang, xã Yên Thuận huyện Hàm Yên. Đây đều được coi là trục giao thông huyết mạch trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện hiện nay và trong thời gian tới.



Sơ đồ địa giới huyện Hàm Yên

### 1.1.2. Địa hình, địa mạo

Huyện Hàm Yên có địa hình, địa mạo phức tạp, hầu hết diện tích đất tự nhiên là đồi núi thấp. Độ cao trung bình 500 - 600 m, cao nhất là núi Cham Chu (xã Phú Lưu) có độ cao 1.591 m, thấp nhất ở khu vực phía Nam có độ cao 300 m so với mực nước biển. Nhìn tổng thể, địa hình của huyện có hướng cao dần từ Tây Nam sang Đông Bắc được chia làm 2 vùng chính:



- Vùng núi thấp: Tập trung chủ yếu ở phía Nam huyện và khu vực ven sông Lô gồm các xã: Thái Hoà, Đức Ninh, Hùng Đức, Thành Long, Bình Xa, Thái Sơn, Minh Dân và thị trấn Tân Yên. Đây là khu vực có độ cao trung bình 300 m, xen giữa những núi thấp là những dải đồng bằng khá rộng, màu mỡ chạy dọc theo lưu vực của sông Lô. Đây là vùng sản xuất lương thực trọng điểm của huyện.

- Khu vực phía Bắc và phía Tây huyện: Bao gồm các xã còn lại có địa hình khá phức tạp gồm các dãy núi kéo dài liên tiếp nhau, có độ cao từ 500 m - 1.000 m. Hầu hết các dãy núi của vùng được hình thành trên các khối đá mác ma, biến chất, trầm tích, có đỉnh nhọn, độ dốc hai bên sườn núi lớn, bị chia cắt mạnh; xen kẽ giữa các dãy núi chạy dọc theo các sông suối lớn có các thung lũng nhỏ hẹp dạng lòng máng nên thực vật phát triển rất đa dạng và phong phú.

### 1.1.3. Khí hậu

Khí hậu của huyện Hàm Yên có đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu lục địa Bắc Á - Trung Hoa và chia làm 2 mùa rõ rệt: Mùa Hè nóng ẩm, mưa nhiều từ tháng 4 đến tháng 9; mùa Đông khô, lạnh từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau:

\* *Nhiệt độ:*

- Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 22<sup>0</sup>C - 24<sup>0</sup>C. Nhiệt độ trung bình các tháng mùa Đông là 16<sup>0</sup>C, nhiệt độ trung bình các tháng mùa Hè là 28<sup>0</sup>C. Tổng tích ôn hàng năm khoảng 8.200<sup>0</sup>C - 8.400<sup>0</sup>C.

\* *Lượng mưa:*

- Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.600 - 1.800 mm. Số ngày mưa trung bình 150 ngày/năm. Mưa nhiều nhất tập trung vào các tháng mùa Hè (tháng 7; 8), có tháng lượng mưa đạt trên 300 mm/tháng. Lượng mưa các tháng mùa Đông (tháng 1; 2) thấp, chỉ đạt 10 - 25 mm/tháng.

- Lượng mưa phân bố không đều trong năm và được chia thành 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa tập trung từ tháng 4 đến tháng 10 trong năm, lượng mưa chiếm khoảng 86% lượng mưa của cả năm. Mùa khô lượng mưa chỉ chiếm 14% lượng mưa của cả năm.

\* *Nắng:* Tổng số giờ nắng trung bình hàng năm khoảng 1.500 giờ. Các tháng mùa Đông có số giờ nắng thấp, khoảng 40 - 60 giờ/tháng. Các tháng mùa Hè có số giờ nắng cao, khoảng từ 140 - 160 giờ.

\* *Độ ẩm không khí:* Độ ẩm không khí trung bình hàng năm từ 80 - 82%. Biến động về độ ẩm không khí không lớn giữa các tháng trong năm (từ 76 - 82%).

\* *Gió*: Có 2 hướng gió chính:

- Mùa Đông là hướng gió Đông Bắc hoặc Bắc.

- Mùa Hè là hướng Đông Nam hoặc Nam.

Tốc độ của các hướng gió thấp, chỉ đạt 1 m/s.

\* *Các hiện tượng khí hậu, thời tiết khác*:

- *Giông*: Trung bình hàng năm trên địa bàn huyện có từ 55 - 60 ngày có giông. Thời gian thường xảy ra từ tháng 4 đến tháng 8. Tốc độ gió trong cơn giông có thể đạt 25 - 28 m/s.

- *Mưa phùn*: Hàng năm có khoảng từ 15 - 20 ngày có mưa phùn, thời gian xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

- *Sương mù*: Hàng năm trung bình có khoảng 25 - 55 ngày, thường xảy ra vào các tháng đầu mùa Đông.

- *Sương muối*: Ít khi xảy ra (khoảng 2 năm mới có 1 ngày). Nếu có thường xảy ra vào tháng 1 hoặc tháng 11.

Tóm lại, với tổng số giờ nắng lớn, lượng mưa tương đối dồi dào, chế độ nhiệt phong phú, huyện Hàm Yên có thể phát triển hệ thực vật tự nhiên và cơ cấu cây trồng đa dạng từ ôn đới đến á nhiệt đới, nhiệt đới. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt có một số mặt tác động xấu nhưng mức độ không lớn.

#### **1.1.4. Thủy văn**

Chế độ thủy văn của huyện chịu ảnh hưởng chính của chế độ thủy văn Sông Lô: Đây là sông lớn nhất trên địa bàn huyện Hàm Yên và tỉnh Tuyên Quang. Sông Lô bắt nguồn từ Vân Nam (Trung Quốc) qua Hà Giang đến Tuyên Quang, chia huyện Hàm Yên thành 2 phần. Chiều dài của sông là 470 km (diện tích lưu vực sông là 39.000 km<sup>2</sup>), trong đó đoạn qua địa bàn huyện dài khoảng 62 km. Lưu lượng lớn nhất của sông đạt 11.700 m<sup>3</sup>/s, lưu lượng thấp nhất đạt 128 m<sup>3</sup>/s. Đây là tuyến đường thủy quan trọng và duy nhất nối Tuyên Quang với Hà Giang, các tỉnh Trung du, miền núi và Đông Bắc Bộ.

Ngoài Sông Lô, trên địa bàn huyện Hàm Yên còn có các sông suối như: Suối Bình Xa, suối Là, suối Hẽ, suối Sa, ngòi Thụt, ngòi Mực, ngòi Nấc...tạo thành mạng lưới thủy văn chính.

Đây là nguồn cung cấp nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt của người dân trong huyện và chứa đựng tiềm năng để phát triển thủy điện. Song do độ dốc lớn, nhiều thác ghềnh nên cũng thường gây ra nguy hiểm bất ngờ cho thuyền bè qua lại, gây lũ lụt, sạt lở đất vào mùa mưa cho những vùng có địa hình cao.

## 1.2. Phân tích, đánh giá đặc điểm các nguồn tài nguyên

### 1.2.1. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra dự án xây dựng bản đồ Thổ nhưỡng tỉnh Tuyên Quang của Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp thực hiện thì đất đai của huyện Hàm Yên được hình thành từ 12 loại đất chính, nhiều nhất là đất feralit vàng đỏ phát triển trên nền đá biến chất, khoảng gần 50.000 ha, ít nhất là đất phù sa sông Lô được bồi lắng bằng trầm tích Nêôgen, có khoảng trên 200 ha.

Khu vực phía Bắc huyện gồm các xã Yên Thuận, Bạch Xa, Minh Khương, Minh Dân, Phù Lưu, Yên Phú, Yên Lâm và một phần thị trấn Tân Yên có loại đất feralit nâu vàng phát triển trên đất phù sa cổ, thích hợp với việc trồng cam và các loại cây ăn quả có múi.

Đại bộ phận đất có độ dày canh tác từ 40 cm trở lên, thuận lợi cho việc phát triển các cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả và phát triển lâm nghiệp.

Trên địa bàn huyện có các nhóm đất chính sau:

- *Đất phù sa ngòi suối*: Phân bố chủ yếu ở các xã: Minh Hương, Tân Thành, Đức Ninh, Hùng Đức. Đất có thành phần cơ giới cát pha đến thịt nhẹ, độ dày tầng đất trên 120 cm. Phần lớn loại đất này được sử dụng trồng 1 vụ lúa hoặc 2 vụ lúa, năng suất trung bình thấp.

- *Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng*: Phân bố ở xã Nhân Mục. Đất có thành phần cát pha, độ dày tầng đất trên 120 cm. Do điều kiện tưới khó khăn nên loại đất này chỉ gieo trồng được 1 vụ lúa mùa.

- *Đất phù sa được bồi hàng năm*: Phân bố ở các xã: Phù Lưu, Tân Thành và Bình Xa (dọc theo sông Lô). Đất có thành phần cơ giới cát pha, độ dày tầng đất trên 120 cm. Đất này thường bị ngập vào mùa mưa lũ; mùa khô không được tưới nên hàng năm chỉ gieo trồng các cây màu ngắn ngày như ngô, lạc, đậu, đỗ... năng suất đạt ở mức trung bình.

- *Đất phù sa không được bồi hàng năm*: Phân bố trên nền địa hình cao ở xã Thái Sơn và Đức Ninh. Đất có thành phần cơ giới thịt nhẹ, độ dày tầng đất trên 120cm. Phần lớn trên đất này đã được trồng các loại cây ngắn ngày như lúa, hoa màu nhưng năng suất thấp.

- *Đất vàng nhạt trên đá cát*: Phân bố chủ yếu ở các xã: Thành Long, Bằng Cốc, Bình Xa, Phù Lưu, Minh Khương và Bạch Xa. Đất được hình thành từ đá mẹ sa thạch, có độ dày tầng đất từ dưới 50 cm đến trên 120 cm, có thành phần cơ giới cát pha. Trên loại đất này phần lớn còn rừng, nơi có độ dốc <math> < 25^{\circ}</math> có thể

khai thác trồng cây ăn quả hoặc cây công nghiệp lâu năm.

- *Đất vàng đỏ trên đá Granit*: Phân bố chủ yếu ở các xã: Yên Lâm, Nhân Mục, Thành Long và Thái Hoà. Đất được hình thành trên đá mẹ Granit, thành phần cơ giới cát pha, độ dày tầng đất có ở cả 3 cấp: Dưới 50 cm, từ 50 - 120 cm và trên 120 cm. Đất có địa hình đồi dốc lớn, chia cắt xen kẽ với các đồi đá cát và phiến sét, khả năng khai thác sử dụng cho sản xuất nông nghiệp bị hạn chế.

- *Đất nâu vàng trên phù sa cổ*: Phân bố chủ yếu ở các xã: Yên Phú, Thái Sơn, Bình Xa và thị trấn Tân Yên. Đất được hình thành trên đá mẹ phù sa cổ, có thành phần cơ giới thịt trung bình, độ dày tầng đất trên 120 cm. Loại đất này thường được sử dụng trồng các loại cây như chè, cây ăn quả, mía... nhưng do dễ bị mất nước nên đất chặt rắn.

- *Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ*: Phân bố chủ yếu ở các xã: Phù Lư, Tân Thành, Thái Sơn và Yên Thuận. Đất có thành phần cơ giới thịt trung bình, độ dày tầng đất trên 120 cm. Loại đất này thường được sử dụng trồng lúa và các cây trồng ngắn ngày khác, năng suất trung bình khá.

- *Đất đỏ vàng trên đá sét và đá biến chất*: Phân bố ở tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Đất được hình thành trên đá mẹ philit, gonai và phiến thạch mica. Thành phần cơ giới đất từ cát pha đến thịt trung bình, độ dày tầng đất có ở cả 3 mức: Dưới 50 cm, từ 50 - 120 cm và trên 120 cm. Loại đất này thích hợp với nhiều loại cây công nghiệp dài ngày (chè) và cây ăn quả, vùng đồi núi có độ dốc trên 25<sup>0</sup> cần phải được bảo vệ rừng và trồng rừng là chính. Đất này cũng có ý nghĩa sử dụng lớn trong nhiều mục đích sử dụng khác.

Diện tích đất: Theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, tổng diện tích đất của huyện là 90.054,59 ha. Bao gồm các loại đất sau:

- *Đất nông nghiệp*: Diện tích 84.888,72 ha, chiếm 94,26% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- *Đất phi nông nghiệp*: Diện tích 4.717,79 ha, chiếm 5,23% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- *Đất đô thị*: Diện tích 3.277,41 ha, chiếm 3,63% tổng diện tích toàn huyện, là diện tích của Thị trấn Tân Yên.

- *Đất khu dân cư nông thôn*: Diện tích đất ở nông thôn của toàn huyện 1.056,55 ha, chiếm 1,17% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

Diện tích đất chưa sử dụng của huyện còn 448,08 ha, chiếm 0,49% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Quỹ đất này trong thời gian tới tiếp tục được khai hoang để trồng rừng, trồng cây hàng năm và sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp khác.

### 1.2.2. Tài nguyên nước

- *Nguồn nước mặt*: Nguồn nước mặt của huyện khá lớn với diện tích mặt nước, sông suối chiếm 2,55% diện tích tự nhiên, trong đó chủ yếu là nguồn nước mặt từ sông Lô. Ngoài các sông, suối hiện có trên địa bàn, lượng mưa hàng năm cũng khá cao (từ 1.600 - 1.800 mm) cùng với nhiều ao, hồ chứa nước đã tạo cho huyện nguồn nước mặt khá phong phú.

Tuy nhiên nguồn nước mặt phân bố không đồng đều giữa các tháng trong năm và chất lượng nước cũng thay đổi theo mùa. Vào những tháng đầu mùa mưa, chất lượng nước mặt không ổn định, độ đục lớn và có nhiều chất hữu cơ do quá trình rửa trôi các chất trên bề mặt lưu vực. Về mùa đông trữ lượng nước mặt hạn chế vì vậy khả năng mở rộng diện tích gieo trồng vụ đông như trồng rau, ngô, đậu tương gặp nhiều khó khăn.

- *Nguồn nước ngầm*: Nguồn nước ngầm dồi dào, có ở khắp lãnh thổ huyện với chất lượng tốt đủ tiêu chuẩn dùng cho sinh hoạt. Mực nước ngầm không sâu và tương đối ổn định, thuận lợi cho khai thác, kể cả khai thác đơn giản trong sinh hoạt của người dân.

### 1.2.3. Tài nguyên rừng

Diện tích đất rừng của huyện Hàm Yên tương đối lớn, theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 62.292,33 ha, chiếm 69,17% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó bao gồm:

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích 8.794,18 ha, chiếm 9,77% tổng diện tích, được phân bố trên địa bàn các xã.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích 47.938,42 ha, chiếm 52,23% tổng diện tích, được phân bố trên địa bàn các xã.

- Đất rừng đặc dụng: Diện tích 5.559,73 ha, chiếm 6,17% tổng diện tích, là phần diện tích rừng đặc dụng trên địa bàn xã Yên Thuận và xã Phù Lưu.

Rừng là nguồn tài nguyên, là thế mạnh của huyện, diện tích đất lâm nghiệp chiếm diện tích chủ yếu trong cơ cấu sử dụng đất toàn huyện. Trong huyện có khu bảo tồn thiên nhiên rừng Cham Chu nằm ở xã Yên Thuận và xã Phù Lưu, đặc biệt là có khu du lịch sinh thái Cao Đường được ví như Tam Đảo của Tuyên Quang, hàng năm thu hút đông đảo du khách đến thăm quan. Hệ động vật rừng mang tính đặc thù của vùng sinh thái núi đá Đông Bắc, tuy nhiên số lượng đã bị suy giảm. Các loại thú lớn như hổ, gấu không còn thấy xuất hiện, hiện nay, tổ thành loài chủ yếu là các loại thú nhỏ như: Cầy hương, cầy bay, khỉ,

hươu và một số ít lợn rừng.

Thảm thực vật và hệ động vật suy giảm mạnh, đòi hỏi phải có sự quan tâm chăm sóc, tu bổ rừng, biện pháp canh tác bền vững, hướng tới phát triển công nghiệp khai thác, chế biến lâm sản và du lịch sinh thái.

#### **1.2.4. Tài nguyên khoáng sản**

Huyện có nhiều loại khoáng sản, phân bố rải rác trên khắp địa bàn, song hầu hết đến nay các loại khoáng sản chưa được thăm dò về trữ lượng và chưa có kế hoạch khai thác cụ thể, chỉ dừng lại ở dạng điều tra. Tuy vậy, khai thác và chế biến khoáng sản là một trong những khâu quan trọng cho phát triển kinh tế trong những năm tới. Qua điều tra khảo sát thu thập tài liệu, trên địa bàn huyện Hàm Yên có các nguồn tài nguyên khoáng sản sau:

- Đá vôi trắng ở Km54- Km57 (núi Đá Đen) xã Yên Phú.
- Đá vôi xanh ở Km31 QL2 xã Thái Sơn.
- Đá vôi trắng núi Bạch Mã ở xã Yên Phú.
- Quặng sắt: Đã tìm thấy ở nhiều điểm trong huyện như tại làng Mường (xã Phù Lưu) có hàm lượng Fe đến 43,2%; xã Bằng Cốc, xã Hùng Đức có hàm lượng Fe 42%. Ngoài ra còn ở rải rác tại các xã Yên Phú, xã Yên Lâm và ở phía Bắc huyện giáp với tỉnh Hà Giang.

- Cao lanh: Có ở các xã Thái Sơn, xã Thành Long đã được điều tra, nhưng chưa được đánh giá cụ thể về chất lượng và trữ lượng.

- Cát sỏi xây dựng, đá cuội lòng sông Lô: Có nhiều điểm, phân bố dọc sông Lô tại các xã Yên Lâm, Thái Sơn, Bình Xa, Thái Hòa, Đức Ninh, Tân Thành và thị trấn Tân Yên.

#### **1.2.5. Tài nguyên nhân văn**

Trên địa bàn huyện Hàm Yên hiện có 13 dân tộc cùng chung sống, trong đó phần lớn là dân tộc Kinh (chiếm tới 45,02%) dân số toàn huyện, dân tộc Tày chiếm 22,56%, dân tộc Dao chiếm 22,90%, dân tộc Cao Lan chiếm 5,7%, dân tộc Hoa chiếm 1,08%, dân tộc H'Mông chiếm 1,94%, còn lại là các dân tộc khác 0,80%. Mỗi dân tộc đều có phong tục, tập quán sinh hoạt và kinh nghiệm sản xuất riêng đã tạo nên nền văn hoá đa dạng về bản sắc.

Trải qua hàng nghìn năm chinh phục thiên nhiên, với đức tính cần cù và lòng dũng cảm, đã hun đúc nên sự sáng tạo trong lao động của người dân huyện Hàm Yên. Với tình yêu quê hương tha thiết và đôi bàn tay khéo léo, tâm hồn nhạy cảm, các dân tộc huyện Hàm Yên đã sáng tạo, gìn giữ và làm giàu kho tàng

văn hóa của mình với nhiều lễ hội, trò chơi dân gian như: Hội chọi trâu, Hội Cầu Đình (xã Bạch Xa), lễ hội đón xuân của người H'Mông ở thôn Cao Đường xã Yên Thuận, Hội thi ném còn, cà kheo, đánh đu...

Ngày nay những nét đẹp về truyền thống văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc vẫn luôn được người dân trong huyện gìn giữ và phát huy. Đồng thời, thông qua các lễ hội, hoạt động văn hóa, văn nghệ và từ chính hoạt động trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày đã góp phần định hướng cho thế hệ trẻ tiếp thu các giá trị hiện đại, phù hợp với truyền thống, rèn luyện đạo đức, lối sống và làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc. Qua đó, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế, phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa. Từ đây, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân vừa tạo kênh quảng bá, giới thiệu văn hóa truyền thống địa phương một cách hiệu quả.

#### **1.2.6. Tài nguyên du lịch**

Nổi bật trong bức tranh du lịch Hàm Yên là những địa danh, những nét văn hóa truyền thống các dân tộc. Huyện có nguồn tài nguyên rừng và hệ thống sông hồ rất phong phú, đa dạng cùng với các dãy núi đá vôi và hệ thống hang động tạo nên các điểm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa lịch sử như: Động Tiên (xã Yên Phú) đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận và xếp hạng là danh thắng Quốc gia; điểm du lịch tâm linh Đền Thác Cái (xã Yên Phú), Đền Bắc Mục thờ tướng Trần Hưng Đạo, đình Thác Cắm (thị trấn Tân Yên); điểm du lịch sinh thái: Hồ Khôn (xã Thái Sơn), núi Cham Chu (xã Minh Hương), thác Nấc Con (xã Yên Lâm), thác Lăn (xã Yên Phú). Di tích Cách mạng phủ Toàn Thắng (xã Thành Long) được công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh.

Trên địa bàn huyện có 13 dân tộc anh em sinh sống với những phong tục tập quán khác nhau tạo cho Hàm Yên một không gian văn hoá đa dạng, đây là điều kiện tạo nên các sản phẩm du lịch hấp dẫn đó là: Hội thi Ném Còn, hội chợ Thục ở xã Phù Lưu, Lễ hội Lồng Tồng, Lễ hội Động Tiên (ngày 9 tháng Giêng), Lễ hội đình Thác Cắm (ngày 10 tháng Giêng), Lễ hội Đền Thác Cái (ngày 15 tháng 7 âm lịch), Lễ hội đền Bắc Mục, các trò chơi dân gian được tổ chức hàng năm, có các sản phẩm thủ công truyền thống như: Mành cọ, dệt thổ cẩm, đồ gỗ; các món ăn ẩm thực rất phong phú của đồng bào các dân tộc thiểu số: Cơm lam, thịt trâu khô, mắm cá ruộng, xôi ngũ sắc..., hiện vẫn còn ở xã Đức Ninh, Hùng Đức, Thái Sơn, Phù Lưu đã làm nên nét độc đáo cho Hàm Yên. Sản phẩm đặc sản nông nghiệp của địa phương như gạo nếp cái, vịt bầu Minh Hương, thương hiệu

Cam Sành Hàm Yên, chè Tân Thành, Thái Hoà, rượu thóc xã Phù Lưu đáp ứng được thị hiếu của khách du lịch, mang lại sức hấp dẫn đối với du khách ghé thăm.

Huyện Hàm Yên được coi là điểm hội tụ các yếu tố, điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch cộng đồng, gắn với văn hóa dân tộc. Khai thác được một số tiềm năng về du lịch của địa phương sẽ thu hút được lực lượng lao động nông thôn, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương. Đồng thời gây dựng được hình ảnh về du lịch của địa phương đối với du khách thập phương. Trong thời gian tới cần quan tâm, phát triển tiềm năng du lịch của huyện Hàm Yên cả về chiều sâu và chiều rộng để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện.

### **1.3. Thực trạng môi trường**

#### *\* Thực trạng môi trường không khí và tiếng ồn*

Các nguồn thải chính gây ô nhiễm môi trường không khí ở huyện Hàm Yên chủ yếu là từ bụi và khí thải của các ngành công nghiệp và vận tải. Kết quả phân tích mẫu bụi, khí được đo vào tháng 6/2020 so với giá trị nền năm 2008 trên địa bàn huyện Hàm Yên cho thấy:

- Nồng độ khí CO trong không khí ở huyện Hàm Yên từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2020 biến động từ không khí phát hiện được đến 6942  $\mu\text{g}/\text{m}^3$ , luôn nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05:2013/BTNMT). Tuy nhiên so sánh với giá trị nền tháng 12/2008, giá trị nồng độ khí CO trong không khí ở tất cả các điểm quan trắc vào 6/2020 đều tăng;

- Chất lượng không khí và khu vực nông thôn trong huyện khá tốt, do mật độ dân cư thưa, diện tích nông lâm nghiệp lớn, các nguồn thải nhỏ.

- Hàm lượng bụi: tại Cổng bưu điện thị trấn Tân Yên - Hàm Yên (QT7A);

- Độ ồn: So với giá trị nền năm 2008, tiếng ồn tại các điểm đo vào tháng 6/2020 đều tăng đặc biệt ở các khu vực dân cư tập trung. Vào ban ngày tiếng ồn trung bình ở các điểm đo tháng 6/2020 dao động 45 - 78 dBA. Chợ Hàm Yên, Khu vực ngã tư bưu điện Tân Yên huyện Hàm Yên (QT7A) và Cổng bệnh viện Hàm Yên (QT7B) vượt lần lượt là 1,0 lần; 1,01 lần và 1,0 lần;

Khu vực mỏ đá Km31, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên (QT32) vượt 1,02 lần so với QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

#### *\* Thực trạng và diễn biến chất lượng môi trường nước*



*\* Nguồn nước mặt*

Nguồn cung cấp nước mặt chủ yếu của huyện Hàm Yên là sông Lô và một số sông suối trên địa bàn huyện.

Qua kết quả quan trắc, phân tích các chỉ tiêu nước mặt sông Lô tháng 12/2020 tại Yên Lâm, Tân Yên, huyện Hàm Yên nhận thấy chất lượng nước sông Lô như sau:

Từ tháng 12/2008 đến tháng 12/2020, nước sông Lô tại Tân Yên đều đạt Quy chuẩn chất lượng nước mặt loại B1. Tuy nhiên giá trị một số chỉ tiêu trong nước sông Lô tại đây có sự biến đổi như sau:

*- Vào các mùa khô:*

+ Hàm lượng COD có xu hướng giảm dần trong mấy năm gần đây, mùa khô năm 2020 giảm 1,49 lần so với mùa khô năm 2019, giảm 1,47 lần so với mùa khô năm 2018, giảm 1,5 lần mùa khô năm 2016. Hàm lượng COD tăng 1,37 lần so với mùa khô năm 2013 và tăng gấp 4,1 lần giá trị nền năm 2008.

+ Hàm lượng tổng cặn tăng mạnh vào mùa khô năm 2009, sau đó giảm dần, tăng mạnh vào mùa khô năm 2020, 2019, 2018, 2017, 2016, 2014. Mùa khô năm 2020 tăng 1,54 lần so với giá trị nền năm 2008.

+ Hàm lượng coliform tháng 12/2020 giảm nhẹ so với mùa khô năm 2019, giảm 1,16 lần. Mùa khô năm 2020, hàm lượng Coliform tăng 4,42 lần so với mùa khô năm 2015, tăng 2,12 lần so với mùa khô năm 2012 và tăng 2,58 lần so với giá trị nền 2008.

+ Hàm lượng sắt có xu hướng tăng, tuy nhiên mùa khô năm 2020, hàm lượng sắt giảm 1,42 lần so với mùa khô năm 2019 và tăng 2,17 lần so với năm 2013.

+ Hàm lượng Asen có xu hướng giảm. Hàm lượng Asen trong các mùa khô từ năm 2018 đến năm 2020 tại xã Tân Yên - Hàm Yên không phát hiện thấy.

+ Hàm lượng Hg có xu hướng giảm dần.

+ Hàm lượng các chất khác biến đổi không nhiều và không có quy luật.

Như vậy trong các mùa khô, nước sông Lô tại Tân Yên có hàm lượng Fe, hàm lượng tổng cặn, COD, Coliform tăng dần; Asen, Hg giảm dần.

*- Vào các mùa mưa:*

+ Hàm lượng BOD5 có xu hướng giảm. Mùa mưa năm 2020 giảm 34% so với mùa mưa năm 2019, giảm 29% so với mùa mưa năm 2017. Tuy nhiên, tăng 1,54 lần so với mùa mưa năm 2016, tăng 1,33 lần so với mùa mưa năm 2009 và tăng 3,5 lần so với giá trị nền năm 2008.

+ Hàm lượng COD có xu hướng tăng dần trong giai đoạn 4/2009 - 4/2015, đến mùa mưa 2016 giảm 8% so với mùa mưa năm 2014, giảm 15% so với mùa mưa năm 2015. Tuy nhiên đến mùa mưa năm 2017 hàm lượng COD có xu hướng tăng, tăng 1,98 lần so với tháng 4/2016, tăng 1,7 lần so với mùa mưa năm 2015 và tăng 5,95 lần so với giá trị nền năm 2008. Mùa mưa năm 2020 tăng 1,05 lần so với mùa mưa năm 2019.

+ Hàm lượng tổng cặn mùa mưa năm 2020 có xu hướng giảm mạnh so với mùa mưa năm 2019 và giảm 46%; mùa mưa năm 2020 giảm 17% so với mùa mưa năm 2017, giảm 29% so với mùa mưa năm 2015. Tuy nhiên tăng 1,5 lần so với mùa mưa năm 2013, tăng 1,88 lần so với mùa mưa năm 2009 và 1,37 lần so với giá trị nền năm 2008.

+ Hàm lượng Coliform giảm nhẹ vào mùa mưa năm 2009, sau đó tăng dần vào các mùa mưa tiếp theo; tuy nhiên mùa mưa năm 2016 hàm lượng Coliform giảm đáng kể so với các mùa mưa năm trước. Cụ thể: Tháng 4/2016 giảm 92% so với tháng 4/2015, giảm 85% so với tháng 4/2009. Tuy nhiên đến mùa mưa năm 2017 hàm lượng Coliform tăng đột biến, tăng 30,7 lần so với mùa mưa năm 2016 và tăng 3,8 lần so với giá trị môi trường nền năm 2008. Giá trị Coliform mùa mưa năm 2020 giảm 40% lần so với mùa mưa năm 2019.

+ Hàm lượng sắt có xu hướng giảm trong mùa mưa năm 2016 và giảm 12% so với tháng 4/2015, giảm 42% giá trị nền năm 2008. Hàm lượng sắt mùa mưa năm 2020 giảm 39% và giảm 22% so với mùa mưa năm 2018, tăng 1,18 lần so với mùa mưa năm 2017.

+ Hàm lượng Asen có xu hướng giảm; mùa mưa năm 2020 và mùa mưa năm 2019 không phát hiện thấy, mùa mưa năm 2017 giảm 50% so với mùa mưa năm 2016, giảm 46% so với giá trị nền năm 2008.

+ Hàm lượng các chất khác biến đổi không nhiều và không có quy luật.

Như vậy trong các mùa mưa, nước sông Lô tại Tân Yên có hàm lượng BOD<sub>5</sub>, Fe, Asen, tổng cặn, Coliform giảm dần; hàm lượng COD tăng.

- *Cả giai đoạn 2010 - 2020:*

+ Hàm lượng chất hữu cơ, tổng cặn mùa mưa cao hơn mùa khô.

+ Hàm lượng tổng cặn, Fe có xu hướng tăng dần; hàm lượng các chất khác biến đổi không nhiều và không có quy luật.

\* *Nguồn nước ngầm*

- Nước có độ pH biến đổi từ 5,22 - 6,52, trung bình 6,08.

- Hàm lượng BOD<sub>5</sub> có giá trị biến đổi từ 6,8 - 9,8 mg/l, trung bình 7,98 mg/l.

- Hàm lượng Penmanganat biến đổi từ 1,22 - 2,7 mg/l, trung bình 2,008 mg/l.
- Hàm lượng Nitrit có giá trị trung bình 0,437 mg/l. Đạt QCCP.
- Hàm lượng Nitrat biến đổi từ 4,5 - 7,25 mg/l, trung bình 6,19 mg/l. Đạt QCCP.
- Hàm lượng Coliform tại các điểm quan trắc tầng chứa nước lỗ hổng mùa khô tháng 12/2020 không phát hiện thấy.
- Hàm lượng Fe biến đổi từ 1,22 - 4,2 mg/l, trung bình 2,775 mg/l. Đạt QCCP.

Trong nước tầng chứa nước lỗ hổng có mặt hầu hết các kim loại khác nhưng hàm lượng rất thấp, đều đạt QCCP hoặc không phát hiện.

*\* Thực trạng môi trường đất*

Kết quả phân tích một số mẫu đất đặc trưng trên địa bàn huyện Hàm Yên năm 2020 cho thấy:

- Đất trồng rừng ở Cham Chu, xã Minh Hương - Hàm Yên (QT5) đều đạt Quy chuẩn cho phép.

- Đất trồng cam tại xã Yên Lâm - Hàm Yên (QT6).

- Đất bãi bồi ven sông Lô tại thị trấn Tân Yên - Hàm Yên (QT7A): Các chỉ tiêu phân tích đều đạt Quy chuẩn cho phép.

- Đất tại thôn Làng Chùa xã Thái Hòa - Hàm Yên (QT31). Các chỉ tiêu phân tích đều đạt Quy chuẩn cho phép. Riêng hàm lượng Cd tháng 12/2020 không phát hiện thấy, tháng 12/2018 có hàm lượng giảm so với tháng 12/2017, tháng 4/2017, tháng 4/2016, 12/2015, 4/2015, 12/2014 và 4/2014, nằm trong ngưỡng QCCP.

- Các chỉ tiêu phân tích mẫu đất trồng cam tại Yên Lâm - Hàm Yên (QT6) đều đạt Quy chuẩn cho phép. Hàm lượng Pb tháng 12/2020 tăng so với tháng 6/2020 và có xu hướng tăng dần lên so với các năm trước, tuy nhiên vẫn nằm trong ngưỡng quy chuẩn cho phép.

#### **1.4. Đánh giá chung**

Hàm Yên là một huyện miền núi, do đó việc ảnh hưởng của biến đổi khí hậu là không tránh khỏi, tác động xấu đến việc sử dụng đất của nhân dân trên toàn huyện. Trong vòng 5 năm trở lại đây, thiên tai diễn biến phức tạp và gây thiệt hại ngày càng lớn. Qua những vấn đề nêu trên cho thấy, biến đổi khí hậu đã tác động mạnh mẽ đến việc sử dụng đất, đặc biệt là đất nông nghiệp; đất giao thông và đất ở. Để đối phó với thiên tai, biến đổi khí hậu cần có một chiến lược lâu dài. Tuy nhiên trước mắt chúng ta cần đưa ra được phương hướng sử dụng đất hợp lý, chuyển đổi diện tích nông nghiệp thường bị ảnh hưởng bởi thiên tai sang các mục đích sử dụng khác hợp lý, hiệu quả hơn. Bên cạnh đó cần bố trí

quỹ đất dự phòng và chủ động phòng chống thiên tai, bão lũ, hạn chế những tác động của biến đổi khí hậu xảy ra trong quá trình sử dụng đất.

## **II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI**

### **2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội**

Trong năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của huyện; qua đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 11 tháng, thực hiện năm 2020 có 13/16 chỉ tiêu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch; 03 chỉ tiêu dự báo không đạt (giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 91,6% KH; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội đạt 81,8% KH; diện tích cây mía đạt 58,3% KH); cụ thể kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thực hiện năm 2020 (giá so sánh 2010) đạt 807 tỷ đồng.

Tổng sản lượng lương thực (lúa, ngô) 11 tháng đạt 49.964 tấn, đạt 92,6% KH, đến năm 2020 đạt 54.421,5 tấn (trong đó: Thóc 39.812,1 tấn, ngô 14.609,4 tấn), tăng 0,9% kế hoạch, đạt 100% so với năm 2019.

Tập trung trồng rừng đến năm 2020 đạt 2.514,9 ha, đạt 101,8% KH, đạt 101,1% so với năm 2019.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, phần đầu tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm 2020 đạt trên 61%.

Thực hiện năm 2020 trồng và chăm sóc 2.150,5 ha chè, đạt 100,6% KH, tăng 0,8% so với năm 2019, (diện tích trồng mới 17,0 ha, diện tích trồng lại 5,4 ha). Tập trung thực hiện Đề án phát triển vùng sản xuất Cam sành của tỉnh trên địa bàn huyện, tập trung chăm sóc 7.270,0 ha, đạt 100% kế hoạch và cùng kỳ năm 2019.

Năm 2020 trồng và chăm sóc cây mía với diện tích 285,6 ha/490 ha mía, đạt 58,3% KH, so cùng kỳ năm 2019 đạt 63,6%; trong đó trồng mới 20,57 ha, đạt 205,7% kế hoạch, diện tích trồng lại 15,04 ha, đạt 199,3% kế hoạch.

Chăn nuôi: Chú trọng thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi và các giải pháp phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu phi; tổng đàn trâu 14.100 con, đạt 100% KH; đàn bò 4.060 con, đạt 100% KH; đàn lợn 68.917 con, đạt 92,9% KH; đàn gia cầm 965.000 con, đạt 100% KH.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2020 đạt 1.900 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 11 tháng đạt 85,8 tỷ đồng, đạt 100,9% KH; đến năm 2020 đạt 91,5 tỷ đồng, đạt 107,5% KH, so với năm 2019 đạt 107,2%.

Giáo dục: Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; duy trì 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục các bậc học trong năm học 2019 - 2020, tỷ lệ huy động số cháu trong độ tuổi đi nhà trẻ đạt 25,5%; tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 100%; trẻ 5 tuổi vào học mẫu giáo đạt 100%; trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành tiểu học lớp 5 vào học THCS đạt 100%.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các giải pháp duy trì và phấn đấu đến cuối năm 2020 có 16/18 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế (theo tiêu chí mới); đến năm 2020 tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin là 98%, 88,9% tỷ lệ xã, thị trấn có bác sỹ; 10% tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi).

Trong 11 tháng đầu năm 2020 thực hiện tạo việc làm mới cho 3.926 lao động, tăng 7,9% KH; đến thực hiện năm 2020 tạo việc làm mới cho 4.166 lao động, tăng 3,1% KH, đạt 95,7% so với năm 2019. Triển khai thực hiện các giải pháp giảm nghèo phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 15,08% xuống còn 11,74% vào cuối năm 2020.

Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tại cơ sở, phấn đấu đến cuối năm 2020 tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 90,1%; 81,3% thôn, bản, tổ nhân dân đạt danh hiệu văn hóa, 90% tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia thực hiện năm 2020 đạt 99,2%.

Năm 2020 tỷ lệ hộ dân ở thành thị được sử dụng nước sạch đạt 100%; 93% hộ dân ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 75% hộ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội; kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; đảm bảo an toàn trong các ngày lễ lớn, nhất là Đại hội đại biểu Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 -2025.

## **2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực**

### **2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp**

Là huyện miền núi nên sản xuất nông nghiệp luôn giữ vai trò quan trọng; sản phẩm nông nghiệp ngày càng đa dạng, phong phú, đã chú trọng phát triển các vùng sản xuất chuyên canh chè, mía, cam và một số cây, con đặc sản khác, góp phần tăng sản lượng hàng hóa và thu nhập trên một đơn vị diện tích. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản vượt mục tiêu Nghị quyết (Mục tiêu Nghị

quyết 1.810 tỷ đồng, kết quả năm 2020 đạt 2.282 tỷ đồng - giá so sánh năm 2010), tăng trưởng bình quân 6,1%/năm. (*Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI*)

### **2.1.1.1. Sản xuất nông nghiệp**

*\* Trồng trọt:*

Triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa một số sản phẩm nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới như: Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển vùng sản xuất cam sành, vùng sản xuất chè, vùng nguyên liệu mía đường,... Từng bước xây dựng nhiều hơn các sản phẩm đạt chuẩn OCOP (Cam sành Hàm Yên, bưởi Đức Ninh, chè Tân Thái, chè xanh Làng Bát); huyện đã tập trung triển khai các chính sách, kế hoạch phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn, chỉ đạo tổ chức thực hiện sản xuất nông lâm nghiệp đúng khung thời vụ và chủ động chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng; thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh hại trên các cây trồng chính như lúa, ngô, cam, chè, mía, cây lâm nghiệp... kịp thời, hiệu quả.

Tập trung triển khai thực hiện 16 mô hình khuyến nông trên địa bàn các xã, thị trấn đảm bảo tiến độ; triển khai thực hiện 03 mô hình trồng mới mía tại xã: Thái Hòa, Thái Sơn, Bình Xa; tổ chức tập huấn hướng dẫn nông dân sản xuất vụ xuân, vụ mùa, vụ đông đạt hiệu quả với 439 lớp/12.969 lượt người tham gia, hiện nay đang tiếp tục chỉ đạo các xã, thị trấn triển khai thực hiện sản xuất vụ đông đảm bảo 100% KH năm 2020, đồng thời gắn liền với việc xây dựng mô hình khuyến nông trên địa bàn huyện.

Kết quả sản xuất nông nghiệp: Tổng sản lượng lương thực cả năm 2020 đạt 54.421,5 tấn (trong đó: thóc 38.812,1 tấn - diện tích đất lúa chất lượng cao đạt 1.805 ha, ngô 14.609,4 tấn); diện tích cây chè đạt 2.137 ha (diện tích trồng mới 17,0 ha, diện tích trồng lại 5,4 ha); diện tích cây mía thực hiện 285,6 ha (diện tích trồng mới 20,57 ha, diện tích trồng lại 15,04 ha). Tập trung thực hiện Đề án phát triển vùng sản xuất Cam 7.270 ha; trong đó diện tích cam sản xuất VietGAP 756 ha; sản lượng cam bình quân 80.000 tấn/năm, giá trị sản phẩm từ 650 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng/năm (*Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI*); hoàn thành xây dựng chỉ dẫn địa lý “Cam sành Hàm Yên” cho sản phẩm cam sành của huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; trong tháng 10/2020 huyện được cấp giấy chứng nhận Đăng

ký chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm quả cam sành. Cây ăn quả khác: Cây quýt 69 ha; cây nhãn 26 ha; cây vải 56 ha, cây bưởi 263 ha.

*\* Chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản*

Duy trì chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm; tập trung chỉ đạo hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm, chăn nuôi thủy sản, nhất là bệnh dịch tả lợn Châu phi (từ 01/01 đến ngày 01/12/2020 bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tiêu hủy 1.640 con, trọng lượng lợn tiêu hủy 88.455 kg, số thôn có dịch 95 thôn với 288 hộ), đến nay đã có 13 xã đã được cơ quan Thú y tỉnh thẩm định đủ điều kiện công bố hết dịch. Cúm gia cầm H5N6 xảy ra và đã tiêu hủy 196 con gia cầm tại 01 hộ gia đình trên địa bàn xã Minh Dân, hiện đã công bố hết dịch; bệnh Lở mồm long móng xảy ra tại 05 hộ gia đình số lượng 08 con (04 con trâu, 04 con bò) trên địa bàn xã Nhân Mục; tiếp tục chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện vệ sinh khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi phòng, chống dịch bệnh động vật. Năm 2020 tổng đàn trâu 14.100 con; đàn bò 4.060 con, đàn lợn 68.917 con, đàn gia cầm 965.000 con; thực hiện tốt công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm.

Chăn nuôi gia súc, thủy sản từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành một số mô hình chăn nuôi đạt hiệu quả và đạt chuẩn OCOP như: Vịt bầu Minh Hương đạt 81 tấn, cá đặc sản Thái Hòa trên 18 tấn, thịt trâu Hàm Yên (*Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI*).

**2.1.1.2. Phát triển lâm nghiệp**

Công tác bảo vệ, phòng, chống cháy rừng và trồng rừng tiếp tục được quan tâm chỉ đạo. Năm 2020 thực hiện trồng rừng được 2.514,90 ha (trong đó: trồng tập trung 2.442,40 ha, trồng phân tán 72,50 ha); tổng sản lượng khai thác gỗ rừng năm 2020 đạt 234.000 m<sup>3</sup>. Kết quả thực hiện trồng rừng sản xuất hỗ trợ năm 2020 theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: 376,0 ha, trong đó: Keo lai mô 264,1 ha, keo tai tượng hạt ngoại 111,90 ha. Hoàn thiện cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho các hộ gia đình tại xã Hùng Đức với diện tích 2.388,91 ha. Bên cạnh việc trồng và khai thác rừng, phải đi kèm làm tốt công tác bảo vệ rừng, nhất là diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, duy trì tỷ lệ che phủ rừng 60%, triển khai cấp chứng chỉ rừng bền vững theo tiêu chuẩn Quốc tế FSC đạt trên 3.650 ha.

### **2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp**

Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) năm 2020 đạt 807 tỷ đồng. Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu năm 2020: Điện thương phẩm năm 2020 đạt 68 Tr.KWh, sản xuất giấy da năm 2020 đạt 1 triệu đôi; đường kính 11.983 tấn; nước máy tiêu thụ 538.000 m<sup>3</sup>; chế biến chè các loại 3.457 tấn..., tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,2% (Nguồn: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI).

Tại thời điểm ngày 01/01/2019, thực trạng tình hình thực hiện chấm dứt sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, thủ công cải tiến trên địa bàn huyện Hàm Yên là 98 lò. Tổng số lò gạch thủ công đã tháo dỡ 98/98 lò; ngày 13/7/2020 Ủy ban nhân dân huyện đã phê duyệt và giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2020 cho UBND các xã để hỗ trợ kinh phí thực hiện tháo dỡ các lò gạch đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn huyện với tổng kinh phí 1.198,849 triệu đồng cho 98 lò thuộc 6 xã: Thái Sơn, Bình Xa, Phù Lưu, Tân Thành, Yên Phú, Đức Ninh.

### **2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ**

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2020 đạt 1.900 tỷ đồng. Duy trì các điểm bán hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng thiết yếu trong nhân dân trên địa bàn; thực hiện tuyên truyền về công tác phòng chống dịch Covid-19 cho các cơ sở bán hàng khâu trang và chất tẩy rửa sát khuẩn; đã có 66 cơ sở kinh doanh quầy thuốc ký cam kết bán khâu trang và chất tẩy rửa sát khuẩn đảm bảo theo quy định.

Tăng cường công tác quản lý thị trường nhằm kiểm tra chất lượng hàng hóa, phòng, chống buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, phát hiện và xử lý các vi phạm về hàng hóa, góp phần tích cực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; thực hiện kiểm tra 88 vụ, trong đó: số vụ vi phạm đã xử lý 31 vụ với tổng số tiền thu nộp ngân sách nhà nước và trị giá hàng tịch thu, tiêu hủy 208.558 triệu đồng; số vụ không vi phạm 57 vụ.

## **2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất**

### **2.3.1. Dân số**

\* *Dân số*: Tổng dân số trên địa bàn toàn huyện (tính đến ngày 31/01/2020) là 123.179 người, trong đó:



- Khu vực thành thị: 11.328 nhân khẩu.
- Khu vực nông thôn: 111.850 nhân khẩu.

Chất lượng dân số ngày càng được cải thiện, đây là kết quả của công tác giáo dục và chăm sóc sức khỏe, số học sinh đến trường ngày càng tăng, chất lượng giáo dục ngày càng phát triển, số học sinh đỗ tốt nghiệp: 884/886 học sinh dự thi, đạt tỷ lệ 99,8%, 18/18 xã, thị trấn có Trạm y tế, trong đó có 16/18 trạm y tế có bác sĩ.

\* *Dân tộc*: Trên địa bàn huyện có 13 dân tộc sinh sống, dân tộc Tày, dân tộc Dao, dân tộc Kinh, dân tộc Hoa, dân tộc Mông, dân tộc Mường, dân tộc La Chí, dân tộc Nùng, Dân tộc Cao Lan... Đồng bào dân tộc Tày và Dao là những dân tộc chủ yếu, sống lâu đời của huyện. Mỗi dân tộc đều lựa chọn địa bàn cư trú khác nhau phù hợp với các phong tục tập quán và các lễ hội riêng tạo nên nét bản sắc rất đa dạng phong phú.

### **2.3.2. Lao động và thu nhập**

Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo việc làm, đồng thời đẩy mạnh hoạt động tư vấn, xúc tiến giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động. Giai đoạn 2015 - 2020 có 14.640 người lao động có việc làm, riêng năm 2020 tạo việc làm cho 3.926 lao động, xuất khẩu lao động nước ngoài 41 lao động.

Công tác giảm nghèo được quan tâm, thực hiện lồng ghép có hiệu quả với nhiều chương trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo được sự đồng thuận và sự tham gia tích cực của nhân dân, như: chương trình 135, hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở... hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, huy động cộng đồng tham gia giúp đỡ hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Trong giai đoạn 5 năm 2015 - 2020, có 6.036 hộ thoát nghèo ; hỗ trợ làm mới nhà ở cho 777 hộ nghèo với số kinh phí trên 22,8 tỷ đồng, cho 1.098 hộ nghèo vay vốn với tổng số tiền 27,5 tỷ đồng ; hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi cho hơn 18.760 lượt hộ, số tiền vay trên 491,8 tỷ đồng ; không còn hộ chính sách, người có công thuộc diện hộ nghèo. Riêng trong năm 2020 đã có 800 hộ thoát nghèo, trong đó nhiều hộ tự nguyện đăng ký thoát nghèo, giảm 3% tỷ lệ hộ nghèo chung toàn huyện, đưa tỷ lệ hộ nghèo từ 15,08% xuống còn 11,74% vào cuối năm 2020.

Quan tâm thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng, các đối tượng chính sách xã hội. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống ma túy, các tệ nạn xã hội.

Lao động đi làm việc tại các tỉnh, thành phố: 1.187/750 lao động, đạt 158,3%

kế hoạch; đạt 97,7% so với năm 2019; Xuất khẩu lao động nước ngoài: 41/40 lao động, đạt 102,5% kế hoạch; đạt 54,7% so với năm 2019. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 54,3%, trong đó qua đào tạo nghề đạt 35,5%.

*(Nguồn: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI).*

## **2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn**

### **2.4.1. Thực trạng phát triển đô thị**

Huyện Hàm Yên hiện có một đô thị là thị trấn Tân Yên (đạt tiêu chuẩn đô thị loại V), cách thành phố Tuyên Quang 42 km về phía Bắc, diện tích của thị trấn là 3.277,41 ha, chiếm 3,63% tổng diện tích tự nhiên của huyện, đây là trung tâm chính trị, kinh tế - văn hoá - xã hội của huyện. Dân số của thị trấn năm 2020 có 11.329 người với 3.236 hộ.

Thị trấn Tân Yên là nơi tập trung các cơ quan hành chính, các công trình phúc lợi công cộng, các cơ sở thương mại - dịch vụ gắn liền với các khu dân cư. Trong những năm gần đây hệ thống cơ sở hạ tầng có nhiều thay đổi, các công trình xây dựng cơ bản như trụ sở làm việc của các cơ quan, các công trình phúc lợi xã hội, hệ thống giao thông, cấp thoát nước mạng lưới thông tin, bưu điện phát thanh truyền hình, các dịch vụ ngân hàng thương mại, du lịch... Nhà ở đang được cải tạo, nâng cấp, kiến trúc đô thị ngày một khang trang.

### **2.4.2. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn**

Huyện có 17 xã thuộc khu vực nông thôn, tổng cộng có 262 thôn. Với phong tục, tập quán có từ lâu đời, các điểm dân cư nông thôn thường được hình thành và phát triển dọc theo các tuyến giao thông chính, gần nguồn nước, nơi có địa hình bằng phẳng, thuận tiện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Hệ thống cơ sở hạ tầng như trụ sở UBND xã, trường học, sân thể thao, bưu điện văn hoá... tập trung chủ yếu ở trung tâm các xã, đối với các thôn xóm xa trung tâm xã chỉ có các điểm trường học. Do điều kiện địa hình phức tạp và kinh tế còn nhiều khó khăn nên khả năng đầu tư về cơ sở vật chất trong khu dân cư nông thôn của huyện trong những năm qua còn có những hạn chế nhất định.

Thực trạng hệ thống cơ sở hạ tầng trong khu dân cư nông thôn đang ngày càng được cải thiện đáp ứng tốt hơn nhu cầu đời sống vật chất tinh thần của người dân.

## **2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng**

### **2.5.1. Hệ thống giao thông**

*\* Giao thông đường bộ*

Trong những năm qua hệ thống đường bộ của huyện đã được Nhà nước đầu tư và huy động các nguồn lực của nhân dân nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới, hệ thống đường bộ trên địa bàn huyện gồm:

- *Quốc lộ 2*: Đây là tuyến đường có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của cả tỉnh Tuyên Quang nói chung và huyện Hàm Yên nói riêng. Phần đường chạy trên địa bàn huyện dài 50,2 km. Đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi 2 làn xe, có khả năng lưu thông tốt.

- *Quốc lộ 3B*: Chiều dài qua huyện 8 km, đi qua 2 xã Thái Sơn và Bình Xa. Đây là tuyến đường nối từ Km166, QL.2 xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên đến xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa dài 55,65 Km. Đường đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi 2 làn xe, có khả năng lưu thông tốt.

- *Đường tỉnh 189*: Tổng chiều dài đi qua huyện là 57,0 km, rộng 5 m. Tuyến đường nối từ Km272, QL.3B xã Bình Xa đến thôn Lục Khang, xã Yên Thuận huyện Hàm Yên. Mặt đường láng nhựa, đường đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- *Đường đô thị*: Hệ thống đường đô thị toàn huyện dài 21,20 km tại thị trấn được nhựa hoá. Riêng đoạn Kho Bạc - ngã ba Dốc Đền do dùng làm đường tránh để thi công Quốc lộ 2 hiện nay đã xuống cấp trầm trọng. Nhìn chung, hệ thống đường đô thị chưa đáp ứng với yêu cầu tốc độ phát triển kinh tế ở đô thị của huyện.

- *Đường huyện*: Hiện tại đường huyện có 10 tuyến với tổng chiều dài 272,79 Km hoàn toàn là đường cấp phối và đường đất.

- *Bến xe, điểm đỗ, trạm dừng nghỉ*: Bến xe có 01 điểm tại thị trấn Tân Yên. Chưa có các bến đỗ, trạm dừng nghỉ trên địa bàn toàn huyện.

Nhìn chung hệ thống giao thông đường bộ còn thiếu về số lượng và kém về chất lượng. Mạng lưới và chất lượng giao thông tỉnh lộ, huyện lộ và giao thông nông thôn chưa được đầu tư nâng cấp đồng bộ nên đi đến các vùng trong huyện còn nhiều khó khăn, hệ thống các đường huyện và đường thôn bản không thể đảm bảo lưu thông trong mùa mưa lũ.

\* *Giao thông đường thủy*:

Sông Lô là tuyến giao thông thủy duy nhất, chảy qua địa bàn huyện với chiều dài khoảng 62 km. Do đặc điểm địa hình miền núi nên sông có nhiều đoạn cong, có đá ngầm vì vậy vận tải thủy gặp nhiều khó khăn và không thuận lợi bằng vận tải đường bộ. Trong đó:

+ Đoạn từ xã Đức Ninh đến cầu Bợ xã Thái Sơn cho phép tàu thuyền có

trọng tải khoảng 20 tấn trở xuống đi lại được trong mùa nước.

+ Đoạn từ cầu Bợ xã Thái Sơn đến bến Đền xã Bạch Xa lòng sông dốc, nhiều thác ghềnh, chỉ có các phương tiện vận tải dưới 05 tấn.

\* *Thuận lợi, khó khăn hạn chế:*

- *Thuận lợi:*

+ Các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện, đường đô thị đã đáp ứng được nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, giao thương của người dân trong lẫn ngoài tỉnh.

+ Việc các tuyến đường nối liên tỉnh và liên huyện cũng góp phần lớn vào việc phát triển kinh tế địa phương và toàn tỉnh.

+ Hàm Yên là huyện chủ yếu sản xuất nông nghiệp nên việc các tuyến đường huyện dày đặc vào đến các xã các thôn xa nhất của huyện giúp cho người dân dễ dàng vận chuyển nông sản, giúp cho nông sản đạt chất lượng cao, chi phí vận chuyển được hạ thấp.

+ Đường thủy nội địa giúp cho việc vận chuyển hàng hóa nhất là cát sỏi, vật liệu xây dựng trong huyện được thuận lợi, tiết kiệm được chi phí vận chuyển.

- *Hạn chế khó khăn:*

+ Quốc lộ 2 là tuyến đường quan trọng trong việc đi lại và vận chuyển hàng hóa qua huyện Hàm Yên với các tỉnh phía bắc nên mật độ phương tiện đi lại rất lớn nhưng hạ tầng giao thông chưa đáp ứng được yêu cầu khiến cho hay xảy ra tai nạn giao thông tại một số điểm nút giao thông (Ngã 3 Km31) hay các khúc cua khuất tầm nhìn.

+ Các tuyến đường huyện vẫn còn đường đất gây khó khăn cho việc đi lại của người dân vào mùa mưa và ô nhiễm không khí do bụi vào mùa khô.

+ Đường thủy nội địa tuy đáp ứng được nhu cầu đi lại vận chuyển hàng hóa trong huyện nhưng lại khó đi ra ngoài huyện và ngoài tỉnh vì đã xây dựng các thủy điện để khai thác tiềm năng về năng lượng.

### **2.5.2. Hệ thống thủy lợi**

Đến nay toàn huyện có 468 công trình thủy lợi. Trong đó: 149 đập xây, 96 công trình hồ chứa, 143 công trình phai tạm, đập xây bằng rọ thép có 72 công trình, trạm bơm có 8 công trình (*trạm bơm điện 4 công trình, trạm bơm Thủy luân 1 công trình và trạm bơm dầu 3 công trình*). Tổng chiều dài kênh tưới 550.989 km; trong đó đã kiên cố hoá 270.410 km, kênh đất còn lại 273.579 km. Tỷ lệ kênh mương kiên cố hóa là 50,34%. Diện tích tưới cả năm 6.437,98 ha đạt

36,09% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp (diện tích lúa vụ đông xuân: 2.568,275 ha, diện tích lúa vụ mùa: 2.758,849 ha, diện tích cấp nước nuôi trồng thủy sản 19.804 ha, diện tích cấp nước trồng cây hoa màu 864.797 ha và diện tích cấp nước cho lúa có khả năng tăng thêm 226.254 ha). Tỷ lệ hộ dân ở đô thị được sử dụng nước sạch 98%, tỷ lệ hộ dân ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 95%.

Song bên cạnh đó vẫn còn một số công trình thủy lợi bị xuống cấp nghiêm trọng không đáp ứng nhu cầu phục vụ cho sản xuất cần được nâng cấp, tu sửa. Số lượng công trình nhiều nhưng các công trình không tập trung nên khó khăn trong việc quản lý, điều tiết nước của các ban quản lý công trình.

### **2.5.3. Năng lượng**

Huyện Hàm Yên là một huyện miền núi với địa hình phức tạp, nhiều đồi núi, sông, ngòi, khe, suối, lưới điện trải rộng khắp trên toàn huyện, nhiều lưới điện được xây dựng và vận hành từ lâu. Tuy nhiên lưới điện hạ thế nông thôn đã xuống cấp, năm nào hệ thống lưới, trạm trên các địa bàn huyện Hàm Yên cũng phải chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt. Do vậy huyện đã đầu tư một số công trình điện và sửa chữa lưới điện nông thôn; quản lý, vận hành mạng lưới điện bảo đảm an toàn, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân, cụ thể là tiểu dự án đường dây 110kv và trạm biến áp Hàm Yên; tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia năm 2020 của huyện đạt 99,2%.

### **2.5.4. Bưu chính, viễn thông và phát thanh truyền hình**

*Về bưu chính viễn thông:* Năm 2020, tổng số máy điện thoại (thuê bao điện thoại) 103.300 thuê bao, Mật độ sử dụng điện thoại đạt 77 thuê bao/100 dân. Số xã, thị trấn có nhà bưu điện văn hóa xã là 16 xã thị trấn, đạt 88,9%. Mật độ sử dụng Internet đạt 7,3 thuê bao/100 dân.

*Về sự nghiệp phát thanh truyền hình:* Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phản ánh kịp thời trên sóng Phát thanh, Trang thông tin điện tử huyện về các sự kiện nổi bật trong mọi lĩnh vực diễn ra trên địa bàn huyện và gửi các tin, bài viết phát trên sóng phát thanh, truyền thanh, truyền hình Đài tỉnh. Thực hiện biên tập và phát 162 giờ phát chương trình địa phương trên hệ thống truyền thanh không dây; số giờ tiếp âm Đài tiếng nói Việt Nam, đài tỉnh 15.603 giờ. Tỷ lệ dân số được phủ sóng phát thanh đạt 98,5%, phủ sóng truyền hình đạt 95%; có 95% hộ gia đình có máy thu thanh, thu hình.

*(Nguồn: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI).*

### 2.5.5. Giáo dục đào tạo

Ngành Giáo dục - Đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn được nâng cao, tăng tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá, giỏi và học sinh đạt giải trong các kỳ thi các cấp, học sinh thi đỗ các trường đại học. Thực hiện tốt chương trình đổi mới giáo dục phổ thông, nội dung, phương pháp dạy học, từng bước nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông ngày càng vững chắc. Đến năm 2020, toàn huyện có số giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn chiếm tỉ lệ 99,95%.

Cơ sở vật chất cho giáo dục được quan tâm đầu tư, chú trọng dành nguồn lực xây dựng trường chuẩn quốc gia. Trong đó, xã hội hóa giáo dục đạt kết quả quan trọng, góp phần tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị trong các trường học (Nguồn xã hội hoá giáo dục 30,6 tỷ đồng, bao gồm: Chi phổ cập giáo dục là 10 tỷ đồng, chi xây dựng trường chuẩn quốc gia là 20,6 tỷ đồng) để tiếp tục đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài; củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn.

Đến cuối năm 2020 tổng số trường đạt chuẩn quốc gia là 32/66 trường, gồm: Cấp mầm non 9 trường, cấp tiểu học 11 trường, cấp trường phổ thông liên cấp I + II có 01 trường, trung học cơ sở 10 trường, trung học phổ thông 01 trường. Tiếp tục phương hướng tiên tiến xây dựng 100% các điểm trường đạt chuẩn quốc gia.

**Bảng : Danh mục các trường đánh giá diện tích đất chuẩn quốc gia theo quy định trên địa bàn huyện**

STT	Tên trường	Chuẩn quốc gia	STT	Tên trường	Chuẩn quốc gia
1	MN Yên Thuận		34	TH Thành Long	
2	MN Bạch Xa		35	TH Thái Sơn	x
3	MN Minh Khương		36	TH Đình Thái	x
4	MN Minh Dân		37	TH Đức Ninh	x
5	MN Phù Lưu	x	38	TH Hùng Vân	x
6	MN Tân Thành	x	39	TH Hùng Thắng	
7	MN Bình Xa	x	40	PTDTBT THCS Yên Thuận	
8	MN Minh Hương		41	PTDTBT THCS Minh Khương	
9	MN Yên Lâm		42	THCS Bạch Xa	
10	MN Yên Phú	x	43	THCS Minh Dân	x
11	MN Tân Yên	x	44	THCS Phù Lưu	x
12	MN Nhân Mục	x	45	THCS Tân Loan	
13	MN Bằng Cốc		46	THCS Bình Xa	x
14	MN Thành Long		47	THCS Minh Quang	x

STT	Tên trường	Chuẩn quốc gia	STT	Tên trường	Chuẩn quốc gia
15	MN Thái Sơn		48	THCS Minh Tiến	
16	MN Thái Hoà	x	49	THCS Yên Lâm	
17	MN Đức Ninh	x	50	THCS Yên Hương	x
18	MN Hùng Đức	x	51	THCS Tân Yên	x
19	TH Yên Thuận		52	THCS Thành Long	
20	TH Bạch Xa		53	THCS Thái Sơn	x
21	TH Minh Khương		54	THCS Thái Hoà	x
22	TH Minh Dân	x	55	THCS Đức Ninh	x
23	TH Phong Lưu	x	56	PTDTBT THCS Hùng Đức	x
24	TH Phù Loan	x	57	TH&THCS Yên Lâm	
25	TH Tân Loan		58	TH&THCS Việt Thành	
26	TH Bình Xa	x	59	TH&THCS Bằng Cốc	
27	TH Minh Quang		60	TH&THCS Thái Thủy	
28	TH Minh Tiến		61	TH&THCS Nhân Mục	x
29	TH Yên Lâm I		62	TH&THCS Trung Thành	
30	TH Yên Hương		63	PTDTNT THCS huyện	
31	TH Minh Phú	x	64	THPT Hàm Yên	
32	TH Bắc Mục	x	65	THPT Thái Hòa	
33	TH Tân Yên	x	66	THPT Phù Lưu	x

(Nguồn: Phòng giáo dục huyện Hàm Yên).

### 2.5.6. Y tế

Năm 2020, toàn huyện có 21 cơ sở khám, chữa bệnh; 01 bệnh viện huyện; 02 phòng khám đa khoa khu vực, 13 phòng khám tư nhân (trong đó có 4 phòng khám đa khoa tư nhân) và 18 trạm y tế xã, thị trấn. Công tác phòng, chống dịch bệnh thường xuyên được quan tâm, hạn chế mức thấp nhất không để xảy ra dịch bệnh, nhất là dịch Covid-19. Tính đến thời điểm báo cáo trên địa bàn huyện Hàm Yên chưa xuất hiện dịch bệnh COVID-19.

Năm 2020, huyện có 16/18 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã; số lượt khám chữa bệnh cho nhân dân thực hiện 9 tháng năm 2020 là 128.550 lượt người; công suất sử dụng giường bệnh 100%; 18/18 xã, thị trấn có bác sỹ, 100% thôn, tổ dân phố có nhân viên y tế hoạt động; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đạt dưới 10%; 98% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình; thực hiện tốt chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình.

(Nguồn: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI).

### **2.5.7. Văn hóa - thể thao**

*Về sự nghiệp văn hóa:* Năm 2020, toàn huyện có 01 nhà văn hoá thông tin huyện; 18 nhà văn hoá xã, thị trấn (trong đó số nhà văn hoá xã, thị trấn đạt chuẩn là 4 xã, thị trấn), 265/283 thôn, tổ dân phố đã xây dựng nhà văn hóa - tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hoá hằng năm 80-85%, tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa hằng năm 90-93%, tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 90%; 01 thư viện huyện hoạt động; 18 xã, thị trấn có tủ sách trong nhà văn hoá; 01 đội thông tin lưu động chuyên nghiệp; có 414 tổ đội văn nghệ cơ sở (18 đội văn nghệ xã, thị trấn; 396 đội văn nghệ thôn, cơ quan, trường học).

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 14 di tích đã được kiểm kê (trong đó có 02 di tích cấp Quốc gia); 06 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Có 7 Câu lạc bộ Hát then - đàn tính, 01 Câu lạc bộ hát Páo dung, 02 Câu lạc bộ hát Sinh ca.

*Về thể dục - thể thao:* Phong trào thể dục, thể thao trong nhân dân tiếp tục phát triển. Toàn huyện có 468 đội thể thao, trên 6.000 vận động viên; 56 câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở; có 360 sân chơi bãi tập thể dục, thể thao; tỷ lệ dân số tập thể dục thường xuyên đạt 29,3%. Tổ chức giao hữu giải bóng chuyền hơi Mừng Đảng, Mừng Xuân tại nhà thi đấu huyện Hàm Yên. Tham gia giải Bóng bàn tỉnh Tuyên Quang năm; tổ chức Giải Bóng chuyền hơi và thành lập đoàn tham gia giải tỉnh; tổ chức giải cầu lông, giải bơi toàn huyện năm 2020; tổ chức giải Bơi thiếu niên, nhi đồng huyện năm 2020; tham gia giải Cầu lông, giải Bóng chuyền hơi tỉnh tuyên Quang năm 2020.

*(Nguồn: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI).*

## **2.6. Đánh giá chung**

### **2.6.1. Thuận lợi**

Nền kinh tế đã và đang chuyển dịch đúng hướng, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ và giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá. Huyện đang tập trung phát triển 4 cây trồng chủ lực gồm: Cam, Mía, Chè, và cây nguyên liệu gỗ, tích cực xây dựng thương hiệu, ứng dụng công nghệ cao, liên kết trong sản xuất để có sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm, giá trị kinh tế cao.

Nguồn lao động dồi dào, tỷ lệ lao động trẻ cao. Cùng với tăng trưởng kinh tế khá, nguồn lao động dồi dào sẽ là nguồn lực lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn tới.



Tiềm năng du lịch của Hàm Yên là một lợi thế so sánh để phát triển ngành này trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn trong tương lai. Tuy vậy, để biến tiềm năng thành hiện thực, vốn đầu tư là điều kiện tiên quyết để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra sự đột phá trong phát triển kinh tế. Đặc biệt trong lĩnh vực phát triển du lịch, có nhu cầu đầu tư lớn, vì cần khắc phục những khiếm khuyết của tự nhiên hoặc tu bổ các di tích lịch sử.

### **2.6.2. Khó khăn, hạn chế**

Hàm Yên là một huyện miền núi nằm sâu trong nội địa, việc cung cấp thông tin, công nghệ tiên tiến, thu hút vốn đầu tư gặp nhiều khó khăn. Thị trường tiêu thụ sản phẩm khó ổn định, sức mua của người dân thấp. Việc giao lưu trao đổi hàng hóa với bên ngoài phải bằng đường bộ hoặc đường sông với chi phí vận tải lớn. Việc hợp tác liên doanh, kêu gọi vốn nước ngoài có những khó khăn nhất định.

Nền kinh tế tuy đã đạt được sự phát triển đáng kể, nhưng hiện nay còn ở trình độ thấp, mất cân đối trên nhiều mặt như thiếu vốn đầu tư, sự phát triển kinh tế chưa cân đối với tiềm năng, thừa lao động nhưng lại thiếu lao động kỹ thuật có trình độ cao, thiếu hụt thông tin... Đây là hạn chế lâu dài phải khắc phục từng bước.

Thời tiết diễn biến bất thường tác động đến sản xuất nông, lâm nghiệp; thiên tai, dịch bệnh động vật diễn biến phức tạp, nhất là bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, Bệnh Cúm gia cầm H5N6. Trong năm 2020, đại dịch COVID-19 đã làm ảnh hưởng trực tiếp tới phát triển kinh tế và đời sống nhân dân trong huyện.

## **III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT**

Hiện nay diễn biến khí hậu trên toàn cầu đang có sự biến động và theo chiều hướng phức tạp. Hàm Yên là một huyện miền núi, do đó việc ảnh hưởng của biến đổi khí hậu là không tránh khỏi, tác động xấu đến việc sử dụng đất của nhân dân trên toàn huyện. Trong vòng 5 năm trở lại đây, thiên tai diễn biến phức tạp và gây thiệt hại ngày càng lớn. Theo thống kê của Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Hàm Yên, ảnh hưởng của thiên tai gây thiệt hại chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp, đường giao thông và hư hỏng nhà cửa của nhân dân. Thống kê năm 2019 cho thấy:

Thời tiết đầu vụ Xuân năm 2019 không có rét đậm, rét hại, nhưng tình hình hạn hán xảy ra ảnh hưởng rất lớn đến thời vụ sản xuất, lượng mưa thấp hơn mọi năm. Bước sang vụ mùa tình hình thời tiết khí hậu khắc nghiệt hơn, nắng

nóng kéo dài, mực nước tại các sông hồ giảm mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ sản xuất, gây thiệt hại về hoa màu, nhà cửa của nhân dân.

Qua những vấn đề nêu trên cho thấy, biến đổi khí hậu đã tác động mạnh mẽ đến việc sử dụng đất, đặc biệt là đất nông nghiệp; đất giao thông và đất ở. Để đối phó với thiên tai, biến đổi khí hậu cần có một chiến lược lâu dài. Tuy nhiên trước mắt chúng ta cần đưa ra được phương hướng sử dụng đất hợp lý, chuyển đổi diện tích nông nghiệp thường bị ảnh hưởng bởi thiên tai sang các mục đích sử dụng khác hợp lý, hiệu quả hơn. Bên cạnh đó cần bố trí quỹ đất dự phòng và chủ động phòng chống thiên tai, bão lũ, hạn chế những tác động của biến đổi khí hậu xảy ra trong quá trình sử dụng đất.

Sau khi nghiên cứu, so sánh, đánh giá một số tác nhân thời tiết và tần suất, cường độ những thiên tai cực đoan xảy ra do nguyên nhân khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu tại tỉnh Tuyên Quang nói chung và huyện Hàm Yên nói riêng.

Thứ nhất, nhận thấy rằng, việc gia tăng các yếu tố cực đoan của thời tiết về tần suất, cấp độ do ảnh hưởng của BĐKH tại địa bàn huyện Hàm Yên là có cơ sở.

Thứ hai, các nguyên nhân tác động do yếu tố thiên nhiên là phần nhiều, đây là quy luật. Nhưng tác nhân do con người làm tác động chính đến sự gia tăng nêu trên (cộng hưởng và gia tăng - được đánh giá trên cơ sở khoa học) làm cho động lực phát triển KT-XH bị suy giảm như quy hoạch không đồng bộ thiếu gắn kết, chưa dự báo được trên cơ sở tầm nhìn vĩ mô những tác hại tiềm tàng của thiên tai, dịch họa trong lao động sản xuất tưởng chừng vô hại như quy hoạch đất đai, quy hoạch thủy điện, quy hoạch giao thông làm gia tăng lượng khí nhà kính và các yếu tố thời tiết cực đoan về mức độ, cấp độ và tần suất của thiên tai.

• **Đánh giá biến đổi khí hậu trên địa bàn của huyện**

\* *Về kinh tế*

a) *Năng lượng*

- Góp phần phát triển kinh tế thông qua việc phát triển các ngành công nghiệp mới, tạo môi trường đầu tư, xây dựng các cơ sở lắp đặt, bảo dưỡng, giảm chi phí, tăng sức cạnh tranh và mở ra nhiều cơ hội mới trong kinh doanh;

- Giảm thiểu nhập khẩu năng lượng, giảm sự phụ thuộc vào bên ngoài và đóng góp cho sự phát triển kinh tế ổn định, bền vững.

b) *Nông nghiệp*

- Người nông dân sẽ được cập nhật và nâng cấp các quy trình canh tác thông qua việc ứng dụng các công nghệ và biện pháp canh tác tiên tiến hơn, từ đó sẽ sản xuất bền vững hơn;

- Tác động trực tiếp và tích cực đến các hoạt động sản xuất của ngành nông nghiệp;

- Tăng giá trị và tính cạnh tranh trong xuất khẩu hàng hoá.

*c) Lâm nghiệp*

- Rừng sẽ giúp bảo vệ các công trình sản xuất, từ đó gián tiếp ổn định cuộc sống của người dân và ổn định sản xuất;

- Trồng và bảo vệ rừng làm gia tăng các giá trị dịch vụ môi trường rừng. Thông qua việc thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các cá nhân, cộng đồng bảo vệ rừng sẽ góp phần tăng thu nhập cho người dân sống gần rừng;

*d) Chất thải*

Các sản phẩm chính của phân hữu cơ được sản xuất qua các dự án là loại phân bón chất lượng tốt, giúp cải tạo đất, nâng cao năng suất cây trồng; tăng thu nhập cho nông dân và các doanh nghiệp tham gia dự án; góp phần phát triển kinh tế địa phương;

**\* Về xã hội**

*a) Năng lượng*

- Cải tạo điều kiện lao động và nâng cao đời sống nhờ cung cấp năng lượng ổn định hơn;

- Nâng cao sức khỏe cộng đồng.

*b) Nông nghiệp*

- Nâng cao năng suất, cải thiện sinh kế của người nông dân;

- Bảo vệ sức khỏe của cộng đồng địa phương.

*c) Lâm nghiệp*

- Tạo việc làm và thu nhập cho người dân;

- Góp phần xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng dân cư sống gần rừng;

- Góp phần nâng cao nhận thức của người dân về vai trò và giá trị của rừng.

*d) Chất thải*

- Tạo việc làm và thu nhập cho người dân

**\* Về môi trường:**

- Giảm nhẹ phát thải, tăng cường khả năng hấp thụ KNK;

- Cải thiện môi trường, giảm ô nhiễm môi trường tại chỗ;

- Bảo vệ đất chống xói mòn, duy trì đa dạng sinh học.

### 3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn

Huyện Hàm Yên không tiếp giáp biển, do đó không phân tích đánh giá được việc nước biển dâng, xâm nhập mặn.

### 3.2. Phân tích, đánh giá về sa mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất

\* Về sa mạc hóa:

Về cơ bản đất trên địa bàn huyện Hàm Yên chưa có hiện tượng sa mạc hóa.

\* Về xói mòn đất:

Với tỷ lệ che phủ 69,17% đất rừng trên toàn huyện, việc xói mòn đất có rất ít địa điểm xảy ra.

\* Về sạt lở đất:

Theo kết quả kiểm kê năm 2019, diện tích đất sạt lở trên địa bàn huyện Hàm Yên được thể hiện như sau:

TT	Tên điểm sạt lở	Năm sạt lở, bồi đắp	Tổng diện tích	Diện tích bị sạt lở, bồi đắp phân theo các loại đất	
				Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>I</b>	<b>Diện tích bị sạt lở</b>		<b>1,38</b>	<b>1,28</b>	<b>0,10</b>
1	Diện tích sạt lở vùng bờ sông		0,54	0,54	0,00
	Điểm bờ Sông Lô	2016	0,04	0,04	0,00
	Bờ Sông Lô	2019	0,50	0,50	0,00
2	Diện tích bị sạt lở vùng đồi núi		0,84	0,74	0,10
	Thôn 2 Việt Thành	2019	0,35	0,35	0,00
	Thôn 1 Thuốc Hạ	2018	0,15	0,15	0,00
	Thôn Đá bàn	2015	0,01	0,01	0,00
	Thôn 5 Minh Tiến	2017	0,05	0,05	0,00
	Thôn 5 Minh Tiến	2018	0,10	0,10	0,10
	Thôn 8 Minh Tiến	2017	0,04	0,04	0,00
	Thôn 8 Minh Tiến	2018	0,05	0,05	0,00
	Thôn 8 Minh Quang	2019	0,04	0,04	0,00
	Thôn Ao Họ	2018	0,02	0,02	0,00
	Thôn 13 Minh Quang	2017	0,03	0,03	0,00

(Nguồn: Số liệu kiểm kê đất đai huyện Hàm Yên năm 2019)

Qua bảng trên, ta thấy chủ yếu diện tích bị sạt lở chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp, chiếm tỉ lệ 92,27%. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị sạt lở chủ yếu ở vùng đồi núi (do chặt phá rừng, chuyển đồi trồng rừng sang trồng các loại cây ăn quả khác, làm mất cân bằng kết cấu của đất) và vùng bờ sông (do mực nước của sông Lô biến động hàng năm, dẫn đến đất ven sông bị sạt lở).

Diện tích đất bị sạt lở còn lại thuộc nhóm đất lâm nghiệp, đất trồng rừng, nguyên nhân chủ yếu tại các đồi núi có địa hình dốc, khi mưa lớn kéo dài gây ra hiện tượng bị sạt lở.

• **Đánh giá chung**

Để đảm bảo mục tiêu riêng đề xuất cho huyện nêu trên và thực hiện được các giải pháp giảm nhẹ khí nhà kính trong một vài lĩnh vực chính được đưa ra xem xét, thì vấn đề cần đặt ra là việc xây dựng quy hoạch và lộ trình phải xác định. Trong đó việc xác định rõ nguồn kinh phí, việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và kế hoạch thực hiện phải đi từ khâu:

- Tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước trong ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương;

- Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng tại địa phương;

- Thay đổi cơ cấu nhiên liệu trong công nghiệp và giao thông vận tải tại địa phương;

- Khai thác hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo tại địa phương;

- Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từ nông nghiệp bền vững tại địa phương;

- Quản lý và phát triển rừng bền vững, tăng cường hấp thụ các bon tại địa phương;

- Quản lý chất thải tại địa phương;

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức tại địa phương;

\* Trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu luôn gia tăng và số lượng, cấp độ thiên tai càng lớn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển KT-XH của huyện. Cho nên, huyện cần phải đặc biệt chú trọng:

- Bố trí quỹ đất sinh sống và canh tác cho bà con dân tộc thuộc diện chính sách;

- Đối với nông nghiệp của huyện cần tăng diện tích trồng cây ăn quả có tính chất đặc sản dễ thích ứng với biến đổi khí hậu như bưởi, cam trên cơ sở thổ nhưỡng của các xã trong huyện.

- Huyện Hàm Yên chịu tác động của 03 nhà máy thủy điện, tới đây quy hoạch có thêm hạng mục lòng hồ của thủy điện sông Lô 8B. Vì vậy vấn đề hậu thủy điện đối với dòng chảy tối thiểu mùa cạn và quy trình xả lũ liên hồ cần phải đặc biệt xem xét.

## **PHẦN II: TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI**

### **I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

#### **1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

Trong những năm gần đây cùng với các chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước và sự tác động của nền kinh tế thị trường, sản xuất phát triển, đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên, kéo theo nhu cầu sử dụng đất tăng lên ở tất cả mọi lĩnh vực. Thực hiện pháp luật đất đai (đặc biệt là Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013), công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn được UBND huyện thực hiện khá tốt, từng bước hạn chế những tiêu cực phát sinh, hoàn thành những nhiệm vụ và kế hoạch của ngành cũng như của huyện đề ra, thực hiện tốt các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, cụ thể:

##### **1.1.1. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai**

Ủy ban nhân dân huyện đã đóng góp ý kiến, tham gia xây dựng các văn bản cấp trên, đưa vào triển khai thực hiện theo từng lĩnh vực cụ thể, thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn đưa các văn bản quy phạm pháp luật này vào thực hiện, tạo điều kiện cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng tài nguyên đất đai, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Một số văn bản được thực hiện trong giai đoạn 2010 - 2020 như sau:

- Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 18/01/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giá đất 5 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành về việc thông qua bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 7/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về danh mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 26/07/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công

trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật Đất đai trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 4/7/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về danh mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về danh mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang về bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang về danh mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 05/09/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về danh mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 13/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định hạn mức giao đất ở và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy định hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp: thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà giấy tờ quyền sử dụng đất không ghi rõ diện tích đất ở; đất mới chuyển từ xã về phường, thị trấn do điều chỉnh địa giới hành chính mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất;

- Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND và Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 của UBND tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi) gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và bảng giá đất 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định 28/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang Ban hành đơn giá đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

### **1.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính**

Việc xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính được thực hiện tốt trên cơ sở kết quả hoạch định địa giới hành chính theo Chỉ thị 364/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ (hồ sơ địa giới hành chính, bản đồ hành chính, mốc địa giới). Về cơ bản ranh giới hành chính giữa huyện Hàm Yên và các huyện tiếp giáp Chiêm Hoá, Lâm Bình, Ba Bể đã được xác định bằng mốc giới hoặc các yếu tố địa vật cố định và được chuyển vẽ lên bản đồ.



Công tác lập bản đồ địa chính đang được triển khai thực hiện, hiện trên địa bàn huyện đang sử dụng và quản lý là bản đồ giải thửa 299, có độ chính xác thấp không được chỉnh lý thường xuyên nên gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai ở địa phương, đặc biệt là công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 19/3/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc sáp nhập, đổi tên thôn, tổ dân phố và hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư sau sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Huyện Hàm Yên đã hoàn thành việc sáp nhập, đổi tên thôn, tổ dân phố. Các tuyến ranh giới ở các thôn, tổ dân phố đều được xác định, thống nhất rõ ràng bằng các yếu tố địa vật cố định hoặc các điểm mốc giới và được chuyển vẽ lên bản đồ địa hình.

### **1.1.3. Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất**

*\* Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất:*

Trên địa bàn huyện Hàm Yên đã hoàn thành công tác đo đạc bản đồ địa chính tại thị trấn Tân Yên (2009), còn 17 xã thì chưa thực hiện triển khai công tác đo đạc bản đồ địa chính, hiện nay đang sử dụng nguồn bản đồ giải thửa thành lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ. Công tác khảo sát, đo đạc, đánh giá, phân hạng đất; lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ QHSD đất của huyện Hàm Yên được triển khai khá tốt, cơ bản đáp ứng được mục tiêu của ngành.

Công tác lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, về thời gian định kỳ 5 năm trên phạm vi toàn huyện. Thực hiện tổng kiểm kê đất đai năm 2019, huyện Hàm Yên đã lập được bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện và cho 100% số đơn vị hành chính cấp xã. Về bản đồ QHSD đất đến năm 2030, hiện đang được xây dựng theo dự án lập quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện.

*\* Điều tra xây dựng giá đất:*

Giá đất được áp dụng theo Bảng giá đất tại Nghị quyết số 20/1219/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thông qua bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị

trí và Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên. Công tác quản lý tài chính về đất đai đảm bảo đúng quy định pháp luật.

#### 1.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

QHSD đất đến 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Hàm Yên đã được UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 16/09/2013, UBND huyện đã công bố quy hoạch và triển khai thực hiện, quản lý sử dụng đất theo quy hoạch.

Căn cứ QHSD đất được duyệt, việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm được triển khai theo quy định và thực hiện việc thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất theo kế hoạch sử dụng đất 2015, 2016; 2017, 2018, 2019, 2020 đã được phê duyệt (*Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 01/03/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 huyện Hàm Yên; Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 01/03/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Hàm Yên; Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Hàm Yên; Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 26/02/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Hàm Yên; Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 28/03/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Hàm Yên; Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 04/03/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Hàm Yên*).

#### **Bảng: Một số tư liệu (tài liệu, số liệu, bản đồ) trên địa bàn phục vụ cho công tác lập quy hoạch sử dụng đất**

TT	Các tư liệu (tài liệu, số liệu, bản đồ)	Mục đích khai thác
1	Hồ sơ địa giới hành chính 12 xã, thị trấn thành lập theo Chỉ thị số 364-CT ngày 06/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng	Xác định ranh giới hành chính của các xã, thị trấn đang quản lý sử dụng
2	Bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/1000 thành lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ của 12 xã, thị trấn	Xác định hiện trạng sử dụng đất của các loại đất trước khi chuyển sang phương án quy hoạch
3	Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bản đồ + báo cáo thuyết minh)	Định hướng phát triển kinh tế - xã hội và sử dụng đất của huyện và tỉnh, các danh mục thành phố phân bổ cho huyện
4	Hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên (bản đồ + báo cáo thuyết minh)	Rà soát đánh giá các công trình, dự án đã thực hiện, đang thực hiện và chưa thực hiện. Từ đó đánh giá những kết quả đạt được, chưa đạt được và nguyên nhân của việc thực

TT	Các tư liệu (tài liệu, số liệu, bản đồ)	Mục đích khai thác
		hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước. Xác định danh mục dự án chưa thực hiện có khả thi chuyển sang quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030
5	Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 của huyện Hàm Yên (bản đồ + báo cáo thuyết minh)	Rà soát đánh giá các công trình, dự án đã thực hiện, đang thực hiện và chưa thực hiện. Đánh giá công tác thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện
6	Hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hàm Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (bản đồ + báo cáo thuyết minh)	Bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; danh mục dự án nhu cầu sử dụng đất thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030
7	Hồ sơ quy hoạch cấp nước huyện Hàm Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (bản đồ + báo cáo thuyết minh)	Rà soát các công trình, dự án cấp nước liên quan đến sử dụng đất thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn huyện
8	Hồ sơ Quy hoạch phát triển kinh tế thủy sản huyện Hàm Yên giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030 (bản đồ + báo cáo thuyết minh)	Rà soát các công trình, dự án thủy sản liên quan đến sử dụng đất thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn huyện
9	Hồ sơ kiểm kê đất đai năm 2019 (Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, báo cáo thuyết minh, biểu số liệu)	Đánh giá tình hình biến động sử dụng đất sử dụng nguồn bản đồ hiện trạng để rà soát hiện trạng sử dụng đất, khoanh vẽ các công trình dự án quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030. Từ đó, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020, bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
10	Hồ sơ thống kê đất đai các năm 2015, 2016, 2017, 2018 của các xã, thị trấn và huyện Hàm Yên	Đánh giá tình hình biến động đất đai giai đoạn 2015 - 2020
11	Niên giám thống kê huyện Hàm Yên năm 2019	Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của huyện
12	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội; phương hướng nhiệm vụ của huyện Hàm Yên các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020	Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của huyện
13	Báo cáo chính trị trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Hàm Yên lần thứ XXI nhiệm kỳ 2020-2025	Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2025

Ủy ban nhân dân huyện có văn bản gửi các xã, thị trấn đăng ký nhu cầu sử dụng đất và danh mục các công trình dự án có sử dụng đất giai đoạn 2021-2030. Tổng hợp kết quả nhu cầu sử dụng đất và danh mục các công trình dự án có sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện đăng ký gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trình UBND tỉnh.

Quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở cấp tỉnh, huyện, đảm bảo tuân thủ theo đúng nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT

ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. QHSD đất đã xác định rõ cơ cấu sử dụng đất sản xuất nông, lâm nghiệp, đất phi nông nghiệp đảm bảo quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông lâm nghiệp; đặc biệt là việc xác định và bảo vệ diện tích đất chuyên trồng lúa nước để đảm bảo an ninh lương thực.

Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời gian qua đã góp phần quan trọng cho việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, phục vụ đắc lực mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tuy nhiên, công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện vẫn còn một số tồn tại:

- Quy hoạch sử dụng đất cấp xã được xây dựng nhưng chủ yếu chỉ đáp ứng nhu cầu đất ở cho nhân dân, các chỉ tiêu sử dụng đất khác chưa được dự báo đầy đủ và bố trí hợp lý.

- Nhận thức về vai trò của công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở nhiều nơi còn hạn chế. Tính chủ động trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của một số địa phương chưa cao.

- Công tác tuyên truyền, tổ chức kiểm tra giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt còn nhiều hạn chế.

#### **1.1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất**

*\* Công tác giao đất, cho thuê đất:*

Trong giai đoạn 2010 - 2020 đã thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với 136 tổ chức, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện với tổng diện tích 4.769,37 ha. Cơ bản đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai, việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, sau khi có quyết định giao đất, cho thuê đất các dự án được triển khai khá nhanh, đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện; đem lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách, đất đai thực sự trở thành nguồn lực to lớn.

Việc giao đất ổn định lâu dài cho các đối tượng sử dụng đất nhằm nâng cao quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, tạo điều kiện cho các đối tượng sử dụng đất yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hợp lý và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn xảy ra tình trạng sử dụng đất quá diện tích được giao, được thuê, thực hiện nghĩa vụ tài chính chậm hoặc mới chỉ san lấp mặt bằng chưa tiến hành xây dựng, giao đất trái thẩm quyền, chuyển mục đích trái phép, đặc biệt đối những loại đất xây dựng giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng của khu dân cư ở những xã miền núi, vùng sâu, vùng xa.

*\* Công tác thu hồi đất:*

Trong giai đoạn 2010 - 2020 đã thực hiện 121 công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn huyện với tổng diện tích thu hồi 303,21 ha. Việc thu hồi, giải phóng mặt bằng phục vụ cho công tác xây dựng cơ sở hạ tầng được thực hiện tốt, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người. Giải quyết tốt việc bồi thường sẽ góp phần ổn định đời sống nhân dân, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển trên địa bàn của huyện nên đã phối hợp chặt chẽ trong tất cả các bước như: Họp, tuyên truyền đến người dân về nội dung, mục đích của việc nhà nước thu hồi đất, ban hành quyết định thu hồi đất, thành lập hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng, niêm yết công khai giá trị bồi thường đến từng hộ dân. Qua đó đề xuất các chính sách, tháo gỡ vướng mắc cho người dân, đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, phù hợp với quy định của pháp luật.

*\* Công tác chuyển mục đích sử dụng đất:*

Trong giai đoạn 2010 - 2020, tổng số trường hợp đã được chuyển mục đích là, trong đó:

+ Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân: 115 hộ với tổng diện tích 19.569,62 ha, chủ yếu là chuyển mục đích đất vườn liền kề sang đất ở.

+ Chuyển mục đích, giao đất cho các công trình, dự án: 18 dự án (bao gồm 8 cây xăng và một số công trình khác).

*(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hàm Yên)*

**1.1.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất**

Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; đảm bảo đúng theo Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 06/2020/NĐ-CP (ngày 3/1/2020) sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Nhìn chung, công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất trên địa bàn huyện Hàm Yên thời gian qua đã được các cấp, các ngành, người sử dụng đất quan tâm thực hiện và dần đi vào nề nếp. Tất cả các trường hợp được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất đều phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện, do đó đã hạn chế tình trạng giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trái thẩm quyền, trái quy hoạch, hạn chế những tiêu cực trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

**1.1.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

*\* Việc đăng ký quyền đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính:*

Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đã sớm được triển khai thực hiện ngay từ những năm 1993. Sau khi Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực, đặc biệt từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg về cấp GCNQSDĐ nông nghiệp và Chỉ thị số 18/CT-TTg về việc cấp GCNQSDĐ cho 3 loại đất: đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất ở nông thôn, UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt công tác này. Đến năm 2020 huyện đã cơ bản hoàn thành việc cấp GCNQSDĐ cho 3 loại đất nêu trên.

Song song với việc cấp GCNQSDĐ, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, ban ngành phối hợp với các hộ gia đình cá nhân tiến hành kê khai đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính. Đảm bảo 17 xã và 01 thị trấn đã lập các tài liệu hồ sơ: hồ sơ kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện kê khai năm 2013, bản đồ giải thửa, sổ địa chính, sổ mục kê, sổ theo dõi cấp GCN quyền sử dụng đất, sổ trao giấy, sổ địa chính lâm nghiệp... theo quy định.

Về công tác dồn điền, đổi thửa, để khắc phục tình trạng ruộng đất manh mún, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, ngay từ năm 1993 huyện đã chỉ đạo công tác dồn, đổi ruộng đất và đã đạt kết quả nhất định.

*\* Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện, các xã đã tổ chức hướng dẫn các chủ sử dụng đăng ký kê khai hồ sơ để xét cấp GCNQSDĐ. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp giao sử dụng ổn định lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân (theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993).

Giai đoạn 2010-2020, toàn huyện cấp được 35.630 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho 30.485 hộ gia đình, cá nhân với diện tích 8.233,62 ha, đạt tỷ lệ 72,33% diện tích cần cấp. Riêng từ ngày 02/01/2020 đến ngày 15/11/2020 toàn huyện đã cấp 432 giấy cho 400 lượt hộ gia đình, cá nhân với 63,49 ha, trong đó:

Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu: 224/360 Giấy cho 207 lượt hộ gia đình, cá nhân với 32,35 ha.

Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 208 Giấy cho 193 lượt hộ gia đình, cá nhân với 15,46 ha.

*(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hàm Yên)*

#### **1.1.8. Thống kê, kiểm kê đất đai**

Thực hiện quy định của Luật Đất đai, công tác thống kê, kiểm kê đất đai được tổ chức triển khai nghiêm túc trên địa bàn huyện. Công tác thống kê được thực hiện hàng năm; công tác kiểm kê được thực hiện theo định kỳ 5 năm. Năm

2019, thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019, UBND huyện Hàm Yên đã ban hành Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 30/08/2019 của UBND huyện Hàm Yên về Kế hoạch thực hiện Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Hàm Yên; Quyết định số 2747/QĐ-UBND ngày 14/08/2019 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn huyện Hàm Yên. Đến nay, đã thực hiện xong ở tất cả các cấp. Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 là tài liệu quan trọng làm cho lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp, góp phần phục vụ cho công tác quản lý, sử dụng đất đai nói riêng và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói chung.

Công tác thống kê, kiểm kê đất đai được tiến hành theo định kỳ đúng theo quy định pháp luật.

### **1.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai**

Hiện nay cả tỉnh nói chung và huyện Hàm Yên nói riêng đang triển khai xây dựng hệ thống thông tin đất đai nhằm đáp ứng yêu cầu về quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn ngày càng tốt hơn. Việc quản lý đất đai hiện nay cũng đã ứng dụng nhiều các công nghệ tin học nhưng mới chỉ đưa vào ứng dụng được cho 1 số lĩnh vực như về số hóa bản đồ; phần mềm kiểm kê, thống kê; phần mềm về cơ sở dữ liệu địa chính....

Trong những năm gần đây, việc ứng dụng các phần mềm tin học đã hỗ trợ đắc lực cho việc quản lý đất đai trong tỉnh, rút ngắn được rất nhiều thời gian xử lý công việc cũng như số lượng cán bộ làm việc đồng thời lại giúp cho việc quản lý đất đai hiệu quả hơn, chặt chẽ hơn.

### **1.1.10. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất**

Việc thực hiện các khoản thu, chi liên quan đến đất đai của huyện được giao cho ngành thuế và căn cứ vào các văn bản của Ủy ban nhân dân huyện để tổ chức thực hiện. Hàng năm huyện đều trích lại một phần nguồn thu từ đất để đầu tư trở lại phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

Hệ thống thuế có liên quan đến đất đai hiện nay được xác định bao gồm: Thuế sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, ngoài ra còn có phí và lệ phí các loại có liên quan đến đất đai. Nguồn kinh phí này đã đem lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách huyện. Đồng thời qua việc thực hiện công tác tài chính về đất đai, còn góp phần nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sử dụng đất, tạo nguồn kinh phí cho các địa phương, ngành, huyện chủ động tái đầu tư cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, đảm bảo sử dụng đất đầy đủ, có hiệu quả.

Quản lý và phát triển thị trường quyền sử dụng đất, thực hiện chuyển quyền sử dụng đất nhanh gọn, đúng pháp luật trên cơ sở cải cách thủ tục hành

chính và quản lý các hoạt động dịch vụ công về đất đai. Một số hộ đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để chuyển sang hoạt động ngành nghề và kinh doanh dịch vụ thương mại, huyện cũng đã khuyến khích phát triển thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp, tạo điều kiện cho việc tích tụ ruộng đất phát triển các mô hình kinh tế trang trại.

Giá đất được áp dụng theo Bảng giá đất hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành. Tỉnh Tuyên Quang đã xây dựng Bảng giá đất giai đoạn năm 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh; xây dựng khung giá đất cho thuê và giá bồi thường khi thu hồi đất đối với từng trường hợp cụ thể. Công tác quản lý tài chính về đất đai đảm bảo đúng quy định pháp luật.

#### **1.1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất**

- Đối với quyền người sử dụng đất: Quyền chung của người sử dụng đất đều được thực hiện nghiêm túc. Bộ phận giao dịch “Một cửa điện tử” tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ nhanh chóng, thuận lợi, đảm bảo thời gian quy định.

Trong đó:

+ Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường đất, tài sản và hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi đất, giải quyết tranh chấp đất đai... đều được thực hiện theo Luật Đất đai và các quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Tất cả hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất thông qua Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đều được thực hiện tốt, đảm bảo tính chính xác và kịp thời theo thời gian quy định.

+ Thế chấp quyền sử dụng đất: Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai luôn hoàn thành tốt công tác thẩm định hồ sơ vay vốn Ngân hàng của các chủ sử dụng đất đáp ứng nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất của các hộ gia đình và tổ chức.

- Đối với nghĩa vụ của người sử dụng đất: Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất được thực hiện theo Điều 170 Luật Đất đai năm 2013.

Tuy nhiên vẫn còn một số người sử dụng đất chưa thực hiện nghiêm chỉnh 1 trong 7 nghĩa vụ của người sử dụng đất nên gây ra việc kiện cáo tranh chấp đất đai (vi phạm nghĩa vụ 1: Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất...); làm ảnh hưởng đến tiến độ cấp giấy CNQSD đất (vi phạm nghĩa vụ 2: Thực hiện kê khai đăng ký đất đai; làm đầy đủ thủ tục khi chuyển đổi. ...); mua bán đất đai không qua cơ quan có thẩm quyền để nộp tiền sử dụng đất (vi phạm nghĩa vụ 3: Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật); chăn nuôi gia súc, gia cầm; sản xuất kinh doanh gây ồn ào, gây ô nhiễm môi trường cho các hộ sử dụng đất xung quanh (vi phạm nghĩa vụ 5: Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có liên quan);.... Nói chung trong quá trình triển khai thi hành



Luật Đất đai các cơ quan có liên quan phải thường xuyên xử lý các vấn đề có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất bằng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục đến xử phạt hành chính để mọi người sử dụng đất thực hiện Luật Đất đai ngày càng tốt hơn.

#### **1.1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai**

Những năm qua huyện đã rất chú trọng đến công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về đất đai. Dưới sự phối hợp, giúp đỡ của Sở Tài nguyên và Môi trường, huyện đã tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quản lý sử dụng đất theo Quyết định 273 của Thủ tướng Chính phủ, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư, các hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất..., kịp thời chấn chỉnh các sai phạm, đảm bảo cho công tác quản lý đất đai đi vào nề nếp.

- Tổng số vụ việc đã phát hiện, xử lý: 59 vụ, trong đó: Năm 2017 là 21 vụ việc; năm 2018 là 20 vụ việc; năm 2019 là 18 vụ việc.

- Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành là: 59 quyết định, trong đó:

+ Tại UBND huyện: 1 quyết định.

+ Tại UBND các xã, thị trấn: 58 quyết định.

- Kết quả thực hiện:

+ Đã chấp hành: 31 vụ việc.

+ Chưa chấp hành: 24 vụ việc.

+ Đã lập biên bản vi phạm hành chính: 2 vụ việc.

+ Đã nộp phạt, nhưng chưa khắc phục hậu quả: 2 vụ việc

- Tổng số tiền thu nộp ngân sách nhà nước: 13.750.000 đồng.

- Số tiền chưa thực hiện: 23.500.000 đồng.

- Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các BPXLHC: 02 đối tượng; tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 02 đối tượng.

*(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hàm Yên)*

#### **1.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai**

Từ khi Luật Đất đai năm 2013 được ban hành Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo triển khai thi hành Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư có liên quan cho các ngành, cấp huyện, cấp xã trong tỉnh. UBND huyện Hàm Yên phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai thông qua các buổi họp tập huấn, qua hệ thống truyền thanh các xã, thị trấn đến người dân, trong năm 2020 trên địa bàn huyện đã thực hiện được 407 buổi tuyên truyền,

phổ biến pháp luật cho 32.411 lượt người nghe.

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết công tác tư pháp năm 2020 của Phòng Tư pháp huyện Hàm Yên).

#### **1.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai**

Công tác tiếp dân: Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện tiếp công dân vào ngày thứ 5 hàng tuần theo quy định. Nhìn chung, qua công tác tiếp dân cho thấy những bức xúc trong nhân dân phát sinh ngày càng nhiều, nhất là sự bức xúc đối với cách giải quyết của chính quyền địa phương. Mặt khác do trình độ hiểu biết về pháp luật khiếu nại, tố cáo của nhân dân còn hạn chế, người dân thường nghĩ rằng cơ quan cấp trên sẽ giải quyết nhanh hơn, kết quả giải quyết sẽ khách quan hơn nên dẫn đến tình trạng nhiều đơn thư gửi vượt cấp, vụ việc kéo dài... Qua công tác tiếp dân, cán bộ đã lắng nghe và đề xuất biện pháp giải quyết các nguyện vọng chính đáng của nhân dân, giải thích các thắc mắc và hướng dẫn họ đến đúng cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Đất đai là lĩnh vực nhạy cảm, các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân trong lĩnh vực này chiếm tỷ lệ cao. Tính đến năm 2020, huyện đã xử lý 59 vụ việc liên quan đến đất đai, trong đó đã xử lý xong 31 vụ, còn tồn tại 24 vụ việc. Việc xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đã đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng qui trình, chính xác, khoa học theo qui định của pháp luật, tránh được tình trạng đùn đẩy, chuyển đơn lòng vòng, hạn chế việc tái khiếu, tái tố. Qua công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo cho thấy, số lượng đơn của năm sau luôn cao hơn năm trước và nội dung khiếu nại ngày càng phức tạp và tập trung chủ yếu vào lĩnh vực đất đai như: đòi lại đất cũ, tranh chấp đất đai trong nội bộ nhân dân, tranh chấp đất đai giữa công dân và tổ chức, khiếu nại công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, chính sách tái định cư, khiếu nại các quyết định hành chính do Ủy ban nhân dân các huyện ban hành. Đối với những đơn không thuộc thẩm quyền thì Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn và chuyển trả theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo.

Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo đã tích cực góp phần thực hiện minh bạch hóa quản lý, sử dụng đất đai, thực hiện phòng chống tham nhũng trong lĩnh vực đất đai, góp phần đưa công tác quản lý đất đai ngày càng nề nếp hiệu quả, tạo niềm tin, sự đồng thuận trong nhân dân, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị chung.

### **1.1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai**

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thành lập Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai ở các huyện trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, thực hiện cơ chế “một cửa” ở các cấp; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, công khai các thủ tục về nhà đất, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý đăng ký, thế chấp, bảo lãnh quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công khai minh bạch trình tự, thủ tục, đúng quy định thời hạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất...

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Hàm Yên được thành lập, là đơn vị sự nghiệp công lập, có chức năng tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất mà chưa có dự án đầu tư; chuẩn bị mặt bằng và các điều kiện phục vụ việc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định; tạo lập quỹ đất, nhà tái định cư phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

## **1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân**

### **1.2.1. Những mặt được**

Nhìn chung, từ khi triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2013 đến nay công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Hàm Yên đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, làm cho hoạt động quản lý, sử dụng đất ngày càng đi vào kỷ cương và đúng pháp luật. Công tác quản lý, sử dụng đất từng bước đi vào ổn định, phân định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ theo luật định. Cùng với các chính sách về đất đai Nhà nước ngày càng hoàn thiện, các văn bản do UBND tỉnh, UBND huyện ban hành đã tạo ra một hệ thống pháp lý tương đối đầy đủ, giải quyết khá tốt các quan hệ liên quan đến đất đai, bước đầu đã điều chỉnh được quan hệ đất đai mới hình thành trong quá trình đô thị hoá.

Thực hiện tốt công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần sắp xếp, bố trí quỹ đất hợp lý đối với từng loại đất, mục đích sử dụng, đảm bảo sử dụng đất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn, phù hợp với quan điểm phát triển chung của toàn huyện.

Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động sử dụng đất, thực hiện các quyền sử dụng đất được đẩy mạnh, các thủ tục hành chính về đất đai được chú trọng cải cách theo hướng ngày càng đơn giản, gọn nhẹ hơn; các cấp,

các ngành đã có sự phối hợp nhịp nhàng hơn trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, do vậy đã giải quyết cơ bản tình trạng tồn đọng hồ sơ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người có đất bị thu hồi. Chính sách tài chính về đất đai, giá đất được hoàn thiện, các khoản thu từ đất được quy định cụ thể đã tạo được nguồn thu đáng kể cho ngân sách địa phương.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến lĩnh vực đất đai được UBND huyện quan tâm giải quyết và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị thực hiện nghiêm túc theo quy định. Do vậy, các tranh chấp, khiếu kiện về đất đai kéo dài, phức tạp, đông người phát sinh do công tác quản lý nhà nước về đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ít xảy ra.

### **1.2.2. Những tồn tại, hạn chế**

- Tại các xã, công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính chưa được thực hiện. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận còn vướng mắc nên chưa được cấp giấy; công tác cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai chưa kịp thời,...chưa phục vụ tốt cho việc quản lý chặt chẽ đất đai theo pháp luật, phát huy tiềm năng đất đai, thúc đẩy kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Quản lý đất đai trên thực tế còn thiếu thống nhất, chặt chẽ; chưa đảm bảo tính lô gic giữa số liệu thuộc tính, số liệu không gian và trên thực địa.

- Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, đất công nghiệp, đất thương mại - dịch vụ, đất du lịch nhìn chung còn hạn chế, nhất là hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp chưa cao.

- Việc giải quyết các tranh chấp về đất đai còn chưa triệt để, vẫn còn tình trạng khiếu kiện kéo dài, đặc biệt là tranh chấp giữa hộ gia đình với nhau.

- Quan niệm và nhận thức về sở hữu đất đai của người dân chưa rõ ràng, gây khó khăn trong việc thu hồi đất, quản lý mặt bằng, giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai.

- Việc sử dụng đất ở một số nơi còn lãng phí, để hoang hóa, lấn chiếm đất công, sử dụng đất không đúng mục đích, chuyển nhượng đất trái pháp luật, vi phạm quy hoạch...

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp còn chậm, ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và phát triển rừng cũng như nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai đối với các hoạt động sản xuất liên quan đến sử dụng đất lâm nghiệp.

### **1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai**

Công tác quản lý nhà nước về đất đai cần phải thực hiện đồng bộ thống nhất và cần có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đơn vị, tổ chức cá nhân trên địa bàn huyện. Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai cần thực hiện một số giải pháp:

- Nhanh chóng hoàn thiện công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đồng bộ hoàn chỉnh, chính xác trên địa bàn huyện;

- Các cấp, các ngành cần tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài;

- Cập nhật thường xuyên, kịp thời những biến động về đất đai trên hồ sơ địa chính và hệ thống cơ sở dữ liệu địa chính phục vụ công tác quản lý;

- Các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về đất đai ngay từ cơ sở, tránh tình trạng tranh chấp, khiếu kiện kéo dài gây bức xúc trong nhân dân;

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực đất đai; các hoạt động về đất đai và hoàn chỉnh cơ chế, chính sách về đất đai trong thời kỳ mới đảm bảo phù hợp với thực tiễn, thúc đẩy kinh tế- xã hội phát triển, an ninh chính trị được ổn định và giữ vững.

## **II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT**

### **2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất**

Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện Hàm Yên theo số liệu kiểm kê năm 2019 là: 90.054,59 ha, cụ thể được phân tích chi tiết từng loại đất, diện tích, tỷ lệ các loại đất như sau:

- + *Nhóm đất nông nghiệp*: Diện tích là 84.888,72 ha, chiếm 94,26% tổng diện tích tự nhiên.

- + *Nhóm đất phi nông nghiệp*: Diện tích 4.717,79 ha, chiếm 5,24% tổng diện tích tự nhiên;

- + *Nhóm đất chưa sử dụng*: Diện tích 448,08 ha, chiếm 0,5% tổng diện tích tự nhiên.

**Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Hàm Yên**

Loại đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>90.054,59</b>	<b>100</b>
<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>84.888,72</b>	<b>94,26</b>
<b>Đất sản xuất nông nghiệp</b>	<b>SXN</b>	<b>21.824,08</b>	<b>24,23</b>
Đất trồng cây hàng năm	CHN	7.061,31	7,84
Đất trồng lúa	LUA	3.836,34	4,26
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.224,99	3,58
Đất trồng cây lâu năm	CLN	14.762,75	16,39
<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>LNP</b>	<b>62.292,33</b>	<b>69,17</b>
Đất rừng sản xuất	RSX	47.938,42	53,23
Đất rừng phòng hộ	RPH	8.794,18	9,77
Đất rừng đặc dụng	RDD	5.559,73	6,17
<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>	<b>NTS</b>	<b>752,95</b>	<b>0,84</b>
<b>Đất làm muối</b>	<b>LMU</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Đất nông nghiệp khác</b>	<b>NKH</b>	<b>19,36</b>	<b>0,02</b>
<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.717,79</b>	<b>5,24</b>
<b>Đất ở</b>	<b>OTC</b>	<b>1.108,75</b>	<b>1,23</b>
Đất ở tại nông thôn	ONT	1.056,55	1,17
Đất ở tại đô thị	ODT	52,20	0,06
<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>CDG</b>	<b>1.902,46</b>	<b>2,11</b>
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,99	0,02
Đất quốc phòng	CQP	5,98	0,01
Đất an ninh	CAN	2,00	0,00
Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	134,30	0,15
Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	335,52	0,37
Đất có mục đích công cộng	CCC	1.405,67	1,56
Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,93	0,00
Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,64	0,00
Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	146,50	0,16
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.556,51	1,73
<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>448,08</b>	<b>0,50</b>
<b>Đất bằng chưa sử dụng</b>	<b>BCS</b>	<b>7,78</b>	<b>-</b>
<b>Đất đồi núi chưa sử dụng</b>	<b>DCS</b>	<b>5,79</b>	<b>-</b>
<b>Núi đá không có rừng cây</b>	<b>NCS</b>	<b>434,52</b>	<b>-</b>

(Nguồn: Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019)

## **2.1.1. Đất nông nghiệp**

### *2.1.1.1. Đất sản xuất nông nghiệp*

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của huyện là 21.824,07 ha, chiếm 25,71% diện tích đất nông nghiệp, gồm các loại đất sau:

#### *a) Đất trồng cây hàng năm*

Đất trồng cây hàng năm của huyện đến 2020 là 7.061,31 ha, chiếm 8,32% diện tích đất nông nghiệp, trong đó:

- Đất trồng lúa có 3.836,33 ha chiếm 4,52% diện tích đất nông nghiệp, diện tích đất trồng lúa phân bố toàn bộ trên địa bàn các xã của huyện Hàm Yên, trong đó chủ yếu là đất trồng lúa nước;

- Đất trồng cây hàng năm khác có 3.224,98 ha chiếm 3,80% diện tích đất nông nghiệp, trong đó chủ yếu là đất bằng trồng cây hàng năm khác, loại đất này phân bố ở trên toàn bộ địa bàn các xã của huyện.

#### *b) Đất trồng cây lâu năm*

Diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện theo số liệu kiểm kê là 14.762,76 ha chiếm 17,39% diện tích đất nông nghiệp, phân bố ở tất cả các xã của huyện.

### *2.1.1.2. Đất lâm nghiệp*

Diện tích đất lâm nghiệp là 62.292,33 ha chiếm 73,38% diện tích đất nông nghiệp, gồm các loại đất sau:

#### *a) Đất rừng sản xuất*

- Diện tích đất rừng sản xuất của huyện là 47.938,42 ha chiếm 56,47% diện tích đất nông nghiệp, phân bố trên địa bàn các xã của huyện. Bao gồm:

+ Diện tích đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên với diện tích là 6.265,03ha chiếm 7,38% diện tích đất nông nghiệp;

+ Diện tích đất có rừng sản xuất là rừng trồng với diện tích là 36.971,24 ha chiếm 43,55% diện tích đất nông nghiệp;

+ Diện tích đất đang sử dụng để bảo vệ, phát triển rừng sản xuất với diện tích là 4.702,16 ha chiếm 5,54% diện tích đất nông nghiệp.

#### *b) Đất rừng phòng hộ*

- Diện tích đất rừng phòng hộ của huyện là 8.794,19 ha chiếm 10,36% diện tích đất nông nghiệp, phân bố ở tất cả các xã của huyện. Bao gồm:

+ Diện tích đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên với 6.521,93 ha, chiếm 7,68% diện tích đất nông nghiệp.

+Diện tích đất có rừng phòng hộ là rừng trồng với 1.497,52 ha, chiếm 1,76% diện tích đất nông nghiệp.

+ Diện tích đất đang sử dụng để bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ với diện tích là 774,74 ha chiếm 0,91% diện tích đất nông nghiệp.

*c) Đất rừng đặc dụng*

- Diện tích đất rừng đặc dụng của huyện là 5.559,73 ha chiếm 6,55% diện tích đất nông nghiệp.

*2.1.1.3. Đất nuôi trồng thủy sản*

Đất nuôi trồng thủy sản của huyện có 752,95 ha, chiếm 0,89% tổng diện tích đất nông nghiệp, phân bố rải rác ở các xã trên địa bàn huyện. Diện tích này chủ yếu được dùng để nuôi cá tại các ao hồ nhỏ để phục vụ nhu cầu tại chỗ của địa phương.

*2.1.1.4. Đất nông nghiệp khác*

Đất nông nghiệp khác có 19,36 ha, hiếm 0,02% tổng diện tích đất nông nghiệp, được phân bố trên địa bàn các xã của huyện. Diện tích đất nông nghiệp khác chủ yếu khoanh định các khu chăn nuôi tập trung.

**2.1.2. Đất phi nông nghiệp**

*2.1.2.1. Đất ở*

Diện tích đất ở năm 2020 của huyện Hàm Yên là 1.108,77 ha chiếm 23,50% diện tích đất phi nông nghiệp, trong đó diện tích đất ở tại nông thôn là 1.056,57 ha chiếm 22,40% diện tích đất phi nông nghiệp; diện tích đất ở đô thị là 52,20 ha chiếm 1,11% diện tích đất phi nông nghiệp.

*2.1.2.2. Đất chuyên dùng*

Đất chuyên dùng của huyện có 1.902,44 ha, chiếm 40,32% diện tích đất phi nông nghiệp, bao gồm các loại đất sau:

*a) Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện là 19,00 ha chiếm 0,40% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan hành chính có tại tất cả các xã của huyện.

*b) Đất quốc phòng*

Diện tích đất quốc phòng của huyện là 5,98 ha chiếm 0,13% diện tích đất phi nông nghiệp, Trong đó diện tích đất quốc phòng tập trung tại một số xã trên địa bàn huyện.

*c) Đất an ninh*

Diện tích đất an ninh của huyện có 2,00 ha chiếm 0,04% diện tích đất phi nông nghiệp.

*d) Đất xây dựng công trình sự nghiệp*

Đất xây dựng công trình sự nghiệp có 134,24 ha chiếm 2,85% diện tích đất



phi nông nghiệp, đất xây dựng công trình sự nghiệp bao gồm các loại đất sau:

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có diện tích là 0,25 ha chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa có diện tích là 28,73 ha chiếm 0,61% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất xây dựng cơ sở y tế có diện tích là 7,46 ha chiếm 0,16% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo có diện tích là 70,86 ha chiếm 1,50% diện tích đất phi nông nghiệp

- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao có 26,94 ha chiếm 0,57% diện tích đất phi nông nghiệp

*e) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*

Diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của huyện là 335,57ha chiếm 7,11% diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố rải rác ở các xã trên địa bàn huyện, bao gồm các loại đất sau:

- Đất cụm công nghiệp có 14,89 ha chiếm 0,32% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất thương mại dịch vụ có 16,25 ha chiếm 0,34% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 25,36 ha chiếm 0,54% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản có 247,44ha chiếm 5,24% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có 31,62ha chiếm 0,67% diện tích đất phi nông nghiệp.

*f) Đất có mục đích công cộng*

Diện tích đất có mục đích công cộng của huyện là 1.405,67ha chiếm 29,79% diện tích đất phi nông nghiệp, diện tích đất có mục đích công cộng phân bố trên toàn bộ địa bàn huyện trong đó bao gồm các loại đất sau:

- Diện tích đất giao thông của huyện có 985,79ha, chiếm 20,90% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Diện tích đất thủy lợi có 293,81 ha chiếm 6,23% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất có di tích lịch sử - văn hoá có 3,92 ha chiếm 0,08% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng có 0,38 ha chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất công trình năng lượng có 107,47 ha chiếm 2,28% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất công trình bưu chính, viễn thông có 0,58 ha chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất chợ có 11,44 ha chiếm 0,24% diện tích đất phi nông nghiệp;

- Đất bãi thải, xử lý chất thải có 2,26 ha chiếm 0,05% diện tích đất phi nông nghiệp.

#### *2.1.2.3 Đất cơ sở tôn giáo*

Diện tích đất cơ sở tôn giáo của huyện theo kiểm kê là 1,92 ha, chiếm 0,04% diện tích đất phi nông nghiệp. Phân bố trên địa bàn một số xã của huyện.

#### *2.1.2.4 Đất cơ sở tín ngưỡng*

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng của huyện theo kiểm kê là 1,65 ha, chiếm 0,03% diện tích đất phi nông nghiệp. Phân bố trên địa bàn một số xã của huyện.

#### *2.1.2.5 Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa*

Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa áng có 146,5 ha chiếm 3,11% diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố tại hầu hết xã của huyện.

#### *2.1.2.6 Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối của huyện là 1.556,52 ha chiếm 32,99% diện tích đất phi nông nghiệp.

### **2.1.3 Hiện trạng nhóm đất chưa sử dụng**

Nhóm đất chưa sử dụng trên địa bàn 448,08 ha chiếm 0,5% tổng diện tích tự nhiên, phân bố ở hầu hết các xã trên địa bàn huyện.

### **2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước**

Theo số liệu kiểm kê đất đai đến hết năm 2019, huyện Hàm Yên có tổng diện tích đất tự nhiên 90.054,59 ha, không thay đổi so với năm 2011. Chi tiết các loại đất được thể hiện dưới đây:

Diện tích đất nông nghiệp biến động tăng, từ năm 2011-2020 tăng 1.933,71 ha.

Diện tích đất phi nông nghiệp có biến động tăng 46,35 ha so với năm 2011 do thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, các khu đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

Diện tích đất chưa sử dụng từ 2011 - 2020 biến động giảm 1.887,37 ha; do nhiều khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng với mục đích trồng rừng và 1 phần diện tích giảm do chuyển mục đích để xây dựng các khu du lịch và khai thác khoáng sản.

**Bảng 02: Biến động sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 huyện Hàm Yên**

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích năm 2020		Diện tích năm 2011		Biến động 2020/2011 (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>90.054,59</b>	<b>100,00</b>	<b>90.054,59</b>	<b>100,00</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>84.888,72</b>	<b>94,26</b>	<b>82.955,01</b>	<b>92,12</b>	<b>1.933,71</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.836,34	4,26	3.821,44	4,24	14,90
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3.145,13	3,49	3.136,95	3,48	8,18
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.224,99	3,58	3.334,31	3,70	-109,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	14.762,75	16,39	10.682,63	11,86	4.080,12
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.794,18	9,77	11.556,98	12,83	-2.762,80
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.559,73	6,17	6.165,91	6,85	-606,18
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	47.938,42	53,23	46.947,39	52,13	991,03
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	752,95	0,84	438,75	0,49	314,20
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	19,36	0,02	3,60	0,00	15,76
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.717,79</b>	<b>5,24</b>	<b>4.764,14</b>	<b>5,29</b>	<b>-46,35</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	5,98	0,01	6,56	0,01	-0,47
2.2	Đất an ninh	CAN	2,00	0,00	2,07	0,00	-0,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	14,89	0,02	3,00	0,00	11,89
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	16,24	0,02			16,24
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	25,35	0,03	41,40	0,05	-16,05
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	247,43	0,27	97,58	0,11	149,85
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.533,15	1,70	1.582,12	1,76	-48,97
2.9	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,92	0,00	3,35	0,00	0,57
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,26	0,00			2,26
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1056,55	1,17	746,61	0,83	309,94
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	52,20	0,06	69,19	0,08	-16,99
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,99	0,02	18,16	0,02	0,83
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,00			0,26
2.15	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,93	0,00	1,85	0,00	0,08
2.16	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	146,50	0,16	133,69	0,15	12,81
2.17	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	31,61	0,04	109,54	0,12	-77,93
2.18	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.19	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,38	0,00			0,38
2.20	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,64	0,00	0,26	0,00	1,38
2.21	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.556,51	1,73	1.948,54	2,16	-392,03
2.22	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.23	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>448,08</b>	<b>0,50</b>	<b>2.335,45</b>	<b>2,59</b>	<b>-1.887,37</b>

*\* Biến động đất nông nghiệp*

Kết quả thực hiện đến năm 2020 là 84.888,72 ha, tăng 1.933,71 ha so với diện tích được tính phân bổ trong quy hoạch kỳ trước.

Biến động chi tiết đến từng loại đất trong đất nông nghiệp như sau:

\* *Đất trồng lúa*: Diện tích năm 2020 là 3.836,34 ha tăng 14,90 ha so với diện tích năm 2011 (3.821,44 ha). Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước là 3.145,13 ha tăng 8,18 ha so với năm 2011 (3.136,95 ha).

\* *Đất trồng cây lâu năm*: Diện tích năm 2020 là 14.762,75 ha tăng 4.080,12 ha so với diện tích năm 2011 (10.682,63 ha).

\* *Đất rừng phòng hộ*: Diện tích năm 2020 là 8.794,18 ha giảm 2.762,80 ha so với diện tích năm 2011 (11.556,98 ha).

\* *Đất rừng đặc dụng*: Diện tích năm 2020 là 5.559,73 ha giảm 606,18 ha so với diện tích năm 2011 (6.165,91 ha).

\* *Đất rừng sản xuất*: Diện tích năm 2020 là 47.938,42 ha tăng 991,03 ha so với diện tích năm 2011 (46.947,39 ha).

\* *Đất nuôi trồng thủy sản*: Diện tích năm 2020 là 752,95 ha tăng 314,20 ha so với diện tích năm 2011 (438,75 ha).

\* *Đất nông nghiệp khác*: Diện tích năm 2020 là 19,36 ha tăng 15,76 ha so với diện tích năm 2011 (3,60 ha).

\* *Biến động đất phi nông nghiệp*

Kết quả thực hiện đến năm 2020 là 1.717,79 ha, giảm 46,35 ha so với diện tích năm 2011.

Biến động chi tiết đến từng loại đất trong đất phi nông nghiệp như sau:

\* *Đất quốc phòng*: Diện tích năm 2020 là 5,98 ha giảm 0,47 ha so với diện tích năm 2011 (6,56 ha);

\* *Đất an ninh*: Diện tích năm 2020 là 2,00 ha giảm 0,07 ha so với diện tích năm 2011 (2,07 ha);

\* *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: Diện tích năm 2020 là 25,35 ha giảm 16,05 ha so với diện tích năm 2011 (41,40 ha);

\* *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*: Diện tích năm 2020 là 247,43 ha tăng 149,85 ha so với diện tích năm 2011 (97,58 ha);

\* *Đất di tích lịch sử - văn hoá*: Diện tích năm 2020 là 3,92 ha tăng 0,57 ha so với diện tích năm 2011 (3,35 ha);

\* *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Diện tích năm 2020 là 2,26 ha tăng 2,26 ha so với diện tích năm 2011;

\* *Đất ở tại đô thị*: Diện tích năm 2020 là 45,39 ha giảm 34,6 ha so với diện tích năm 2011 (80,0 ha);

\* *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: Diện tích năm 2020 là 18,99 ha tăng 0,83 ha so với diện tích năm 2011 (18,16 ha);

\* *Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Diện tích năm 2020 là 146,50 ha tăng 12,81 ha so với diện tích năm 2011 (133,69 ha);

\* *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*: Diện tích năm 2020 là 31,61 ha giảm 77,93 ha so với diện tích năm 2011 (109,54 ha);

\* *Đất cơ sở tín ngưỡng*: Diện tích năm 2020 là 1,64 ha tăng 1.38 ha so với diện tích năm 2011 (0,26 ha);

\* *Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*: Tổng diện tích đất năm 2020 là 1.533,15 ha giảm 48,97 ha so với diện tích năm 2011 (1.582,12 ha);

*\* Biến động đất chưa sử dụng*

Diện tích đất chưa sử dụng tính đến năm 2020 trên địa bàn huyện Hàm Yên là 448,08 ha, giảm 1.887,379 ha so với diện tích năm 2011.

### **2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất**

#### **2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất**

##### *a. Hiệu quả kinh tế*

Quá trình phát triển nhanh nền kinh tế - xã hội của huyện trong những năm qua đã kéo theo việc thay đổi rất lớn trong bố trí sử dụng các loại đất. Diện tích đất nông nghiệp (trong đó có đất sản xuất nông nghiệp) mặc dù phải chuyển một phần để xây dựng phát triển hệ thống đô thị, các khu dân cư, các khu, cụm công nghiệp tập trung và xây dựng kết cấu hạ tầng..., nhưng do từng bước đã có những chính sách hợp lý trong khuyến khích khai hoang cải tạo đất chưa sử dụng, mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp; phủ xanh đất trống đồi núi trọc; bảo vệ và phát triển rừng nên diện tích đất nông nghiệp đã tăng lên nhiều; môi trường sinh thái ngày càng được cải thiện.

Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tăng đáng kể, năng suất các loại cây trồng, vật nuôi và giá trị sản phẩm đều tăng, đáp ứng đủ nhu cầu lương thực tại chỗ cho nhân dân. Qua trình sản xuất nông, lâm nghiệp đã có định hướng, chính sách hợp lý để vừa khai thác hợp lý nguồn tài nguyên, vừa phủ xanh đất trống đồi trọc.

Diện tích đất có rừng tiếp tục được chăm sóc bảo vệ, bao gồm cả việc trồng rừng mới trên đất trống, đồi núi trọc và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên đã bị tàn phá, Từ đó góp phần giải quyết công ăn việc làm và nâng cao chất lượng đời sống cho một bộ phận dân cư, cải thiện chất lượng môi trường. Diện tích rừng sản xuất ngày càng đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Đất đai trên địa bàn huyện ngày càng được quản lý, khai thác triệt để và có hiệu quả hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Quá trình đô thị hóa, chỉnh trang đô thị, xây dựng hệ thống cơ sở hạ

tầng kỹ thuật, các công trình phúc lợi xã hội đã làm tăng diện tích sử dụng đất phi nông nghiệp. Cụm công nghiệp đã hình thành và tiếp tục được mở rộng không những góp phần tăng thu ngân sách cho địa phương, mà còn thu hút một lực lượng lớn lao động dư thừa ở nông thôn.

Trong thời gian tới quỹ đất sử dụng cho nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, phát triển dịch vụ - thương mại, du lịch tăng mạnh, trong đó đáng chú ý là các loại đất làm cơ sở sản xuất kinh doanh và đất cụm công nghiệp thương mại - dịch vụ, du lịch. Đây là điều kiện thuận lợi góp phần thúc đẩy nền kinh tế của huyện, đồng thời giải quyết một số lượng lớn việc làm cho người dân.

#### *b. Hiệu quả xã hội*

Thông qua việc phân bố, sử dụng đất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ, chuyển quỹ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp đã tạo được nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần ổn định đời sống cho người dân và phát triển kinh tế của địa phương.

Tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp - nông thôn chuyển dịch cơ cấu lao động sang phi nông nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa.

Cơ cấu lao động chuyển đổi theo chiều hướng tích cực, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm.

Quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị ngày càng được mở rộng.

Đối với phát triển kết cấu hạ tầng, công nghiệp, đô thị và dịch vụ: Việc chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời gian qua đã cơ bản đáp ứng nhu cầu về đất để triển khai thực hiện các công trình, dự án đầu tư, tạo bước đi phù hợp với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian góp phần đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình, dự án. Diện tích đất được giao để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp (đất công cộng, đất sản xuất kinh doanh, đất thương mại, dịch vụ, đất ở,...) ngày càng tăng, góp phần đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế, xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, rút ngắn được khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

#### *c. Hiệu quả môi trường*

Hàm Yên có môi trường sinh thái đa dạng nhưng do quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhanh trong những năm qua, đã dẫn đến việc khai thác sử dụng đất cho các mục đích dân sinh, kinh tế với cường độ ngày càng cao. Điều này đã tác động không nhỏ tới môi trường tự nhiên của huyện, làm cho đất đai có xu hướng suy thoái, nguồn nước bị ô nhiễm...

Trong nông nghiệp việc lạm dụng quá mức thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học làm cho môi trường đất, môi trường nước bị ô nhiễm; việc khai thác các loại tài nguyên (đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng) thiếu sự kiểm soát, quá trình xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, phát triển đô thị, khu, cụm công nghiệp,... cũng làm suy giảm môi trường.

Ở nông thôn nhiều nơi còn thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nguồn nước thải sinh hoạt hầu hết không qua xử lý đồng bộ mà đổ trực tiếp ra các hệ thống sông ngòi, ao hồ làm ô nhiễm nguồn nước. Do tập quán sinh hoạt của nhân dân, đặc biệt của một bộ phận đồng bào dân tộc, các khu dân cư đô thị thiếu các khu vực thu gom, chôn lấp, xử lý rác thải. Diện tích đất trồng đồi núi trọc tuy đã được tích cực phủ xanh nhưng vẫn chưa phủ kín toàn lãnh thổ, cộng thêm với lượng mưa hàng năm lớn, địa hình dốc nên hiện tượng xói mòn, rửa trôi đất vẫn tiếp tục xảy ra.

Trong thời gian tới vấn đề đặt ra là phải quản lý và kiểm tra thường xuyên ở các khu vực khai thác khoáng sản, các khu đô thị, khu cụm công nghiệp, các khu vực sản xuất nông lâm nghiệp sử dụng nhiều phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Nâng cao độ che phủ của rừng, chống thoái hóa đất, chống ô nhiễm nguồn nước, đất. Cần triển khai nghiên cứu và tìm giải pháp hữu hiệu để giải quyết tốt môi trường đô thị, khu cụm công nghiệp tập trung, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, xây dựng các bãi chứa rác ở đô thị và nông thôn, xử lý chất thải rắn, nước thải...

### **2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất**

#### *a) Cơ cấu sử dụng đất*

Cơ cấu sử dụng đất chung của Hàm Yên đang có hướng chuyển dịch theo hướng hợp lý hơn phù hợp điều kiện tự nhiên của huyện và đáp ứng phân nào yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Hiện trạng năm 2020, diện tích tự nhiên của huyện Hàm Yên là 90.054,59 ha (chiếm 1,93% diện tích của cả tỉnh) cơ cấu sử dụng đất như sau: Đất nông nghiệp: 84.888,72 ha, chiếm 94,26% tổng diện tích đất tự nhiên; Đất phi nông nghiệp: 4.717,79 ha chiếm 5,24% tổng diện tích đất tự nhiên; Đất chưa sử dụng: 448,08 ha chiếm 0,5% tổng diện tích đất tự nhiên).

Đất đai của huyện Hàm Yên đã được đưa vào khai thác triệt để, tiết kiệm và khá hợp lý cho các mục đích dân sinh kinh tế ngày càng tăng, diện tích đất chưa sử dụng giảm dần theo từng năm. Với điều kiện đất đai của huyện Hàm Yên, diện tích đất đang sử dụng cho nông nghiệp chiếm tỷ lệ như trên là tương đối phù hợp. Tuy nhiên trong quá trình phát triển, không thể không tránh khỏi việc tiếp tục phải sử dụng một phần diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đáp ứng cho các mục đích phi nông nghiệp trong thời gian tới.

Diện tích đất phi nông nghiệp của huyện có tỷ lệ còn thấp (5,24%), phản ánh đúng phần nào về sự phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và xã hội của Hàm Yên. Hiện tại cơ sở hạ tầng (đặc biệt là hệ thống giao thông, công viên cây xanh, cấp thoát nước,...) phát triển còn chưa thật sự đồng bộ, mới chỉ tập trung ở khu vực trung tâm thị trấn Tân Yên; các khu vực khác tỷ lệ đất hạ tầng vẫn còn thấp. Đất nông nghiệp tuy chiếm tỷ lệ cao 94,26% trong tổng diện tích tự nhiên, nhưng phần lớn lại là đất lâm nghiệp, đến nay vẫn chưa cho thấy hết tiềm năng và hiệu quả của ngành lâm nghiệp.

Ngoài ra diện tích đất chưa sử dụng được khai thác đưa vào sử dụng khá triệt để, nhưng còn chiếm tỷ trọng 0,5% trong cơ cấu sử dụng đất, cần tiếp tục có sự đầu tư, khai thác đưa vào sử dụng trong những năm tới.

*b) Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội*

Nhìn chung việc sử dụng đất trên địa bàn huyện đã đạt được những thành quả nhất định. Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội được thể hiện như sau:

Đối với đất nông nghiệp: Hiện trạng diện tích đất nông nghiệp của huyện là 84.888,72 ha (đất lâm nghiệp: 62.292,33 và đất sản xuất nông nghiệp: 21.824,07 ha). Đất lâm nghiệp chiếm diện tích lớn, bao gồm cả việc trồng mới rừng trên đất trống đồi núi trọc và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên đã bị tàn phá (đặc biệt là rừng Cham Chu), góp phần duy trì tỷ lệ che phủ, cải thiện môi trường, chống sạt lở và chống xói mòn đất. Huyện Hàm Yên đã thực hiện giao đất sản xuất nông nghiệp ổn định cùng với các chính sách đẩy mạnh sản xuất hàng hóa đã làm cho người dân năng động hơn, bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi; củng cố và phát triển mở rộng nhiều vườn cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao (Cam, chè, bưởi). Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tăng đáng kể, nhiều mô hình kinh tế trang trại đã xuất hiện, mặc dù mới chỉ ở quy mô vừa và nhỏ; đất đai đang dần được khai thác đúng hướng, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu.

Đất phi nông nghiệp: Diện tích đất phi nông nghiệp của huyện là 4.717,82 ha, chiếm 5,24% tổng diện tích tự nhiên. Quỹ đất phi nông nghiệp của huyện chủ yếu là đất phát triển hạ tầng, đất ở đô thị và đất ở nông thôn. Đất ở và hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội đã phần nào đáp ứng được nhu cầu ở thời điểm hiện tại. Tuy nhiên một số loại đất như giao thông, công viên cây xanh, đất dành cho hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, còn quá ít, vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu. Đất phi nông nghiệp, đặc biệt là đất công nghiệp, đô thị dịch vụ trên địa bàn huyện, tiêu biểu là thị trấn Tân Yên đang phát huy hiệu quả rõ rệt. Điều đó chứng tỏ việc chuyển mục đích đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng sang đất phi nông nghiệp là phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trong giai đoạn mới, tiếp tục quy hoạch, cải tạo, chỉnh trang quỹ đất nông



ng nghiệp đang sử dụng kém hiệu quả phục vụ cho các tiêu chuẩn phát triển kinh tế - xã hội theo hướng văn minh, hiện đại như đất dành cho hệ thống giao thông, thủy lợi, y tế, văn hoá, giáo dục, thể thao... nhằm tạo động lực mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tạo bộ mặt đô thị văn minh, hiện đại trên địa bàn huyện.

Đất chưa sử dụng: Diện tích đất chưa sử dụng còn lại của huyện 448,08 ha, trong thời kỳ quy hoạch sẽ cần có biện pháp hữu hiệu nhằm đưa quỹ đất này vào sử dụng cho các mục đích phù hợp.

Qua thực tế hiện trạng sử dụng đất cho thấy về trước mắt cơ cấu sử dụng đất là tương đối hợp lý vì Hàm Yên vẫn còn là tỉnh miền núi. Tuy nhiên để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, việc cần thiết phải quy hoạch chuyển đổi phần diện tích đất sản xuất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp nhằm tới mục tiêu sử dụng đất đai tiết kiệm và đạt hiệu quả cao nhất về kinh tế, xã hội và môi trường là quy luật tất yếu.

*c) Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất tại cấp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*

Huyện Hàm Yên đã thực hiện nhiều chính sách, giải pháp tương đối toàn diện liên quan đến vấn đề đầu tư vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật, đòn bẩy kinh tế... trong sử dụng đất. Mọi đối tượng sử dụng đất, chủ sử dụng đất đều có cơ hội nhận được sự đầu tư và có thể đầu tư đất đai theo năng lực của mình. Các hình thức khuyến khích cụ thể gồm:

+ Đầu tư vốn bằng tiền, cho vay trực tiếp đến người sử dụng đất theo các chương trình dự án và thông qua hệ thống các ngân hàng và quỹ tín dụng.

+ Đầu tư ứng trước các loại vật tư nông nghiệp, con giống, cung cấp các dịch vụ khoa học kỹ thuật với hệ thống các trung tâm khuyến nông, khuyến ngư, giống cây trồng, thú y tại các địa phương.

+ Hợp đồng bao tiêu sản phẩm, bảo hiểm sản xuất trực tiếp đến người sử dụng đất.

+ Chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất đi đôi với tiến bộ kỹ thuật canh tác được xác định là khâu đột phá, thúc đẩy nhanh tốc độ phát triển sản xuất nông nghiệp.

+ Có cơ chế khuyến khích những tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào các dự án đầu tư, kinh doanh khi có đất bị thu hồi. Có chính sách giải quyết tốt vấn đề bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư và các vấn đề xã hội liên quan; có quy hoạch và cơ chế bảo vệ vững chắc quỹ đất trồng lúa.

Trong ngành sản xuất phi nông nghiệp, đặc biệt là quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh trên địa bàn thị trấn Tân Yên. Sự phát triển nhanh về công nghiệp và đô thị là do huyện Hàm Yên đã xác định được hướng đi đúng. Qua đó có điều kiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Từ hướng đi đúng, huyện đã chọn bước đi thích hợp và tìm ra được giải pháp đột phá, đó là tập trung cải thiện môi trường đầu tư, môi trường sản xuất kinh doanh nhằm thu hút mạnh các nguồn lực cho đầu tư phát triển cho toàn huyện.

#### **2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất**

Trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện đã được tăng cường, góp phần không nhỏ vào quá trình phát triển kinh tế xã hội chung toàn huyện. Tuy nhiên quá trình sử dụng đất vẫn còn một số tồn tại sau:

- Tổng quỹ đất tự nhiên của huyện chưa được khai thác triệt để. Hiện tại vẫn còn 448,08 ha đất chưa sử dụng. Phần diện tích này cần được tiếp tục khai thác đưa vào sử dụng trong những năm tới.

- Việc khai thác quá mức tài nguyên rừng những năm trước đây vẫn cần có thời gian để khắc phục. Mặc dù diện tích trồng mới rừng không ngừng được tăng lên, công tác quản lý, bảo vệ rừng ngày càng được tăng cường song thực trạng độ che phủ bằng cây rừng hiện nay vẫn chưa đảm bảo ngưỡng an toàn cho môi trường sinh thái.

- Tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, không có hoặc không theo quy hoạch vẫn xảy ra; sử dụng đất phân tán, manh mún còn phổ biến. Trong sản xuất nông nghiệp vẫn thiếu các giải pháp đồng bộ như chưa giải quyết tốt giữa khai thác sử dụng với cải tạo đất, giữa sản xuất với tiêu thụ và chế biến sản phẩm, giữa mục đích kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái,... đã ảnh hưởng phần nào đến hiệu quả sử dụng đất.

- Do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh nên vẫn phải chuyển một số diện tích đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích đầu tư phát triển công nghiệp; dịch vụ; xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển các khu dân cư mới làm thu hẹp diện tích của loại đất có giá trị đặc biệt này.

- Quỹ đất dành cho các hoạt động phát triển kinh tế, phát triển các khu cụm công nghiệp, khu du lịch... chưa được khai thác sử dụng hiệu quả, một số công trình, dự án đã được giao đất nhưng tiến độ triển khai còn chậm hoặc chưa được thực hiện, gây lãng phí nguồn tài nguyên đất. Việc chỉnh trang, xây dựng các khu dân cư đô thị và nông thôn thiếu quy hoạch hợp lý cả về kinh tế và kỹ thuật. Có nơi chưa có quy hoạch khu dân cư gây khó khăn cho việc quản lý và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, điện nước.

- Trong quá trình sử dụng đất, việc quản lý chưa chặt chẽ, nhất là cấp cơ sở đã dẫn đến việc sử dụng đất chưa hợp lý, kém hiệu quả và còn sai mục đích. Chính sách bồi thường tái định cư thiếu đồng bộ, thực hiện chưa thống nhất cũng là nguyên nhân gây nhiều khó khăn khi Nhà nước thu hồi đất, đặc biệt khi thu hồi đất vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

### III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QHSD ĐẤT KỶ TRƯỚC

#### 3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

- Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 16/09/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt QHSD đất đến 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Hàm Yên;

- Căn cứ kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019, số liệu ước thực hiện đến 31/12/2020 của huyện Hàm Yên.

Đánh giá kết quả thực hiện QHSD đất đến năm 2020 của Hàm Yên là việc so sánh kết quả hiện trạng sử dụng đất năm 2020 với phương án QHSD đất được UBND tỉnh phê duyệt.

Kết quả thực hiện QHSD đất đến năm 2020 được thể hiện dưới bảng sau:

**Bảng 03: Kết quả thực hiện QHSD đất đến năm 2020**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Quy hoạch đến năm 2020 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến năm 2020		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH</b>		<b>90.054,6</b>	<b>90.054,59</b>	<b>-0,01</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>82.657</b>	<b>84.888,72</b>	<b>2.231,72</b>	<b>102,70</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.719	3.836,34	117,34	103,16
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3.086</i>	<i>3.145,13</i>	<i>59,13</i>	<i>101,92</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.242,24	3.224,99	-17,25	99,47
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10.526	14.762,75	4236,75	140,25
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	9.732	8.794,18	-937,82	90,36
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	6.168	5.559,73	-608,27	90,14
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	48.806	47.938,42	-867,58	98,22
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	439	752,95	313,95	171,51
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	24,76	19,36	-5,4	78,19
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5.920,8</b>	<b>4.717,79</b>	<b>-1.203,01</b>	<b>79,68</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	52	5,98	-46,02	11,50
2.2	Đất an ninh	CAN	2,07	2,00	-0,07	96,62
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	72,3	14,89	-57,41	20,59
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		16,24	16,24	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	94,04	25,35	-68,69	26,96

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Quy hoạch đến năm 2020 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến năm 2020		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	301	247,43	-53,57	82,20
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp QG, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.387,35	1.533,15	-854,2	64,22
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	6	3,92	-2,08	65,33
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	23,4	2,26	-21,14	9,66
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	823,6	1.056,55	232,95	128,28
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	79	52,20	-26,8	66,08
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	19	18,99	-0,01	99,95
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		0,26	0,26	
2.16	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,85	1,93	0,08	104,32
2.17	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	166,83	146,50	-20,33	87,81
2.18	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	137,55	31,61	-105,94	22,98
2.19	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		0,38	0,38	
2.20	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,26	1,64	1,38	630,77
2.21	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.745,79	1.556,51	-189,28	89,16
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	8,76		-8,76	0,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>1.476,8</b>	<b>448,08</b>	<b>-1.028,72</b>	<b>30,34</b>

(Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 16/09/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt QHSD đất đến 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu 2011-2015 huyện Hàm Yên)

Kết quả thực hiện :

- Có 8/32 chỉ tiêu đạt  $\geq 100\%$  (chiếm 25,00%), gồm: Nhóm đất nông nghiệp có 05 chỉ tiêu (đất nông nghiệp, đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản); nhóm đất phi nông nghiệp có 03 chỉ tiêu (đất ở tại nông thôn, đất cơ sở tôn giáo, đất cơ sở tín ngưỡng).

- Có 11/32 chỉ tiêu đạt trên 70-100% (chiếm 34,37%), gồm: Nhóm đất nông nghiệp có 05 chỉ tiêu (đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng rừng sản xuất, đất trồng rừng phòng hộ, đất trồng rừng đặc dụng, đất nông nghiệp khác); nhóm đất phi nông nghiệp có 6 chỉ tiêu (đất phi nông nghiệp; đất an ninh; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất ở tại đô thị; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà hỏa táng; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối).

- Có 03/32 chỉ tiêu đạt 50 - 70% (chiếm 9,38%) thuộc nhóm đất phi nông nghiệp (Đất phát triển hạ tầng cấp QG, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Đất có di tích lịch sử - văn hóa; Đất ở tại đô thị).

- Có 6/32 chỉ tiêu đạt dưới 50% (chiếm 18,75%), gồm: Nhóm đất phi nông nghiệp có 6 chỉ tiêu (đất quốc phòng; đất cụm công nghiệp; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất bãi thải, xử lý chất thải; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm) và đất chưa sử dụng.

- Còn lại 12,5% là các chỉ tiêu chưa xác định, bao gồm đất phi nông nghiệp khác; đất vui chơi, giải trí công cộng; đất xây dựng của tổ chức sự nghiệp và đất thương mại, dịch vụ.

Nhận xét:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đạt mức trung bình, có 19/31 chỉ tiêu đạt trên 70%, đạt 60% các chỉ tiêu quy hoạch đất được UBND tỉnh xét duyệt đến năm 2020.

- Nhóm đất phi nông nghiệp thực hiện ở mức trung bình đạt 79,68% so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2020,

- Nhóm đất chưa sử dụng: Diện tích đất chưa sử dụng của kỳ quy hoạch trước được duyệt là 1.476,8 ha, so với hiện trạng năm 2020 chỉ còn 448,08 ha. Như vậy, kết quả thực hiện việc khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đạt 30,34%;

(Năm 2015 và năm 2020, thực hiện kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất nên có sự chênh lệch số liệu cuối kỳ quy hoạch sử dụng đất với số liệu Quy hoạch sử dụng đất được duyệt đầu kỳ).

### **3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước**

#### **3.2.1. Những mặt được**

- Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã công bố công khai toàn bộ tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt tại trụ sở, đồng thời tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phân kỳ 5 năm (2011-2015), thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch đối với các khu đất đã được thu hồi đất, giao đất trên địa bàn huyện, đồng thời tiến hành công tác rà soát và đề xuất các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã trở thành một trong những căn cứ pháp lý quan trọng để Nhà nước thực hiện quyền định đoạt của mình về đất đai (thu hồi

đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều tiết thị trường đất đai,...).

- Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quan tâm chú trọng. Trong những năm vừa qua huyện đã đầu tư kinh phí lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 của cấp huyện theo quy định của Luật Đất đai; đã thực hiện và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2010 - 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

- Đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất đai cho các mục đích, đối tượng sử dụng; làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn huyện Hàm Yên.

- Qua việc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất được chuyển đổi phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đất dành cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang và phát triển đô thị được mở rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu của giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện Hàm Yên đã được UBND tỉnh phê duyệt đã tạo cơ sở pháp lý cho huyện trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai theo quy hoạch, đặc biệt là công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 - 2015 trên địa bàn huyện Hàm Yên đã đạt được những thành quả nhất định, quá trình sử dụng đất cơ bản dựa trên quan điểm khai thác sử dụng triệt để quỹ đất đai, đảm bảo sử dụng hợp lý và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, phù hợp với quan điểm phát triển chung của tỉnh và cả nước. Cụ thể như sau:

- Nhóm đất nông nghiệp thực hiện trong 10 năm qua cơ bản phù hợp và vượt so với với chỉ tiêu đã được Chính phủ xét duyệt.

- Nhóm đất phi nông nghiệp thực hiện đạt tỷ lệ khá cao là sự nỗ lực rất lớn của huyện.

- Nhóm đất chưa sử dụng được khai thác đưa vào sử dụng cho các mục đích vượt chỉ tiêu phê duyệt trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cũng là một thành tựu quan trọng. Phần diện tích đã khai thác hiện đang được sử dụng có hiệu quả cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

### **3.2.2. Những tồn tại**

Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong sự đổi mới nền kinh tế của huyện nói riêng và toàn khu vực nói chung nên trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất cũng có những phát

sinh, dẫn đến một số chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện vượt so với chỉ tiêu được duyệt. Đồng thời cũng do nhiều nguyên nhân khác nhau đã làm cho một số chỉ tiêu có kết quả thực hiện đạt còn thấp hơn so với chỉ tiêu theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt. Ngoài ra việc biến động các chỉ tiêu sử dụng đất trong quá trình thực hiện so với các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch được duyệt còn do một số yếu tố khác, đó là:

- Tình hình kinh tế của huyện còn gặp nhiều khó khăn, thiếu nguồn vốn đầu tư hoặc nguồn vốn còn bị động gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch đã đề ra. Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai nên phải lùi tiến độ thực hiện.

- Một số dự án quy hoạch khu đô thị, khu cụm công nghiệp,... không được nhà đầu tư thực hiện đến cùng như đã cam kết do hạn chế về hiệu quả đầu tư, tính hấp dẫn cũng như khó khăn tài chính. Vì vậy mặc dù dự án đã lập quy hoạch chi tiết nhưng vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện không hoàn toàn cũng là nguyên nhân làm cho kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đối với các loại đất trên đạt tỷ lệ thấp.

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc, tồn tại; vốn đầu tư xây dựng cơ bản gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội như văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế,... đã không được thực hiện hoặc thực hiện với tiến độ chậm. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến một số chỉ tiêu sử dụng đất đạt được ở mức thấp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Trong quy hoạch sử dụng đất đã cố gắng phân bổ sử dụng đất cho từng ngành, từng lĩnh vực. Song trên thực tế triển khai, một số nhà đầu tư lại không muốn đầu tư vào những vị trí đã quy hoạch mà muốn chuyển vào địa điểm khác. Để tranh thủ nguồn vốn và khuyến khích đầu tư nên nhiều trường hợp đã được chấp thuận. Điều này đã gây không ít xáo trộn trong quy hoạch, đồng thời làm phát sinh công trình nằm ngoài quy hoạch được duyệt.

- Nhận thức của các cấp, các ngành về xây dựng quy hoạch sử dụng đất còn chưa đầy đủ, chưa được coi trọng nên một số nội dung trong quy hoạch còn biểu hiện tính hình thức, chưa sát với tình hình thực tế dẫn đến những hạng mục công trình phát sinh phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần làm phá vỡ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Công tác chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch chưa sát sao, còn có những nơi, những ngành chỉ tiêu thực hiện không cao, một số nơi sử dụng đất nhưng không theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt.

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt ở các cấp chưa nghiêm và thường xuyên. Tình trạng sử dụng đất sai với quy hoạch, kế hoạch chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

- Kết quả thực hiện chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp mặc dù đạt khá cao, tuy nhiên vẫn còn một số những chỉ tiêu thực hiện chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

- Quy hoạch, kế sử dụng đất cấp huyện được xây dựng trên cơ sở tổng hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực, quá trình rà soát lập quy hoạch sử dụng đất các sở, ngành, địa phương còn đưa vào quá nhiều công trình dự án nhưng chậm triển khai thực hiện dẫn đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất không đạt chỉ tiêu; cơ sở hạ tầng còn yếu, chưa thu hút được nhà đầu tư nên khó khăn trong việc kêu gọi đầu tư, thực hiện xã hội hóa để huy động các tổ chức kinh tế, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án; quy hoạch các khu trung tâm xã theo chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới nhưng chậm triển khai thực do thiếu vốn.

### **3.2.3. Nguyên nhân của tồn tại**

- Thiếu đồng bộ trong cơ sở dữ liệu quản lý đất đai. Thực trạng hiện nay huyện Hàm Yên có 01/18 xã được đo đạc địa chính, số xã còn lại (17 xã) chưa được đo đạc hiện đang dùng tài liệu bản đồ giải thửa 299 (được lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước), hiện trạng đã thay đổi nhiều, rất khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Nhiều chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện được hoặc có thực hiện nhưng chưa đạt tiến độ kế hoạch sử dụng đất:

+ Một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa có sự thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch đô thị và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội nên phải điều chỉnh.

+ Một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa được dự báo sát với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của huyện, việc lựa chọn địa điểm xây dựng dự án chưa phù hợp với khả năng thực hiện, không thu hút được nhà đầu tư, dẫn tới một số chỉ tiêu quy hoạch chưa đạt.

+ Kế hoạch chưa tính đúng khả năng phát triển thực tế tại địa phương nên trong quá trình thực hiện quy hoạch đã phát sinh hạng mục mới, đồng thời một số hạng mục không thực hiện được.

+ Số liệu thống kê, kiểm kê đất đai qua các thời kỳ có nhiều biến động, chưa phản ánh chính xác một số chỉ tiêu sử dụng của các loại đất giữa hiện trạng



sử dụng (bản đồ) và số liệu trên biểu mẫu thống kê ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng hồ sơ quy hoạch.

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành và các địa phương trong công tác lập và thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhìn chung chưa tốt. Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác chưa thực sự gắn kết. Phần lớn các ngành còn lúng túng trong việc gắn kết giữa kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch phát triển các ngành, quy hoạch xây dựng đô thị và khu dân cư nông thôn.

- Việc chấp hành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa nghiêm tại các xã, thị trấn. Tình trạng người sử dụng đất vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất vẫn còn xảy ra trong kỳ quy hoạch.

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế chính sách để thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển công nghiệp dịch vụ, du lịch đồng bộ với cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội để khai thác tiềm năng đất đai trên địa bàn huyện: Luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư khi thực hiện các dự án trên địa bàn huyện như kịp thời ban hành các văn bản, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình,...

- Thiếu nguồn kinh phí để bố trí đầu tư xây dựng các công trình, dự án. gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện các dự án từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất. Nhiều chủ đầu tư chưa chủ động về nguồn vốn đầu tư thực hiện các công trình, dự án đã đăng ký trong phương án quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt nên xảy ra tình trạng kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện.

### **3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới**

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch kỳ trước có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho việc lập quy hoạch đến năm 2030 của huyện như sau:

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực; tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cần nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai. Cần có sự phối hợp giữa các sở, ngành và UBND các xã, thị trấn trong việc rà soát, xác định các chỉ tiêu để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của ngành và địa phương nhưng phải sát với tình hình triển khai thực tế của địa phương.

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Công tác kiểm tra, giám

sát, đơn đốc việc thực hiện quy hoạch cần được coi trọng và tiến hành thường xuyên. Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch, không để tình trạng tự phát chuyển mục đích sử dụng đất xảy ra làm chông chéo tình hình quản lý, sử dụng đất khó khăn và tác động xấu đến môi trường.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp đảm bảo nguyên tắc quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực và địa phương có sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp quy hoạch ngành duyệt trước thì phải có sự rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho việc lập và tổ chức thực hiện đầy đủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện và đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai vào nề nếp theo đúng quy định của pháp luật.

#### **IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI**

Tiềm năng đất đai để phát triển các ngành về cơ bản được xác định trên cơ sở kết quả đánh giá tiềm năng đất đai đã được thực hiện trong kỳ QHSD đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất các năm của huyện Hàm Yên. Tuy nhiên do nhiều yếu tố khác nhau (như điều kiện khí hậu ngày càng phức tạp, tài nguyên đất bị biến động, chính sách đầu tư thay đổi...) dẫn đến tiềm năng đất đai xác định để phát triển một số lĩnh vực trước đây không còn phù hợp. Về mặt tổng quan có thể nhận thấy trong tổng quỹ đất tự nhiên của toàn huyện, diện tích đất đã khai thác đưa vào sử dụng cho các mục đích dân sinh kinh tế là 89.606,54 ha, chiếm 99,5% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Trong đó:

Đất nông nghiệp có 84.888,72 ha, chiếm 94,26% diện tích tự nhiên. Năng suất sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi mới chỉ đạt ở mức trung bình khá so với cả tỉnh, nếu có những giải pháp hữu hiệu nhằm điều chỉnh những bất hợp lý trong cơ cấu cây trồng vật nuôi, kết hợp với những ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật trong sản xuất thì hiệu quả sử dụng đất sẽ cao, năng suất sản lượng sẽ còn tăng lên.

Đất phi nông nghiệp mới chỉ có 4.717,79 ha, chiếm 5,24% diện tích đất tự nhiên, tuy nhiên hệ số sử dụng đất còn thấp, chưa tận dụng được không gian và chiều cao; có nơi còn sử dụng lãng phí, nếu được quản lý, bố trí sắp xếp lại sẽ tiết kiệm được một quỹ đất đáng kể.

Đất chưa sử dụng vẫn còn 448,08 ha, chiếm 0,5% quỹ đất tự nhiên toàn huyện, phân bố tập trung chủ yếu ở xã Yên Phú (169,54 ha), xã Tân Thành (83,72 ha), xã Hùng Đức (66,65 ha), xã Minh Khương (43,78 ha), xã Thái Hòa (32,13 ha). Các xã, thị trấn có đất chưa sử dụng còn dưới 15,0 ha là TT Tân Yên (10,55 ha), xã Yên Thuận (12,78 ha), còn lại các xã khác diện tích đất chưa sử

dụng đều dưới 10 ha. Đất chưa sử dụng được xem là nguồn tiềm năng có thể khai thác vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

Trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá bổ sung cho thấy, để phù hợp với thực trạng điều kiện đất đai hiện nay cũng như định hướng phát triển của các ngành trong những năm tới, thì việc đánh giá đúng tiềm năng đất đai về lượng và chất theo khả năng thích hợp với từng mục đích sử dụng có ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo ra những căn cứ xác định nhằm định hướng cho việc sử dụng đất trên cơ sở khai thác sử dụng quỹ đất đai hợp lý, có hiệu quả cao, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm năng đất đai để phát triển một số lĩnh vực chủ yếu trên địa bàn huyện được xác định như sau:

#### **4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp**

Quá trình sản xuất nông nghiệp liên quan chặt chẽ với các yếu tố tự nhiên như đặc điểm thổ nhưỡng, tính chất nông hóa của đất và khí hậu của huyện. Tuy nhiên hiệu quả đem lại của sản xuất do việc bố trí hợp lý cây trồng - vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, mùa vụ... tạo ra các vùng chuyên canh sản phẩm hàng hóa nông sản và nguyên liệu chế biến còn phụ thuộc nhiều vào các điều kiện khác như: Chế độ nước, khả năng tưới tiêu, địa hình, vị trí phân bố, mức độ tập trung đất đai trong không gian, vốn, lao động, cũng như yếu tố thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm. Đất đai trên địa bàn huyện Hàm Yên khá đa dạng, có nhiều thuận lợi cho việc phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy hải sản, cụ thể:

- Nhóm đất phù sa và đất feralit nâu vàng là nhóm đất có tiềm năng sử dụng cao và đa dạng cho hiệu quả kinh tế như trồng lúa, lúa màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây ăn quả có giá trị.

- Nhóm đất vàng đỏ trên đá granit, đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng, đất phù sa ngòi suối là các nhóm đất có những hạn chế nhất định trong sản xuất, tuy nhiên với việc phát triển thủy lợi, tưới tiêu hợp lý, cùng với việc áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mới như lựa chọn cây, con giống thích hợp, kỹ thuật canh tác tiến bộ, gắn sản xuất với tính đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường nên việc sử dụng và khai thác các loại đất này đã đem lại hiệu quả kinh tế như trồng lúa 1 đến 2 vụ, trồng các loại cây hoa màu khác.

Trên cơ sở phân tích đánh giá các yếu tố liên quan đến quá trình sản xuất, có cân đối với quá trình đô thị hóa và đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội cho thấy tiềm năng đất đai để phân vùng phát triển nông nghiệp của huyện như sau:

+ Đất trồng cây hàng năm: Diện tích đất trồng lúa được quy hoạch ổn định khoảng 3.836,34 ha, tập trung chủ yếu (>250 ha) trên địa bàn các xã Minh Hương, Phù Lưu, Hùng Đức, Thái Sơn, Thành Long, diện tích đất nông nghiệp khác còn khoảng 19,36 ha; ngoài ra còn khoảng 3.224,99 ha đất trồng cây hàng

năm khác (các loại rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày,...) mang lại hiệu quả kinh tế và phục vụ cho nhu cầu hàng ngày của nhân dân trên toàn huyện.

+ Đất trồng cây lâu năm: Diện tích thích hợp khoảng 14.762,75 ha, phân bố chủ yếu trên địa bàn xã Phù Lưu (chủ yếu là đất trồng cam), Yên Phú, Yên Thuận, Minh Khương, Minh Dân,...

- Một phần đất lâm nghiệp trong thời gian tới được chuyển đổi đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng,... Diện tích còn lại được quy hoạch bảo vệ ổn định, trong đó rừng phòng hộ là 8.794,18 ha, phân bố chủ yếu tại khu vực phía Bắc trên địa bàn xã Yên Lâm; rừng đặc dụng có diện tích là 5.559,73 ha, tập trung chủ yếu tại 2 xã Phù Lưu và xã Yên Thuận. Những “lá phổi” của huyện đem lại tác dụng phủ xanh đất trống, đồi trọc, tạo ra các dải cây xanh chắn gió, ngăn chặn nguy cơ xói mòn, sạt lở đất, bảo vệ môi trường sinh thái cho toàn huyện; diện tích rừng sản xuất khoảng 47.938,42 ha, phân bố đồng đều trên 17 xã và 1 thị trấn với các loại cây lâm nghiệp như keo, bạch đàn,... được trồng với mục đích sản xuất, sử dụng làm nguyên liệu giấy.

- Diện tích đất thích hợp cho nuôi trồng thủy sản ngày càng thu hẹp do nhu cầu phát triển đô thị, nâng cấp cơ sở hạ tầng, chỉ còn lại 752,95 ha. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nghề nuôi trồng thủy sản ở huyện miền núi Hàm Yên phát triển mạnh cả về diện tích và sản lượng, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo và tạo công ăn việc làm cho rất nhiều lao động ở nông thôn, miền núi. Bên cạnh đó, hệ thống kênh mương, sông ngòi phục vụ hoạt động tưới tiêu cũng được nâng cấp và hoàn thiện, góp phần đảm bảo nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp.

## **4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp**

### **4.2.1. Tiềm năng phát triển công nghiệp**

Huyện Hàm Yên rất có tiềm năng để phát triển công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản và thủy hải sản. Ngoài ra, còn ưu tiên cho sản xuất sản phẩm xuất khẩu trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế trong một số lĩnh vực khác như công nghiệp vật liệu xây dựng (khai thác các mỏ đá), gạch ép không nung cũng đang dần tạo được ưu thế phát triển.

Trong những năm tới, ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện sẽ được xây dựng, phát triển mạnh theo hướng đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực, quy mô sản xuất. Đối với các ngành tiểu thủ công nghiệp có quy mô nhỏ, mang tính truyền thống không gây ô nhiễm môi trường... sẽ được tiếp tục duy trì phát triển trong tương lai; từng bước di chuyển các nhà máy, cơ sở sản xuất, các hợp tác xã có khả năng gây ô nhiễm môi trường quy hoạch vào các khu công nghiệp, khu chế biến tập trung.

Xét về nguồn nguyên vật liệu, cơ sở hạ tầng và khả năng đầu tư, trên địa bàn huyện đã và đang quy hoạch xây dựng cụm công nghiệp Tân Thành và cụm công nghiệp phía Nam, ngoài ra vẫn còn tiềm năng đất đai thuận lợi cho phát triển công nghiệp ở một số khu vực khác như xã Phù Lưu, xã Thái Sơn. Trong thời kỳ đến năm 2030, chủ trương của tỉnh sẽ tiếp tục quy hoạch mở rộng cụm công nghiệp và các điểm tiểu thủ công nghiệp, sản xuất nhỏ lẻ khác.

#### **4.2.2. Tiềm năng phát triển đô thị, các khu dân cư nông thôn**

Tiềm năng đất đai để phát triển đô thị, xây dựng các khu dân cư trên địa bàn được xác định dựa trên các tiêu chí (mức độ thuận lợi), bao gồm:

- Vị trí phân bố không gian.
- Các yếu tố điều kiện tự nhiên, bao gồm: Độ dốc địa hình, địa chất, cường độ chịu nén của đất, thủy văn và khí hậu.
- Công năng của đất (sức chịu tải về dân số, các loại công trình kiến trúc).
- Điều kiện cơ sở hạ tầng và phương thức sử dụng đất đai hiện tại.

Khi nghiên cứu đánh giá thực trạng quỹ đất đai, đối chiếu so sánh với các tiêu chí về mức độ thuận lợi, ít thuận lợi và không thuận lợi cho thấy tiềm năng đất đai thích hợp để phát triển, mở rộng không gian nội thị không chỉ riêng của thị trấn Tân Yên, mà về lâu dài được xác định bao gồm phần đất thuộc các xã Phù Lưu và Thái Sơn theo quy hoạch không gian đô thị được cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Trong tương lai ngoài việc chỉnh trang cải tạo, sắp xếp lại dân cư khu vực nội thành, cần thiết phải xây dựng, phát triển thêm các khu dân cư nông thôn mới trên địa bàn các xã, đáp ứng nhu cầu bố trí quỹ đất tái định cư phục vụ giải tỏa xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cũng như đáp ứng nhu cầu nhà ở ngày càng tăng của nhân dân.

#### **4.3. Tiềm năng đất đai phục vụ cho việc phát triển du lịch**

Với lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên cũng như cảnh quan thiên nhiên; các di tích lịch sử văn hóa, các công trình danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, cùng với các lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc... Huyện Hàm Yên có nhiều thuận lợi để phát triển ngành du lịch với nhiều loại hình đa dạng như: Du lịch nghỉ dưỡng; du lịch sinh thái; du lịch tham quan, nghiên cứu, hội thảo hội nghị; du lịch văn hóa, lễ hội. Đặc biệt Hàm Yên còn được thiên nhiên ban tặng danh lam thắng cảnh Động Tiên, nơi đây đã và đang thu hút nhiều khách du lịch trong nước đến tham quan, tham gia lễ hội Động Tiên và Chợ Quê, có thể phát triển thành một trong những trọng tâm về du lịch của huyện.

Ngoài Động Tiên, Hàm Yên cũng đang phát triển các khu du lịch khác như khu du lịch sinh thái Hồ Khôn, khu du lịch sinh thái Nam Phong - Ba Trăng,... Nâng cấp và trùng tu các di tích, lịch sử - văn hóa Đồi Báng Nội, Hang Đá

Đền, đồi Ngòi Bang, di tích lịch sử chiến thắng Km24,... góp phần thu hút khách du lịch ghé thăm.

Khai thác sự đa dạng, phong phú về tài nguyên du lịch sẽ là thế mạnh góp phần tạo tiền đề phát triển kinh tế dịch vụ của huyện trong tương lai. Vì vậy, trong những năm tới các khu vực này sẽ tiếp tục được ưu tiên đầu tư phát triển mạnh về cơ sở hạ tầng, các công trình vui chơi giải trí, phục vụ cho du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng. Ngoài ra, các hoạt động dịch vụ thương mại của huyện sẽ tiếp tục được đầu tư phát triển tập trung ở khu vực trung tâm, khu vực nội thị với hệ thống chợ, siêu thị, cửa hàng, trung tâm thương mại; hệ thống dịch vụ có quy mô nhỏ sẽ được củng cố mở rộng, phát triển trong các khu dân cư...

## **PHẦN III: PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT**

#### **1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội**

##### **1.1.1. Phương hướng phát triển**

Với phương châm “Đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới, phát triển”, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện nêu cao quyết tâm chính trị, phát huy thành quả đạt được, khắc phục những khó khăn, thực hiện các chủ trương, giải pháp toàn diện trên các lĩnh vực.

Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế, đẩy mạnh phát triển kinh tế, tập trung xây dựng huyện nông thôn mới, phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa theo hướng hiệu quả, bền vững; thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả các dự án công nghiệp; phát triển các ngành dịch vụ, tập trung dịch vụ thương mại và du lịch; huy động đa dạng các nguồn lực đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị.

Nâng cao chất lượng giáo dục, quan tâm đào tạo nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển văn hóa, xây dựng con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tăng cường công tác xây dựng Đảng gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

##### **1.1.2. Mục tiêu tổng quát**

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp, UBND huyện đã ban hành các chương trình, kế hoạch chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp với nhân dân để tổ chức thực hiện tốt 01 lĩnh vực đột phá, 04 nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hàm Yên lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

Ngoài ra, cần hoàn thành tốt các nhiệm vụ về đảm bảo quốc phòng, an ninh tại địa phương. Tăng tốc phát triển kinh tế để thu hẹp, tiến tới bằng và vượt mức GDP/người so với cả nước.

Phát huy nội lực để khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của địa phương kết hợp với các nguồn lực đầu tư của Trung ương, của tỉnh và các nguồn lực khác để phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới phát triển bền vững. Đi đầu trong một số lĩnh vực then chốt, tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa

đặc sản, các lĩnh vực khai thác khoáng sản, tiềm năng du lịch của địa phương. Tập trung mọi nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh. Phát triển văn hóa - xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm; nâng cao chất lượng các dịch vụ công; đảm bảo an sinh xã hội. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa để tạo mức tăng trưởng kinh tế đột phá cao, gắn với sự phát triển chung. Phát triển mạnh và đa dạng khu vực dịch vụ nhất là các lĩnh vực thương mại, du lịch đồng thời tiếp tục phát triển nông nghiệp bền vững.

## **1.2. Quan điểm sử dụng đất**

- Sử dụng đất phải tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt đảm bảo tính thống nhất mối liên hệ của tỉnh trong vùng và giữa các huyện, thành phố trong tỉnh.

- Duy trì và bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa nước cần thiết đảm bảo an ninh lương thực; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên và đất di tích, danh thắng để bảo vệ cảnh quan môi trường, đa dạng sinh học, phát triển bền vững.

- Ưu tiên bố trí đầy đủ quỹ đất cho lĩnh vực quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (giao thông, thủy lợi, văn hóa, thể thao, giáo dục - đào tạo...) để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Cân đối quỹ đất để đáp ứng nhu cầu xây dựng các đô thị, khu công nghiệp, dịch vụ kinh tế và kết cấu hạ tầng theo hướng văn minh, hiện đại, đáp ứng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. QHSD đất làm mặt bằng cho sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, dịch vụ, hệ thống giao thông... theo hướng tăng cường khai thác cả phần không gian bên trên và dưới mặt đất, nâng cao hệ số sử dụng đất.

- Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tại các xã vùng sâu, vùng xa, các xã thuộc đặc biệt khó khăn để rút ngắn khoảng cách về phát triển kinh tế với các xã phát triển khá trên địa bàn huyện.

- Dành quỹ đất hợp lý để quy hoạch xây dựng các khu xử lý chất thải đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong những năm tới.

- Bảo vệ và có quy hoạch, kế hoạch, chính sách khai thác có hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng; ngăn chặn tình trạng đất bị xâm hại, sạt lở, lấn chiếm gây hủy hoại môi trường đất. Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật trong việc sử dụng, cải tạo, bảo vệ, làm tăng độ phì của đất.



- Bố trí sử dụng đất trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đáp ứng mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh nhằm sử dụng hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả nguồn tài nguyên đất.

### **1.3. Định hướng sử dụng đất**

Định hướng sử dụng đất đai của huyện Hàm Yên đến năm 2030 và xa hơn phải đảm bảo thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, của tỉnh, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng đất đai và phù hợp với điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội của từng tiểu vùng. Định hướng sử dụng đất đai của huyện phải phù hợp với QHSD đất chung của tỉnh;

- Định hướng sử dụng đất của huyện Hàm Yên là đáp ứng mục tiêu TT Tân Yên đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025. Trung tâm xã Phù Lưu và trung tâm xã Thái Sơn đạt chuẩn đô thị loại V vào năm 2025 theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ Tướng chính phủ về kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030.

- Định hướng sử dụng đất đảm bảo tiêu chí huyện Hàm Yên đạt chuẩn huyện Nông thôn Mới vào năm 2025; Huyện Hàm Yên là huyện phát triển kinh tế theo hướng “Nông- Lâm -Nghiep” đặc biệt là Vùng chuyên canh cam sành của tỉnh Tuyên Quang.

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả, bền vững quỹ đất đai của huyện, phục vụ cho phát triển kinh tế (đất nông, lâm nghiệp, đất công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh ...), ổn định chính trị, an ninh quốc phòng (đất an ninh, quốc phòng) và phát triển xã hội (đất phát triển hạ tầng, đất tôn giáo tín ngưỡng ...);

- Đảm bảo đáp ứng được nhu cầu đất của các ngành để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030, trên quan điểm sử dụng toàn bộ quỹ đất của huyện một cách khoa học, hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững;

- Đảm bảo ưu tiên bố trí đất đai cho việc giải quyết an ninh lương thực trên địa bàn huyện và phát triển nông nghiệp hàng hoá. Đồng thời phải ưu tiên đất cho khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, mở rộng đô thị, xây dựng các khu dịch vụ, dịch vụ thương mại... để phát triển kinh tế nhanh và thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn huyện;

- Đảm bảo sử dụng đất đáp ứng yêu cầu tỷ lệ che phủ thảm thực vật đảm bảo mức cân bằng sinh thái ở một huyện miền núi. Đồng thời chú ý hạn chế tối thiểu tác động xấu đến môi trường trong sử dụng đất, nhất là ở khu vực khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng;

- Đảm bảo bố trí đủ đất cho phát triển dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu thương mại - dịch vụ ở các xã.

Định hướng phát triển theo các khu vực (khu sản xuất nông nghiệp, Khu lâm nghiệp, khu phát triển công nghiệp, khu đô thị, khu thương mại - dịch vụ, khu dân cư nông thôn) tập trung như sau:

### **1.3.1. Định hướng sử dụng đất nông nghiệp**

- Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích hợp với điều kiện sinh thái từng khu vực, hướng hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, có sản lượng lớn và ổn định tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, hướng vào các sản phẩm có thể mạnh như lương thực, mía đường, chè, cây ăn quả, cây nguyên liệu giấy, gỗ, chăn nuôi.

- Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, hồ chứa nước nhằm đảm bảo nước tưới cho diện tích ruộng nước hiện có, nâng diện tích ruộng nước có điều kiện tưới từ 1 vụ lên 2 vụ và mở mang diện tích khai hoang ruộng nước mới. Phấn đấu đảm bảo cho 100% diện tích ruộng nước 2 vụ đảm bảo đủ nước tưới, giảm dần diện tích đất nương rẫy sang trồng cây công nghiệp.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, lựa chọn giống mới, phù hợp, cho năng suất, chất lượng tốt; đầu tư thâm canh, kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp và công nghiệp chế biến, từng bước hiện đại hoá các khâu quan trọng để thúc đẩy sản xuất phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất, dân sinh và xuất khẩu.

- Phát triển lâm nghiệp theo hướng tăng cường công tác bảo vệ, cải tạo tu bổ rừng tự nhiên hiện có, nhất là rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đẩy mạnh việc trồng rừng mới, từng bước khôi phục diện tích rừng nhằm tăng độ che phủ.

- Quá trình khai thác sử dụng đất phải đi đôi với bảo vệ, cải tạo đất, chống ô nhiễm, suy thoái đất, bảo vệ môi trường sinh thái.

Định hướng sử dụng một số loại đất chính như sau:

#### **1.3.1.1. Đất trồng lúa**

Trong những năm tới, trên cơ sở chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa được phân bổ, lựa chọn những phần diện tích kém hiệu quả để chuyển sang các mục đích khác như xây dựng và phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn, khu cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ du lịch, xây dựng các công trình công cộng,... Phần diện tích còn lại cần khoanh định và giao cho các cấp chính quyền địa phương và người dân để quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt và sử dụng ổn định, lâu dài nhằm đảm bảo an ninh lương thực. Đồng thời đưa các giống lúa có năng suất, chất lượng cao và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để hình thành vùng chuyên canh, thâm canh cây lúa tập trung ở các vùng thấp trên địa bàn như các xã Phù Lưu, Minh Hương, Hùng Đức, Thái Sơn...

### **1.3.1.2. Đất trồng cây lâu năm**

Tập trung phát triển mạnh các cây công nghiệp, cây ăn quả có thể mạnh như: chè, cam, chanh, thanh long, rau quả trái vụ, cây dược liệu, vv... gắn với xây dựng thương hiệu và công nghiệp chế biến. Nghiên cứu phát triển rau trái vụ ở các xã có khí hậu thuận lợi để đẩy nhanh xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, tăng hệ số sử dụng đất.

Xây dựng vùng chè tập trung gắn với đầu tư các cơ sở chế biến chè, nhất là các cơ sở chế biến chè xuất khẩu tại các xã Bạch Xa, Thành Long. Xây dựng vùng cam tập trung và xây dựng thương hiệu cam Hàm Yên, nhất là cam đạt tiêu chuẩn VietGap, tập trung tại các xã Minh Dân, Yên Lâm, Phù Lưu,..

### **1.3.1.3. Đất lâm nghiệp**

Trong thời gian lâu dài sẽ đầu phát triển lâm nghiệp nhằm nâng cao độ che phủ của rừng. Để thực hiện mục tiêu này thì tiêu chí phát triển cho từng loại rừng, như sau:

- Rừng sản xuất: Trong thời gian tới cần tăng cường bảo vệ kết hợp thâm canh rừng tự nhiên và rừng trồng trên địa bàn huyện để cung cấp nguyên liệu cho chế biến. Các xã có diện tích rừng sản xuất lớn được giao lâu dài cho người dân làm vườn rừng, trang trại để cung cấp gỗ củi tại chỗ và các sản phẩm khác phục vụ cho nhu cầu của địa phương. Phát triển rừng sản xuất trên cơ sở chuyển đổi diện tích rừng tự nhiên phòng hộ, rừng trồng phòng hộ, đất khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ tại những khu vực ít xung yếu thành các loại rừng sản xuất.

- Rừng phòng hộ: Ưu tiên xây dựng hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn. Phát triển hệ thống rừng phòng hộ kết hợp với rừng sản xuất trên các công trình thủy lợi và thủy điện; đẩy mạnh xây dựng hệ thống rừng môi trường - phong cảnh hợp lý tại các khu đô thị, khu du lịch,...

- Rừng đặc dụng: Bảo tồn diện tích đất rừng phòng hộ, trong thời gian tới không chuyển mục đích đất rừng đặc dụng tự nhiên sang mục đích khác.

### **1.3.1.4. Đất nuôi trồng thủy sản**

Do diện tích chuyên nuôi trồng thủy sản của Hàm Yên không nhiều nên dự báo trong tương lai diện tích loại đất này tăng chậm. Tuy nhiên, nếu khai thác tiềm năng diện tích mặt nước tại các hồ chứa của các công trình thủy lợi, thủy điện Hàm Yên để phát triển nuôi cá, đặc biệt là cá chiên, đây là một trong những thế mạnh của huyện.

### **1.3.1.5. Đất nông nghiệp khác còn lại**

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của huyện trong thời gian tới, định hướng sẽ chuyển đổi một phần diện tích đất trồng cây hàng năm có khả năng đảm bảo đủ nước sang đất trồng lúa để nâng cao hiệu quả sản xuất.

Chuyển đổi đất trồng cây hàng năm khác sang đất phi nông nghiệp để phục vụ cho việc phát triển cơ sở vật chất hạ tầng. Đồng thời, phát triển đất nông nghiệp còn lại bằng cách khai thác các quỹ đất chưa sử dụng đưa vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu giữa các loại cây trồng và thâm canh tăng vụ...

Định hướng trong kỳ quy hoạch sẽ xây dựng một số trang trại, khu chăn nuôi tập trung áp dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật để phát triển được thế mạnh nông nghiệp của huyện Hàm Yên.

### **1.3.2. Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp**

#### **1.3.2.1. Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Trong giai đoạn tới, cải tạo nâng cấp hệ thống công trình trụ sở cơ quan phục vụ tại thị trấn Tân Yên và phục vụ toàn huyện. Nâng cấp trụ sở các xã và trụ sở thị trấn Phù Lưu, Thái Sơn là 2 xã hiện hữu nâng cấp lên thị trấn.

#### **1.3.2.2. Đất quốc phòng**

Nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo tốt công tác quốc phòng, xây dựng thế trận khu vực phòng thủ trên toàn huyện, trong đó chú trọng các xã đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ vững chắc chủ quyền của Tổ quốc. Trong những năm tới đất quốc phòng cần bổ sung thêm để xây dựng các công trình phòng thủ, khu căn cứ chiến đấu, thao trường huấn luyện của Ban chỉ huy quân sự huyện, các xã, thị trấn; đồng thời xây dựng các đồn, các trạm kiểm soát trên địa bàn huyện. Bên cạnh đó, phải đảm bảo sử dụng hợp lý tài nguyên đất, trong giai đoạn quy hoạch sẽ hình thành các cụm thao trường huấn luyện, tập trung tại các xã Bình Xa, Thái Sơn, Yên Lâm, Hùng Đức và Minh Khương với hình thức sử dụng mục đích kết hợp.

#### **1.3.2.3. Đất an ninh**

Nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo tốt công tác an ninh và trật tự xã hội, đặc biệt là tại các đô thị, các khu du lịch,... đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa an ninh và trật tự xã hội với xây dựng chính quyền cơ sở của huyện vững mạnh, giảm các tệ nạn xã hội,... trong thời gian tới cần tiếp tục xây dựng trụ sở các khối, phòng, ban của công an huyện, trụ sở công an các xã, trạm công an tại các khu du lịch,... trên địa bàn huyện.

#### **1.3.2.4. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Hoàn thành hệ thống thương mại trên địa bàn huyện, đặc biệt chú trọng tới phát triển các trung tâm thương mại, khu đón tiếp khách du lịch, phát triển các chợ đầu mối để thu mua nông sản của nông dân, nâng cao mức sống của người dân trong và khu vực ngoại thị. Do đó, trong thời gian tới cần bố trí quỹ đất để xây dựng nhà máy chế biến nông lâm sản, các hợp tác xã, trung tâm thương mại, dịch vụ, xây dựng một số siêu thị có quy mô lớn trên địa bàn huyện.

### **1.3.2.5. Đất cụm công nghiệp**

Trong những năm tới, phương hướng phát triển chung của ngành công nghiệp huyện Hàm Yên là: Khuyến khích mọi thành phần kinh tế và phát huy tiềm năng lao động để đầu tư phát triển cụm công nghiệp; tập trung đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại, đầu tư theo chiều sâu cho việc khai thác nguyên liệu - vật liệu cùng với việc đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp nhằm sản xuất các mặt hàng chủ lực như chế biến chè, chế biến gỗ, sản xuất giày da, khai thác khoáng sản, khai thác đá...; phát triển các ngành sản xuất mới gắn chặt với vùng nguyên liệu.

Tăng cường quảng bá, xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế nhanh chóng lấp đầy các cụm công nghiệp.

### **1.3.2.6. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**

Với mục tiêu tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu sẵn có của huyện để phát triển kinh tế, trong thời gian tới, việc khai thác nguồn nguyên liệu cho phát triển sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện ngày càng tăng, chủ yếu là khai thác đá xây dựng, cát, sỏi và các mỏ đá tập trung tại khu vực các xã Thành Long, xã Đức Ninh; xây dựng khu sản xuất gạch ép không nung tại xã Thái Sơn,..

### **1.3.2.7. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản**

Là một huyện có nhiều tiềm năng về khoáng sản, do đó giai đoạn tới chủ yếu phát triển khu khai thác các mỏ quặng sắt, mỏ Kaolanh, tập trung tại các xã Tân Thành, Thái Sơn, Phù Lưu, Hùng Đức và Thành Long.

### **1.3.2.8. Đất thương mại, dịch vụ**

Xây dựng trung tâm thương mại, chợ đầu mối tại thị trấn Tân Yên, đây là điểm giao thương hoạt động thương mại của huyện; bên cạnh đó xây dựng trung tâm thương mại tại đô thị Phù Lưu, Thái Sơn, nâng cấp cải tạo các chợ xã. Đảm bảo phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia cùng các hoạt động phát triển sản xuất, kinh doanh. Hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở kỹ thuật phục vụ thương mại trên địa bàn huyện, theo hướng kết hợp giữa phát triển thương mại tại khu vực đô thị với phát triển thị trường nông thôn, phát triển các chợ đầu mối để thu mua sản phẩm của người nông dân, tạo thuận lợi cho phát triển trung tâm thương mại tại các đô thị. Hình thành các cụm thương mại - dịch vụ tại khu vực có vị trí trao đổi, giao thương thuận lợi, có thể kết nối với các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung hoặc gắn với các cụm công nghiệp.

### **1.3.2.9. Đất có di tích lịch sử - văn hóa**

Giữ gìn, phát triển và trùng tu, bảo vệ các khu di tích danh thắng. Trong thời gian tới cần đầu tư xây dựng và mở rộng các khu di tích kết hợp với tham quan du lịch sinh thái.

### **1.3.2.10. Đất bãi thải, xử lý chất thải**

Quá trình phát triển tất yếu sẽ kéo theo các vấn đề môi trường như chất thải phát sinh (rác thải, nước thải, khí thải) gây ô nhiễm, suy thoái. Để hạn chế nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, cần thiết phải bố trí xây dựng các khu, trạm xử lý chất thải, nước thải tại nguồn phát sinh (chủ yếu là các khu sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản), bãi chôn lấp rác thải ở tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Cụ thể như sau:

- Thoát nước thải đô thị:

Đối với đô thị Tân Yên, đô thị Phù Lưu, đô thị Thái Sơn, xây dựng hệ thống thoát nước riêng, có các trạm xử lý nước thải riêng biệt.

+ Thị trấn Tân Yên: Xây dựng 1 trạm XLNT,

+ Đô thị Phù Lưu: Xây dựng 1 trạm XLNT,

+ Đô thị Thái Sơn: Xây dựng 1 trạm XLNT.

- Thoát nước thải nông thôn:

Trung tâm các xã, cụm dân cư tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung của nước mưa và nước thải. Tận dụng các ao, hồ sẵn có trong khu vực làng xã để làm sạch tự nhiên.

- Nước thải công nghiệp:

Nước thải công nghiệp tập trung thu gom bằng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra môi trường.

- Quản lý chất thải rắn(CTR):

+ Đối với CTR sinh hoạt: Khu xử lý CTR Minh Dân quy mô 5,0 ha, phục vụ thị trấn Tân Yên và các xã lân cận phía bắc huyện. Khu xử lý CTR Thái Sơn, quy mô 10,0 ha, phục vụ cụm các xã phía nam huyện Hàm Yên.

### **1.3.2.11. Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng**

Tôn giáo, tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, là sự tôn trọng thực tế khách quan và trách nhiệm đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, hoạt động theo khuôn khổ pháp luật. Trong giai đoạn đến năm 2030, không quy hoạch mở rộng đất tôn giáo (trừ những di tích đã được xếp hạng).

### **1.3.2.12. Đất nghĩa trang, nghĩa địa**

Định hướng sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa phải đảm bảo tiêu chí huyện Hàm Yên đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025. Bố trí nghĩa trang, nghĩa địa cách xa khu dân cư, không ảnh hưởng đến vệ sinh nguồn nước, phù hợp với phong tục tập quán của người dân, phù hợp với cảnh quan và bảo vệ môi trường. Thị trấn Tân Yên, đô thị Phù Lưu, đô thị Thái Sơn quy hoạch các nghĩa trang tập trung, đóng cửa các nghĩa trang nhỏ lẻ. Các xã nông thôn tiếp tục an táng tại các nghĩa địa ở các thôn, từng bước đóng cửa các nghĩa địa nhỏ lẻ và tiến tới mỗi xã có 2 đến 3 nghĩa trang tập trung (trừ các xã có địa hình phức tạp).

### **1.3.2.13. Đất sông suối, mặt nước chuyên dùng**

Hướng sử dụng đất mặt nước chuyên dùng là sẽ kết hợp mục đích làm hồ chứa thủy lợi và thủy điện với nuôi trồng thủy sản ở những địa bàn thuận lợi nhưng phải quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó phải nâng cấp, tu sửa các hệ thống kênh, mương thủy lợi để đảm bảo nguồn nước sinh hoạt và tưới tiêu trên địa bàn toàn huyện.

### **1.3.2.12. Đất phát triển hạ tầng**

+ *Đất giao thông:*

\* Quy hoạch hệ thống đường bộ:

- Giao thông đối ngoại:

+ Quốc lộ: Bao gồm các tuyến Quốc lộ 2, Quốc lộ 37B (dự kiến quy hoạch), Quốc lộ 3B, nâng cấp và cải tạo đường tỉnh lộ 189. Đặc biệt là xây dựng tuyến đường từ Trung tâm thành phố Tuyên Quang đến km31, đường Tuyên Quang - Hà Giang.

- Giao thông đối nội:+

+ Đường huyện: Bao gồm 33 tuyến, với tổng chiều dài 272,79 km. Quy hoạch các tuyến đường huyện đạt chuẩn cấp V miền núi. Đoạn qua đô thị, thị trấn tuân thủ theo quy hoạch đô thị, quy hoạch thị trấn.

+ Đường xã, đường trục chính nội đồng: Quy hoạch các tuyến đường xã, trục chính nội đồng đạt chuẩn giao thông nông thôn loại A. Đến năm 2030, 100% cứng hóa đường giao thông nông thôn.

\* Bến xe khách: Tuân thủ theo Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 21/5/2010 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch xây dựng bến xe, điểm đỗ và trạm nghỉ ô tô khách trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020. Quy hoạch 03 bến xe, bao gồm:

- Bến xe thị trấn Tân Yên: Vị trí phía Nam thị trấn thuộc tổ nhân dân Tân Bình, hướng Tuyên Quang - Hà Giang, bến xe đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV, diện tích 4 ha. Chuyển đổi bến xe cũ hiện nay thành khu dân cư thương mại dịch vụ.

- Bến xe xã Minh Hương: Bến xe loại VI, diện tích tối thiểu 500m<sup>2</sup>.

- Bến xe xã Yên Thuận: Bến xe loại VI, diện tích tối thiểu 500m<sup>2</sup>.

\* Quy hoạch xây dựng cầu Bạch Xa (Km71) phục vụ giao lưu hàng hóa cho các xã Minh Khương, Bạch Xa, Yên Thuận và kết nối tiểu vùng sang xã Yên Lâm.

\* Quy hoạch giao thông đường thủy: Với dòng sông Lô chảy xuyên suốt huyện Hàm Yên đã tạo nên tuyến đường thủy có chiều dài khoảng 62 km. Rất thích hợp để quy hoạch một số điểm bến đò qua sông cho người dân. Tuy nhiên do đặc điểm địa hình miền núi nên sông có nhiều đoạn cong, có đá ngầm vì vậy cần phải đảm bảo an toàn cho các phương tiện tàu, thuyền khi đi lại trên sông.

#### + Đất thủy lợi

Để đảm bảo phát triển nông nghiệp, bên cạnh việc đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh mương hiện có, cần xây dựng các đập tạo điều kiện phát triển các vùng chuyên canh lúa, rau màu, các vùng chuyển đổi tập trung, thâm canh đa dạng hoá cây trồng, sử dụng giống mới có giá trị cao, củng cố kè chống lũ hàng năm đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ, xây dựng bể nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của nhân dân.

#### + Đất năng lượng

Do lợi thế về đặc điểm tự nhiên, địa hình, bố trí nguồn nước, Hàm Yên có nhiều tiềm năng để phát triển ngành công nghiệp năng lượng. Dự kiến trong những năm tới, huyện sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình năng lượng như sau:

- Toàn huyện sử dụng điện từ nguồn lưới điện quốc gia thông qua hệ thống lưới truyền tải 110 KV trực tiếp từ trạm 110 KV Hàm Yên.

- Huyện Hàm Yên vẫn tiếp tục khai thác Nhà máy Thủy điện:

+ Thủy điện Sông Lô 7 thuộc Xã Yên Phú, Minh Dân, huyện Hàm Yên với công suất 36.0 MW.

+ Thủy điện Sông Lô 8A thuộc Xã Tân Thành, huyện Hàm Yên (công suất 27.0 MW).

+ Thủy điện Sông Lô 6 tại xã Yên Thuận, thủy điện Sông Lô 8B tại xã Thái Hòa, Đức Ninh.

+ Nhà máy điện sinh khối Mía đường Tuyên Quang (công suất 25 MW) hòa lưới 110 KV quốc gia.

#### + Đất công trình bưu chính, viễn thông

- Xu hướng phát triển Viễn thông của huyện phải đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác. Hệ thống công nghệ, hạ tầng, mật độ thuê bao... phù hợp với



sự phát triển chung của tỉnh Tuyên Quang nói chung và riêng huyện Hàm Yên nói riêng.

Về công nghệ: Công nghệ viễn thông đang phát triển theo tiến bộ mới, cho phép nhà cung cấp dịch vụ nâng cao chất lượng dịch vụ. Mạng điện thoại dịch vụ công cộng và mạng số liệu sẽ phát triển hội tụ về mạng thế hệ sau. Chuyên mạch sẽ được sử dụng rộng rãi đến tận thuê bao.

*+ Đất cơ sở văn hoá*

Xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống các cơ sở, công trình văn hoá, thông tin ở cấp xã đến năm 2025 theo đúng tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Dự kiến trong những năm tới mở rộng, xây dựng các công trình văn hoá như: Hệ thống nhà văn hoá xã, nhà văn hóa thôn, bản, nhà sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi giải trí, khu công viên cây xanh, rạp chiếu bóng, trung tâm văn hóa thể thao huyện...

*+ Đất cơ sở y tế*

Nâng cấp, cải tạo Trung tâm y tế huyện, bên cạnh đó cũng cần phải cải tạo, nâng cấp trạm y tế thị trấn, xã. Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế của huyện theo hướng hiện đại hoá, nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế; bảo đảm tính công bằng và hiệu quả trong cung cấp và sử dụng các dịch vụ y tế. Tập trung nâng cấp, xây dựng, đầu tư trang thiết bị cho hệ thống y tế dự phòng.

*+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*

Phát triển toàn diện Giáo dục và Đào tạo, coi giáo dục là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu và phải đi trước một bước, nhằm nâng cao dân trí cho toàn dân, đào tạo lao động có trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trong giai đoạn tới, quan điểm và định hướng quy hoạch tới năm 2030 đối với đất quy hoạch Giáo dục và Đào tạo tại huyện Hàm Yên, đảm bảo đa dạng hoá các hình thức giáo dục đào tạo, hình thành một mạng lưới giáo dục đào tạo hợp lý; Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hệ thống trường học các cấp, đáp ứng nhu cầu dạy và học; Đạt chuẩn về diện tích đất theo quy định của trường chuẩn quốc gia; Đủ diện tích đất để xây dựng bổ sung phòng nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em (phòng học) nhằm tiếp tục thực hiện việc dồn ghép các điểm trường mầm non có điều kiện thuận lợi về giao thông và khoảng cách đi lại; Củng cố hoàn thiện mạng lưới trường học hiện có, đáp ứng việc sáp nhập những trường tiểu học, THCS có quy mô chưa đảm bảo quy định tối thiểu về số lớp, quy mô trường mới sau sáp nhập không quá 45 lớp; Tại trường chính của trường tiểu học có đủ diện tích đất để xây dựng phòng học, phòng học bộ môn, và các phòng chức năng khác khi thực hiện việc đưa toàn bộ học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 từ điểm trường lẻ về điểm trường chính; Đầu tư xây dựng thêm trường mới, đặc biệt là mở rộng điểm trường PTDTNT THCS-THPT của huyện, nhà bán nội trú, nhà ở công vụ,... tạo điều kiện cho việc dạy và học

của giáo viên, học sinh. Trong giai đoạn tới, tiếp tục xây dựng 22 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng số trường chuẩn quốc gia đến năm 2025 lên 54/66 đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 81,8%, bên cạnh đó duy trì và nâng cao chất lượng của 32 trường đã đạt chuẩn.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*

Xây dựng các công trình thể dục thể thao cấp huyện tại khu trung tâm hành chính huyện Hàm Yên như nhà thi đấu, bể bơi, sân vận động... để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của người dân. Xây dựng sân bóng đá kết hợp với các môn thể thao khác cho 100% các xã, thị trấn. Xây dựng thiết chế Trung tâm văn hóa - thể thao xã, thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới.

+ *Đất chợ*

Chợ là đầu mối lưu thông, tiêu thụ hàng hóa và sản phẩm sản xuất của nhân dân trên địa bàn huyện, tuy nhiên, số lượng cũng như tình trạng hoạt động của các chợ hiện chưa có đủ đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Trong thời gian tới, khi nền kinh tế phát triển, sản xuất tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa dẫn đến nhu cầu giao lưu trao đổi hàng hóa ngày càng tăng, kéo theo sự phát triển của các hoạt động dịch vụ. Do đó, việc quy hoạch xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hệ thống chợ trên địa bàn các xã, thị trấn là rất cần thiết.

**1.3.2.12. Đất phi nông nghiệp còn lại**

Trong giai đoạn tới, huyện có chủ trương mở rộng các khu dân cư mới, kết hợp hài hòa với việc phát triển các cụm, điểm tiểu thủ công nghiệp, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ... nhằm đảm bảo nhu cầu phát triển dân số và nâng cao đời sống cho người dân.

**1.3.2.13. Đất ở tại đô thị**

Mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn huyện sẽ hình thành 03 đô thị bao gồm: Thị trấn Tân Yên đạt chuẩn đô thị loại IV và 02 đô thị loại V là trung tâm xã Thái Sơn và trung tâm xã Phù Lưu. Dựa vào mục tiêu phát triển đô thị của huyện Hàm Yên, dự báo quy mô dân số đến năm 2025 của thị trấn Hàm Yên khoảng 12.009 người, xã Phù Lưu khoảng 10.682 người, xã Thái Sơn khoảng 7.769 người. Bình quân diện tích đất ở trên đầu người đến năm 2025 đối với thị trấn Hàm Yên là 105,23 m<sup>2</sup> /người, xã Phù Lưu là 100,55 m<sup>2</sup> /người, xã Thái Sơn là 129,46 m<sup>2</sup> /người. Do đó, để đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn tới, cần phải bổ sung nguồn đất ở để phù hợp sự phát triển của con người. Tuy nhiên, về quy mô dân số vẫn chưa đảm bảo theo tiêu chí phân loại đô thị được quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **1.3.2.14. Đất khu vui chơi, giải trí**

Cùng với sự phát triển của toàn huyện và đặc biệt là hoàn thành mục tiêu huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025, ngoài nâng cấp, xây dựng cơ sở hạ tầng phải đi kèm với quy hoạch khuôn viên cảnh quan cây xanh, khu vui chơi để đáp ứng đầy đủ các hạng mục. Dự kiến trong kì quy hoạch sẽ trích một phần đất nông nghiệp để phục vụ vào loại đất này.

### **1.3.3. Định hướng đất chưa sử dụng**

Khai thác hiệu quả quỹ đất chưa sử dụng, tận dụng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sản xuất nông nghiệp, trồng rừng và phát triển hạ tầng... Đến năm 2030, diện tích đất chưa sử dụng chưa được khai thác, chủ yếu là núi đá không có rừng cây và các núi đá vôi, trong giai đoạn tới dự kiến sẽ chuyển sang phục vụ cho nhu cầu sử dụng và khai thác nguồn tài nguyên.

### **1.3.4. Định hướng phát triển theo lãnh thổ**

#### **1.3.4.1. Định hướng phát triển đô thị và đất khu dân cư nông thôn**

##### *a) Định hướng phát triển đô thị*

Thị trấn Tân Yên: Trung tâm hành chính chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục đào tạo, chuyên giao khoa học công nghệ, thương mại dịch vụ của huyện Hàm Yên. Đến năm 2025, thị trấn Tân Yên dự kiến trở thành đô thị loại IV. Hướng phát triển đô thị mở rộng và khai thác quỹ đất về phía tây suối ngòi Mực, phía Nam đến khu tổ dân phố Ba Trăng và phía đông tổ dân phố Đồng Bàng của thị trấn, phía Đông Bắc sang thôn 1, 2, 3 Tân Yên xã Tân Thành, đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài và gia tăng dân số (dự báo quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 12.687 người, đến năm 2050 khoảng 15.406 người).

Đô thị Phù Lưu: Là đô thị thương mại dịch vụ, du lịch nông lâm nghiệp phía bắc của huyện. Đô thị Phù Lưu là đô thị mới phát triển, đô thị loại V, hình thành trên cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của xã Phù Lưu hiện nay. Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại V. Giai đoạn đến năm 2050, tiếp tục nâng cấp, mở rộng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ đô thị. Xây dựng các khu chức năng của đô thị phát triển gắn với với trục không gian chính của đô thị. Bố trí các không gian cây xanh cảnh quan gắn với các khu chức năng của đô thị, xây dựng và bảo vệ vùng sinh thái rừng. (Dự báo quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 11.286 người đến năm 2050 khoảng 13.705 người).

Đô thị Thái Sơn: Là đô thị thương mại dịch vụ tổng hợp, dịch vụ công nghiệp phía nam của huyện. Đô thị Thái Sơn là đô thị mới phát triển, đô thị loại V, hình thành trên cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của xã Thái Sơn hiện

nay. Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại V. Giai đoạn đến năm 2050, tiếp tục nâng cấp, mở rộng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ đô thị. (Dự báo quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 8.208 người, đến năm 2050 khoảng 9.967 người).

#### *b) Định hướng đất khu dân cư nông thôn*

Đối với các vùng nông thôn, động lực chủ yếu để phát triển các khu dân cư nông thôn là phát triển tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp, xây dựng các trung tâm xã - các điểm dân cư nông thôn để khai thác các tiềm năng sẵn có, tạo động lực mới làm điểm tựa phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực xã hội cho khu vực nông thôn.

Hướng phát triển dân cư nông thôn theo chương trình phát triển nông thôn mới với mục tiêu chung là xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước hiện đại với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch, xã hội ổn định, môi trường sinh thái được bảo vệ an ninh trật tự được giữ vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

#### **1.3.4.2. Định hướng phát triển tiểu vùng**

\*Tiểu vùng 1: Tiểu vùng nông lâm nghiệp (phía bắc).

Gồm các xã: Xã Phù Lưu, xã Yên Thuận, xã Bạch Xa, xã Minh Khương, xã Minh Dân, xã Yên Lâm. Quy mô diện tích của vùng khoảng 37.870 ha chiếm 41,7% tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện. Quy mô dân số tiểu vùng đến năm 2030 khoảng 35.540 người và đến năm 2050 là 45.060 người.

Định hướng phát triển: Phát triển nông nghiệp, năng suất cao, dịch vụ thương mại nông lâm nghiệp, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch trải nghiệm nông nghiệp;

Trung tâm tiểu vùng là đô thị Phù Lưu (dự kiến hình thành mới). Định hướng phát triển trung tâm xã Phù Lưu lên đô thị loại V, được quy hoạch xây dựng đầy đủ các công trình chức năng của đô thị.

\*Tiểu vùng 2: Tiểu vùng kinh tế động lực (trung tâm).

Gồm các xã, thị trấn: TT.Tân Yên, xã Yên Phú, xã Tân Thành, xã Minh Hương, xã Nhân Mục, xã Bằng Cốc. Quy mô diện tích của vùng khoảng 28.410 ha chiếm 31,5% tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện. Quy mô dân số tiểu vùng đến năm 2030 khoảng 55,470 người và đến năm 2050 khoảng 73.030 người.

Định hướng phát triển: Trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục đào tạo, chuyển giao công nghệ, thương mại dịch vụ, công nghiệp.

Thị trấn Tân Yên là trung tâm tiểu vùng và trung tâm huyện. Định hướng phát triển lên đô thị loại IV.

\*Tiểu vùng 3: Tiểu vùng dịch vụ tổng hợp, công nghiệp (phía nam).

Gồm các xã: Xã Thái Sơn, xã Bình Xa, xã Thành Long, xã Thái Hòa, xã Đức Ninh, xã Hùng Đức. Quy mô diện tích của vùng khoảng 24.250 ha chiếm 26,9% tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện. Quy mô dân số tiểu vùng đến năm 2030 khoảng 49.270 người và đến năm 2050 khoảng 62.110 người.

Định hướng phát triển: Phát triển dịch vụ thương mại tổng hợp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp. Trung tâm tiểu vùng là đô thị Thái Sơn (dự kiến hình thành). Định hướng phát triển trung tâm xã Thái Sơn lên đô thị loại V, được quy hoạch xây dựng đầy đủ các công trình chức năng của đô thị.

## **II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội**

#### **2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

- Thu nhập bình quân đầu người trên 55 triệu đồng/người/năm.
- Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá trị so sánh năm 2010) trên 3.100 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá trị so sánh năm 2010) trên 1.830 tỷ đồng.
- 17/17 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- Tỷ lệ đô thị hóa 16%.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên 155 tỷ đồng.
- Khách du lịch trên 115.000 lượt người.
- Về môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng trên 57%; có 99% hộ dân thành thị được sử dụng nước sạch, 98% số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% chất thải nguy hại, chất thải y tế, 88% chất thải rắn thông thường được xử lý.
- Duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học từ mức độ 2 trở lên, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, có 80% số trường học đạt chuẩn Quốc gia.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 72%, trong đó qua đào tạo nghề 50%.
- 92% hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa; 87% thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hoá; 92% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.
- 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia y tế xã.

- Trong 5 năm giải quyết việc làm cho 15.500 lao động.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm 3%.

## **2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế**

### **2.1.2.1. Khu vực kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản**

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung và nâng cao hiệu quả kinh tế. Tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành phù hợp yêu cầu phát triển đô thị theo hướng nông nghiệp sạch, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái gắn với phát triển du lịch; gắn sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phân đầu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản thời kỳ 2021 - 2025 tăng 6,32%.

Phát triển mạnh kinh tế tổng hợp theo hướng trang trại, kết hợp trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao như: Cam, bưởi, chanh, thanh long, chè (chè Bạch Xa, chè xanh Làng Bát), rau sạch. Thực hiện có hiệu quả đề án thực phẩm an toàn và hình thành hợp tác xã rau xanh, rau sạch và hợp tác xã rau quả an toàn ở Đức Ninh và Thành Long. Phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả chăn nuôi gia súc, gia cầm, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Khuyến khích đầu tư phát triển chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp, bán công nghiệp, nuôi tập trung theo mô hình trang trại, hợp tác xã có quy mô hợp lý, điển hình như: Minh Dân (chăn nuôi gà thả vườn), Minh Hương (vịt bầu), Thái Hòa (cá chiên đặc sản), Thái Sơn (thịt trâu, thịt bò sạch).

### **2.1.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**

Đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; gắn phát triển công nghiệp với bảo vệ môi trường, cảnh quan đô thị. Tập trung đầu tư đổi mới thiết bị, chuyển giao khoa học - công nghệ; ưu tiên phát triển các ngành công nghệ cao, tiên tiến, công nghệ sạch, các ngành và sản phẩm có lợi thế như chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử, hóa chất. Phân đầu tốc độ phát triển ngành công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 đạt 8,27%.

Chú trọng đổi mới công nghệ, đầu tư nâng cấp mở rộng các nhà máy hiện có, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp chế biến như chế biến lâm sản, may mặc (Thái Sơn), chế biến thực phẩm, công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu, công nghiệp đồ nội thất, chế biến lương thực, ... phù hợp với lợi thế của địa bàn, kết hợp phát triển hài hòa với ngành dịch vụ, đặc biệt là du lịch sinh thái.

Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các cơ sở công nghiệp nhỏ và vừa, khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống ở các địa phương, chú trọng sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, mộc cao cấp. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; gắn phát triển TTCN với xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường thu hút mọi điều kiện để đầu tư vào các cụm công nghiệp; từng bước quy hoạch, xây dựng, nâng cao cơ sở hạ tầng. Trong thời gian tới khi điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng TT Tân Yên, cụm CN Tân Thành sẽ nằm trong TT Tân Yên, do vậy khả năng giải phóng mặt bằng tại cụm CN Tân Thành sẽ gặp nhiều khó khăn do giá đất đền bù cao. Vì vậy huyện đã định hướng quy hoạch mở mới một cụm công nghiệp về phía Nam huyện, thuộc địa bàn xã Đức Ninh với diện tích 50 ha. Trong tương lai sẽ thay thế cụm CN Tân Thành để phát triển công nghiệp của huyện Hàm Yên.

### **2.1.2.3. Khu vực kinh tế thương mại, dịch vụ, du lịch**

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển và mở rộng mạng lưới thương mại, dịch vụ, xây dựng các siêu thị, trung tâm thương mại, nâng cấp các chợ. Đến năm 2030, hoàn thiện và nâng cấp số chợ đạt tiêu chuẩn loại 1; loại 2 trên toàn huyện.

Tạo bước chuyển biến mạnh cho khu vực dịch vụ, ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng lớn và sức cạnh tranh cao. Khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hoá, lịch sử để đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện, xây dựng Hàm Yên trở thành trung tâm du lịch sinh thái chất lượng cao của vùng vào năm 2030 kết hợp với các tuyến du lịch khác trên địa bàn tỉnh.

Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành dịch vụ giai đoạn 2021- 2025 đạt bình quân 1,52%, giai đoạn 2026 - 2030 đạt bình quân 1,5%.

Phát triển du lịch sinh thái như khu du lịch Nam Phong, hồ Khôn là điểm nhấn của huyện, bên cạnh đó kết hợp với các tuyến du lịch tham quan di tích lịch sử, điểm dừng chân của du khách tại Động Tiên, Thác Lăn, khu du lịch thôn Cao Đường, rừng đặc dụng Cham Chu,... Không chỉ có du lịch sinh thái, Hàm Yên còn có khả năng phát triển du lịch tâm linh với nhiều đình và đền nổi tiếng trong và ngoài khu vực, có thể kể đến như đền Thác Cái (Yên Phú), đền Bắc Mực, đình Thác Cắm (TT Tân Yên).

Phát triển mạng lưới bưu chính viễn thông ngày một hiện đại đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Phát triển các hoạt động tài chính, tín dụng gắn với chuyển dịch cơ cấu trên địa bàn.

## **2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng**

### **2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ QHSD đất của cấp tỉnh**

Phương án QHSD đất của huyện Hàm Yên được xây dựng khi chưa có chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ từ quy hoạch tỉnh, vì vậy khi lập xong phương án quy hoạch nếu số liệu chưa phù hợp với chỉ tiêu phân bổ sẽ tiến hành điều chỉnh, khi có số liệu phân bổ từ quy hoạch tỉnh được duyệt.

### 2.2.2 Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong Phương án QHSD đất được xác định trên cơ sở:

- Mục tiêu xây dựng thị trấn Tân Yên đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025 và đạt huyện Hàm Yên đạt chuẩn Nông thôn mới vào năm 2025;
- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 và Kết quả thực hiện QHSD đất kỳ trước (2011-2020);
- Căn cứ định mức sử dụng đất của các ngành theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công An;
- Căn cứ dự báo dân số toàn huyện và dân số đô thị đến năm 2030;

**Bảng 04: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất mở rộng thêm của các ngành, lĩnh vực trong phương án QHSD đất đến năm 2030**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích tăng (+), giảm (-) (ha)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	
1.1	Đất nông nghiệp khác	NKH	50,00
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	51,80
2.2	Đất an ninh	CAN	1,97
2.3	Đất cụm cụm nghiệp	SKN	65,11
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	89,06
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	185,20
2.6	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	244,20
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	501,76
2.7.1	Đất giao thông	DGT	314,88
2.7.2	Đất thủy lợi	DTL	19,75
2.7.3	Đất công trình năng lượng	DNL	114,25
2.7.4	Đất CT bưu chính viễn thông	DBV	0,12
2.7.5	Đất cơ sở văn hoá	DVH	3,10
2.7.6	Đất cơ sở y tế	DYT	1,34
2.7.7	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	22,06
2.7.8	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	18,31
2.7.9	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	1,00
2.7.10	Đất chợ	DCH	6,95
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,71
2.9	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL	0,00
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	16,74
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	161,04
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	68,89
2.13	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	TSC	9,27
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,00
2.15	Đất cơ sở tôn giáo	TON	5,36
2.16	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	50,43
2.17	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	123,00
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,70



### 2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện Hàm Yên theo Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Hàm Yên lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025; Tổng hợp nhu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực trong giai đoạn 2021-2030, phương án QHSD đất huyện Hàm Yên xác định như sau:

Tổng địa giới hành chính của huyện không thay đổi và có diện tích là 90.054,59 ha, cụ thể các chỉ tiêu sử dụng đất trong bảng dưới đây:

**Bảng 05: Phương án QHSD đất đến năm 2030 huyện Hàm Yên**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng 2020		Quy hoạch đến năm 2030		
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(3)
<b>I</b>	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>	<b>90.054,59</b>	<b>100,00</b>	<b>90.054,59</b>	<b>100</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>ĐẤT NÔNG NGHIỆP</b>	<b>84.888,72</b>	<b>94,26</b>	<b>83.404,50</b>	<b>92,62</b>	<b>-1.484,22</b>
1.1	Đất trồng lúa	3.836,34	4,26	3.671,43	4,08	-164,91
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>3.145,13</i>	<i>3,49</i>	<i>3.024,87</i>	<i>3,36</i>	<i>-120,26</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	3.224,99	3,58	3.014,92	3,35	-210,07
1.3	Đất trồng cây lâu năm	14.762,75	16,39	15.246,22	16,93	483,46
1.4	Đất rừng phòng hộ	8.794,18	9,77	8.788,25	9,76	-5,93
1.5	Đất rừng đặc dụng	5.559,73	6,17	5.559,06	6,17	-0,67
1.6	Đất rừng sản xuất	47.938,42	53,23	46.324,04	51,44	-1.614,38
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	752,95	0,84	731,22	0,81	-21,73
1.8	Đất nông nghiệp khác	19,36	0,02	69,36	0,08	50,00
<b>2</b>	<b>ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP</b>	<b>4.717,79</b>	<b>5,24</b>	<b>6.251,46</b>	<b>6,94</b>	<b>1.533,67</b>
2.1	Đất quốc phòng	5,98	0,01	57,78	0,06	51,80
2.2	Đất an ninh	2,00	0,00	3,97	0,00	1,97
2.3	Đất khu công nghiệp	-	-	-	-	-
2.4	Đất khu chế xuất	-	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	14,89	0,02	80	0,09	65,11
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	16,24	0,02	105,07	0,12	88,83
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	25,35	0,03	206,85	0,23	181,50
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	247,43	0,27	473,63	0,53	226,20
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1.533,15	1,70	2.024,87	2,25	491,72
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>985,79</i>	<i>1,09</i>	<i>1.298,46</i>	<i>1,44</i>	<i>312,67</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>293,83</i>	<i>0,33</i>	<i>312,68</i>	<i>0,35</i>	<i>18,85</i>
2.9.3	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>107,47</i>	<i>0,12</i>	<i>221,715</i>	<i>0,25</i>	<i>114,25</i>
2.9.4	<i>Đất CT bưu chính viễn thông</i>	<i>0,59</i>	<i>0,00</i>	<i>0,66</i>	<i>0,00</i>	<i>0,07</i>
2.9.5	<i>Đất cơ sở văn hoá</i>	<i>28,75</i>	<i>0,03</i>	<i>31,5</i>	<i>0,03</i>	<i>2,75</i>
2.9.6	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>7,46</i>	<i>0,01</i>	<i>8,48</i>	<i>0,01</i>	<i>1,02</i>
2.9.7	<i>Đất cơ sở giáo dục - Đào tạo</i>	<i>70,87</i>	<i>0,08</i>	<i>88,45</i>	<i>0,10</i>	<i>17,58</i>
2.9.8	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>26,96</i>	<i>0,03</i>	<i>44,79</i>	<i>0,05</i>	<i>17,83</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng 2020		Quy hoạch đến năm 2030		
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-)
2.9.9	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-
2.9.10	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	-	-	1	0,00	1,00
2.9.11	Đất chợ	11,43	0,01	17,13	0,02	5,70
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	3,92	0,00	12,63	0,01	8,71
2.11	Đất có di tích, danh thắng	-	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	2,26	0,00	19	0,02	16,74
2.13	Đất ở tại nông thôn	1.056,55	1,17	1.211,81	1,35	155,26
2.14	Đất ở tại đô thị	52,20	0,06	119,37	0,13	67,17
2.15	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	18,99	0,02	24,61	0,03	5,62
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,26	0,00	0,26	0,00	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	1,93	0,00	7,29	0,01	5,36
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	146,50	0,16	190,63	0,21	44,13
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gồm sỏi	31,61	0,04	154,61	0,17	123,00
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	-	-	-	-	-
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,38	0,00	8,08	0,01	7,70
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	1,64	0,00	1,64	0,00	0,00
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.556,51	1,73	1.549,36	1,72	-7,15
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	-	-	-	-	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG</b>	<b>448,08</b>	<b>0,50</b>	<b>398,64</b>	<b>0,44</b>	<b>-49,44</b>

### 2.2.3.1. Đất nông nghiệp

Đến năm 2030, huyện Hàm Yên có 83.404,50 ha đất nông nghiệp, giảm 1.484,22 ha so với năm 2020 do chuyển sang mục đích phi nông nghiệp. Cụ thể, chuyển sang các loại đất:

- Đất quốc phòng: 48,90 ha.
- Đất an ninh: 0,36 ha.
- Đất cụm công nghiệp: 63,35 ha.
- Đất thương mại, dịch vụ : 82,67 ha.
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 175,64 ha.
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 205,82 ha.
- Đất phát triển hạ tầng: 487,12 ha. Trong đó:
  - + Đất cơ sở văn hóa: 1,34 ha.
  - + Đất cơ sở y tế: 1,34 ha.
  - + Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 21,48 ha.

- + Đất cơ sở thể dục thể thao: 17,25 ha.
- + Đất giao thông: 309,07 ha.
- + Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,09 ha.
- + Đất thủy lợi: 17,09 ha.
- + Đất công trình năng lượng: 112,06 ha.
- + Đất cơ sở dịch vụ về xã hội: 1,00 ha.
- + Đất chợ: 6,4 ha.
- Đất di tích, danh thắng: 4,08 ha.
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 16,74 ha.
- Đất ở tại nông thôn: 159,43 ha.
- Đất ở tại đô thị: 65,54 ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 6,09 ha.
- Đất cơ sở tôn giáo: 5,36 ha.
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: 50,43 ha
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ: 123,00 ha.
- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: 7,70 ha.

Trong kỳ quy hoạch, đất nông nghiệp tăng 18,0 ha do đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản chuyển sang đất nông nghiệp khác.

*(Chi tiết chu chuyển các loại đất tại biểu 12/CH)*

Diện tích đất nông nghiệp được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn như sau:

**Bảng: Chỉ tiêu quy hoạch đất nông nghiệp**

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	2.981,54	2.778,24	-203,30
2	Xã Nhân Mục	1.301,95	1.282,68	-19,27
3	Xã Bằng Cốc	2.743,34	2.708,64	-34,70
4	Xã Thành Long	5.027,21	4.774,92	-252,29
5	Xã Bình Xa	2.431,74	2.357,80	-73,94
6	Xã Thái Hoà	3.013,17	2.940,99	-72,18
7	Xã Thái Sơn	3.687,26	3.530,52	-156,74
8	Xã Minh Hương	6.223,03	6.203,05	-19,98
9	Xã Minh Dân	2.999,27	2.972,97	-26,30
10	Xã Minh Khương	2.673,69	2.654,12	-19,57
11	Xã Phù Lưu	8.574,88	8.494,72	-80,16
12	Xã Tân Thành	4.520,59	4.408,17	-112,42

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
13	Xã Yên Thuận	7.202,59	7.111,65	-90,94
14	Xã Bạch Xa	2.196,50	2.160,25	-36,25
15	Xã Yên Lâm	12.662,87	12.634,30	-28,57
16	Xã Yên Phú	8.763,46	8.667,54	-95,92
17	Xã Đức Ninh	1.898,70	1.775,17	-123,53
18	Xã Hùng Đức	5.986,93	5.948,77	-38,16
<b>Toàn huyện</b>		<b>84.888,72</b>	<b>83.429,98</b>	<b>-1.484,22</b>

Chi tiết các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

\* Đất trồng lúa:

Đến năm 2030, đất trồng lúa có diện tích 3.671,43 ha, giảm 164,91 ha so với năm 2020, được phân bổ cho các xã trong kỳ quy hoạch như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	149,47	115,84	-33,63
2	Xã Nhân Mục	182,74	176,66	-6,08
3	Xã Bằng Cốc	151,43	147,05	-4,38
4	Xã Thành Long	269,10	263,89	-5,21
5	Xã Bình Xa	192,75	185,70	-7,05
6	Xã Thái Hoà	234,86	227,41	-7,45
7	Xã Thái Sơn	281,24	265,34	-15,90
8	Xã Minh Hương	381,14	373,87	-7,27
9	Xã Minh Dân	141,76	136,07	-5,69
10	Xã Minh Khương	89,96	87,11	-2,85
11	Xã Phù Lưu	339,01	327,60	-11,41
12	Xã Tân Thành	219,01	215,05	-3,96
13	Xã Yên Thuận	171,82	158,69	-13,13
14	Xã Bạch Xa	123,84	120,16	-3,68
15	Xã Yên Lâm	89,53	87,52	-2,01
16	Xã Yên Phú	213,54	196,43	-17,11
17	Xã Đức Ninh	282,24	271,13	-11,11
18	Xã Hùng Đức	322,90	318,36	-4,54
<b>Toàn huyện</b>		<b>3.836,34</b>	<b>3.673,88</b>	<b>-162,46</b>

Nguyên nhân đất trồng lúa giảm là do chủ yếu chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp phục vụ phát triển kinh tế xã hội như đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (20,80 ha); đất cụm công nghiệp (3,0 ha); đất thương mại dịch vụ (9,47 ha); các công trình giao thông (55,58 ha); các công trình hạ tầng khác; đất ở nông thôn (36,44 ha), bao gồm quy hoạch các khu dân cư và dân cư tự dân; đất ở đô thị (13,70 ha), có thể kể đến như khu dân cư TPD Ba Trắng, khu đô thị

TDP Cầu Mới, khu đô thị TDP Tân Yên, khu đô thị mới huyện Hàm Yên,...; đất khu vui chơi, giải trí (0,7 ha); đất nông nghiệp khác (1,0 ha);.....

(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)

*\* Đất trồng cây hàng năm khác*

Đến năm 2030, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 3.014,92 ha, giảm 210,07 ha so với hiện trạng năm 2020, được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	40,93	3,70	-37,23
2	Xã Nhân Mục	58,02	56,66	-1,36
3	Xã Bằng Cốc	60,03	55,73	-4,30
4	Xã Thành Long	90,60	79,05	-11,55
5	Xã Bình Xá	364,08	339,96	-24,12
6	Xã Thái Hoà	230,77	210,62	-20,15
7	Xã Thái Sơn	179,07	162,36	-16,71
8	Xã Minh Hương	178,78	174,80	-3,98
9	Xã Minh Dân	183,44	181,49	-1,95
10	Xã Minh Khương	199,34	197,62	-1,72
11	Xã Phù Lưu	226,87	215,42	-11,45
12	Xã Tân Thành	511,43	488,32	-23,11
13	Xã Yên Thuận	105,44	87,68	-17,76
14	Xã Bạch Xá	328,05	323,24	-4,81
15	Xã Yên Lâm	80,64	78,28	-2,36
16	Xã Yên Phú	67,98	52,84	-15,14
17	Xã Đức Ninh	57,48	49,41	-8,07
18	Xã Hùng Đức	262,04	257,74	-4,30
<b>Toàn huyện</b>		<b>3.224,99</b>	<b>3.016,85</b>	<b>-210,07</b>

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm do chuyển sang các loại đất: đất quốc phòng (11,0 ha); đất thương mại, dịch vụ (9,55 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (10,44 ha); đất giao thông (48,24 ha); đất thủy lợi (7,16 ha); đất năng lượng (42,31 ha); đất cơ sở thể dục, thể thao (3,90 ha); đất ở nông thôn (31,3 ha); đất ở đô thị (8,35 ha); đất nông nghiệp khác (13,0 ha);.....

(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)

*\* Đất trồng cây lâu năm*

Đến năm 2030, diện tích đất trồng cây lâu năm là 15.246,22 ha, tăng 483,46 ha so với hiện trạng năm 2020, được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	737,13	789,00	51,86

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
2	Xã Nhân Mục	264,51	255,60	-8,91
3	Xã Bằng Cốc	375,68	391,82	16,14
4	Xã Thành Long	419,25	418,37	-0,88
5	Xã Bình Xa	362,99	351,81	-11,18
6	Xã Thái Hoà	702,72	683,71	-19,01
7	Xã Thái Sơn	734,53	696,37	-38,16
8	Xã Minh Hương	506,5	520,73	14,23
9	Xã Minh Dân	820,26	973,75	153,49
10	Xã Minh Khương	956,78	1.082,83	126,05
11	Xã Phù Lưu	2.605,96	2.588,23	-17,73
12	Xã Tân Thành	1.365,89	1.367,73	1,84
13	Xã Yên Thuận	1.266,95	1.418,95	152,00
14	Xã Bạch Xa	568,63	598,56	29,93
15	Xã Yên Lâm	737,91	833,13	95,22
16	Xã Yên Phú	1.231,68	1.227,46	-4,22
17	Xã Đức Ninh	774,33	729,80	-44,53
18	Xã Hùng Đức	331,05	318,37	-12,68
<b>Toàn huyện</b>		<b>14.762,75</b>	<b>15.246,22</b>	<b>483,47</b>

Nguyên nhân tăng do trong kì quy hoạch, một số khoanh rừng sản xuất được chuyển mục đích sang trồng các loại cây lâu năm như cây chè và cây cam, đặc biệt là cam sành, vừa đảm bảo được nguồn đất tự nhiên, vừa phát triển được thế mạnh của huyện, trong đó gồm các xã với mức độ thích nghi tốt như Yên Thuận, Minh Khương, Minh Dân, Phù Lưu,... Ngoài ra, một phần lớn đất cây lâu năm chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp, phục vụ cho các công trình của huyện như đất thương mại dịch vụ, bao gồm khu du lịch sinh thái Hồ Khôn, khu du lịch sinh thái Nam Phong, cửa hàng kinh doanh xăng dầu...; các công trình đường giao thông, các tuyến đường điện, các công trình thủy điện trên toàn địa bàn huyện như: Thủy điện sông Lô 8A, thủy điện sông Lô 6, thủy điện sông Lô 7, chuyển mục đích tự dẫn trong dân và các công trình khu dân cư khác.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm do chuyển sang các loại đất: đất cụm công nghiệp (27,0 ha); đất thương mại, dịch vụ (50,38 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (75,02 ha); đất giao thông (118,98 ha); đất công trình năng lượng (33,80 ha); đất cơ sở giáo dục, đào tạo (10,43 ha); đất ở tại nông thôn (62,81 ha); đất ở đô thị (26,99 ha);.. Bên cạnh đó, trong kỳ quy hoạch diện tích đất trồng cây lâu năm biến động tăng là do đất rừng sản xuất chuyển sang 922,90 ha (quy hoạch vùng chuyên canh cam); đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 10 ha.

*(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)*

\* Đất rừng phòng hộ:

Đến năm 2030, diện tích quy hoạch đất rừng phòng hộ là 8.788,25 ha, giảm 5,93 ha so hiện trạng năm 2020 (8.794,18 ha), được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho 10 xã trên địa bàn huyện có rừng phòng hộ như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	Xã Bằng Cốc	48,74	48,74	0,00
2	Xã Thành Long	298,16	298,16	0,00
3	Xã Bình Xa	160,27	160,27	0,00
4	Xã Minh Hương	1479,40	1479,40	0,00
5	Xã Minh Dân	514,31	514,31	0,00
6	Xã Minh Khương	598,01	598,01	0,00
7	Xã Phù Lưu	988,46	987,50	-0,96
8	Xã Yên Lâm	3100,09	3098,94	-1,15
9	Xã Yên Phú	1098,08	1095,63	-2,45
10	Xã Hùng Đức	508,66	507,29	-1,37
<b>Tổng</b>		<b>8.794,18</b>	<b>8.788,25</b>	<b>-5,93</b>

Diện tích đất rừng phòng hộ giảm trong kỳ quy hoạch do xây dựng và điều chỉnh các tuyến đường giao thông như tuyến xã Yên Phú đi xã Yên Lâm, đường xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên đi xã Trung Hà, huyện Chiêm Hoá,... Đây là những tuyến đường rất quan trọng để phục vụ quá trình phát triển, vận chuyển hàng hóa của người dân.

(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)

\* Đất rừng đặc dụng:

Diện tích đất rừng đặc dụng được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho 2 xã có rừng phòng hộ như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	Xã Phù Lưu	2.063,30	2.062,70	-0,60
2	Xã Yên Thuận	3.496,43	3.496,36	-0,07
<b>Tổng</b>		<b>5.559,73</b>	<b>5.559,06</b>	<b>-0,67</b>

Đến năm 2030, diện tích đất rừng đặc dụng là 5.559,06 ha, giảm 0,67 ha, số lượng giảm không đáng kể so với năm 2020. Do thực hiện Tuyến đường từ xã Phù Lưu đi xã Trung Hà huyện Chiêm Hóa.

\* Đất rừng sản xuất:

Trong kỳ quy hoạch đến năm 2030, diện tích đất rừng sản xuất là 46.324,04 ha, so với năm 2020 đất rừng sản xuất giảm 1.614,38 ha, được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	1.960,29	1.777,93	-182,36
2	Xã Nhân Mục	759,97	757,15	-2,82
3	Xã Bằng Cốc	2.060,51	2.018,45	-42,06
4	Xã Thành Long	3.907,23	3.672,96	-234,27
5	Xã Bình Xa	1.337,75	1.301,26	-36,49
6	Xã Thái Hoà	1.787,07	1.756,28	-30,79
7	Xã Thái Sơn	2.407,52	2.329,10	-78,42
8	Xã Minh Hương	3.651,73	3.625,87	-25,86
9	Xã Minh Dân	1.311,76	1.139,78	-171,98
10	Xã Minh Khương	818,73	677,83	-140,90
11	Xã Phù Lư	2.309,88	2.272,72	-37,16
12	Xã Tân Thành	2.389,07	2.287,58	-101,49
13	Xã Yên Thuận	2.110,70	1.899,12	-211,58
14	Xã Bạch Xa	1.123,48	1.066,22	-57,26
15	Xã Yên Lâm	8.634,42	8.512,15	-122,27
16	Xã Yên Phú	6.116,46	6.054,26	-62,20
17	Xã Đức Ninh	732,90	676,30	-56,60
18	Xã Hùng Đức	4.518,95	4.499,08	-19,87
<b>Toàn huyện</b>		<b>47.938,42</b>	<b>46.324,04</b>	<b>-1.614,38</b>

Nguyên nhân giảm do chuyển sang đất phát triển hạ tầng để thu hồi phục vụ xây dựng đường giao thông trên địa bàn, các công trình thủy điện trên sông Lô và các công trình năng lượng khác; xây dựng các khu dân cư nông thôn và đô thị; quy hoạch cho đất bãi rác (xã Thái Sơn, xã Minh Dân, các điểm tập kết, trung chuyển rác thải rắn và rác thải sinh hoạt trên địa bàn 18 xã và thị trấn,...); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, khai thác và xây dựng các mỏ quặng; đất trồng cây lâu năm (đất trồng cam phân bố tại 16 xã trên địa bàn huyện, đất trồng chè tại xã Thành Long).

- Diện tích đất rừng sản xuất giảm do chuyển sang các loại đất: đất trồng cây lâu năm (Cam) (922,9 ha); đất cụm công nghiệp (29,05 ha); đất thương mại, dịch vụ (11,93 ha); đất cho hoạt động khoáng sản (190,92 ha); Đất quốc phòng (37,10 ha); đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (67,85 ha); đất giao thông (78,89 ha); đất năng lượng (26,30 ha); đất thủy lợi (5,01 ha); đất bãi thải, xử lý chất thải (15,93 ha); đất ở tại nông thôn (23,28 ha); đất ở tại đô thị (15,70 ha); đất nghĩa trang, nghĩa địa (42,07 ha); đất làm sản xuất vật liệu xây dựng (117,70 ha); đất nông nghiệp khác (9,60 ha);...

*(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)*

*\* Đất nuôi trồng thủy sản:*

Đến năm 2030, đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 731,22 ha, giảm 21,73 ha so với năm 2020, được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:



STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	93,72	91,77	-1,95
2	Xã Nhân Mục	25,77	25,67	-0,10
3	Xã Bằng Cốc	38,53	38,43	-0,10
4	Xã Thành Long	42,87	42,49	-0,38
5	Xã Bình Xa	13,90	13,80	-0,10
6	Xã Thái Hoà	57,75	55,97	-1,78
7	Xã Thái Sơn	84,90	79,80	-5,10
8	Xã Minh Hương	25,48	25,38	-0,10
9	Xã Minh Dân	27,74	27,57	-0,17
10	Xã Minh Khương	10,87	10,72	-0,15
11	Xã Phù Lưu	41,40	40,55	-0,85
12	Xã Tân Thành	35,19	31,49	-3,70
13	Xã Yên Thuận	51,25	50,85	-0,40
14	Xã Bạch Xa	52,50	52,07	-0,43
15	Xã Yên Lâm	20,28	19,28	-1,00
16	Xã Yên Phú	35,72	33,92	-1,80
17	Xã Đức Ninh	51,75	48,53	-3,22
18	Xã Hùng Đức	43,33	42,93	-0,40
<b>Toàn huyện</b>		<b>752,95</b>	<b>731,22</b>	<b>-21,73</b>

Nguyên nhân đất nuôi trồng thủy sản giảm là do chuyển sang một số loại đất khác để phục vụ phát triển kinh tế, hạ tầng như: đất cụm công nghiệp (4,30 ha); đất thương mại dịch vụ (1,34 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (1,45 ha); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (2,9 ha); đất giao thông (0,85 ha); đất cơ sở thể dục, thể thao (1,00 ha); đất cơ sở giáo dục, đào tạo (1,3 ha); đất ở nông thôn (5,6 ha); đất ở đô thị (0,8 ha); đất nông nghiệp khác (1,7 ha);...

*\* Đất nông nghiệp khác*

Đến năm 2030, diện tích đất nông nghiệp khác là 69,36, tăng 50,0 ha so với năm 2020, được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã dưới đây:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	Xã Nhân Mục	10,94	10,94	0,00
2	Xã Bằng Cốc	8,42	8,42	0,00
3	Xã Bình Xa	0,00	5,00	5,00
4	Xã Thái Hòa	0,00	7,00	7,00
5	Xã Tân Thành	0,00	18,00	18,00
6	Xã Yên Lâm	0,00	5,00	5,00
7	Xã Hùng Đức	0,00	5,00	5,00
8	Xã Minh Hương	0,00	3,00	3,00
9	Xã Yên Phú	0,00	7,00	7,00
<b>Tổng</b>		<b>19,36</b>	<b>69,36</b>	<b>50,00</b>

Nguyên nhân tăng do chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa (1,0 ha); đất trồng cây hàng năm khác (13,0 ha); đất trồng cây lâu năm (6,70 ha); đất rừng sản xuất (9,60 ha); đất nuôi trồng thủy sản (1,70 ha),.. Trong đó bố trí 50 ha để xây dựng một số khu chăn nuôi tập trung tại xã Bình Xa, xã Yên Phú, xã Hùng Đức, xã Minh Hương, xã Yên Lâm, xã Thái Hòa (chăn nuôi kết hợp sản xuất rau sạch), xã Tân Thành (chăn nuôi kết hợp sản xuất phân vi sinh).

*(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)*

### 2.2.3.2. Đất phi nông nghiệp

Huy động mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Tập trung đầu tư hạ tầng đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay, từng bước phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ và hiện đại theo quy hoạch. Phát triển nông thôn mới gắn với phát triển đô thị. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở các xã, bên cạnh đó phải gắn liền với bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ tái định cư, bảo đảm an toàn ở những khu vực ven sông, ven suối.

Đến năm 2030, nhóm đất phi nông nghiệp: 6.251,46 ha, chiếm 6,94% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Nhóm đất phi nông nghiệp tăng 1.533,67 ha so với hiện trạng năm 2020. *(Trong đó đất nông nghiệp chuyển sang là 1.484,22 ha; nhóm đất chưa sử dụng chuyển sang là: 49,44 ha).*

Diện tích đất phi nông nghiệp được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	285,32	488,63	203,31
2	Xã Nhân Mục	123,63	142,90	19,27
3	Xã Bằng Cốc	111,81	146,51	34,70
4	Xã Thành Long	261,05	513,34	252,29
5	Xã Bình Xa	238,47	312,91	74,44
6	Xã Thái Hoà	354,48	426,66	72,18
7	Xã Thái Sơn	377,07	535,33	158,26
8	Xã Minh Hương	216,80	236,78	19,98
9	Xã Minh Dân	171,41	197,92	26,51
10	Xã Minh Khương	156,59	176,16	19,57
11	Xã Phù Lư	288,93	369,09	80,16
12	Xã Tân Thành	452,51	589,71	137,20
13	Xã Yên Thuận	280,47	371,41	90,94
14	Xã Bạch Xa	167,39	203,64	36,25

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
15	Xã Yên Lâm	241,88	270,45	28,57
16	Xã Yên Phú	419,44	537,46	118,02
17	Xã Đức Ninh	261,57	385,10	123,53
18	Xã Hùng Đức	308,97	347,46	38,49
<b>Toàn huyện</b>		<b>4.717,79</b>	<b>6.247,16</b>	<b>1.533,67</b>

Cụ thể, diện tích các loại đất tăng, giảm so với hiện trạng năm 2020 là:

- Đất quốc phòng tăng: 51,80 ha.
- Đất an ninh tăng: 1,97 ha.
- Đất cụm công nghiệp tăng: 65,11 ha.
- Đất thương mại, dịch vụ tăng: 89,06 ha.
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng: 185,20 ha.
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tăng: 244,20 ha.
- Đất phát triển hạ tầng tăng: 501,76 ha. Trong đó:
  - + Đất cơ sở văn hóa tăng: 3,10 ha.
  - + Đất cơ sở y tế tăng: 1,34 ha.
  - + Đất cơ sở giáo dục và đào tạo tăng: 22,06 ha.
  - + Đất cơ sở thể dục thể thao tăng: 18,31 ha.
  - + Đất giao thông tăng: 314,88 ha.
  - + Đất công trình bưu chính, viễn thông tăng: 0,12 ha.
  - + Đất thủy lợi tăng: 19,75 ha.
  - + Đất công trình năng lượng tăng: 114,25 ha.
  - + Đất cơ sở dịch vụ về xã hội tăng: 1,00 ha.
  - + Đất chợ tăng: 6,95 ha.
- Đất di tích, danh thắng tăng: 8,71 ha.
- Đất bãi thải, xử lý chất thải tăng: 16,74 ha.
- Đất ở tại nông thôn tăng: 161,04 ha.
- Đất ở tại đô thị tăng: 68,89 ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 9,27 ha.
- Đất cơ sở tôn giáo: 5,36 ha.
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: 50,43 ha
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ: 123,00 ha.
- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: 7,70 ha.

(Chi tiết chu chuyển các loại đất tại biểu 12/CH)

**\* Đất quốc phòng:**

Nhằm đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng tỉnh Tuyên Quang nói chung và huyện Hàm Yên nói riêng; đảm bảo ưu tiên quỹ đất cho mục đích quốc phòng theo quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả.

Đến năm 2030, đất quốc phòng có diện tích là 57,78 ha, tăng 51,80 ha so với hiện trạng năm 2020. Dự kiến trong kỳ quy hoạch thực hiện các công trình như: Thao trường huấn luyện huyện Hàm Yên; thao trường huấn luyện tổng hợp TT Tân Yên; trụ sở BCHQS huyện Hàm Yên;... Bên cạnh đó, để đảm bảo được quỹ đất cho phát triển nông nghiệp, khai thác tối đa nguồn lợi từ đất, quy hoạch các thao trường huấn luyện dân quân theo cụm tại các xã và sử dụng theo mục đích kết hợp, bao gồm xã Bằng Cốc, xã Bình Xa, xã Thái Sơn, xã Minh Khương, xã Yên Lâm và xã Hùng Đức. Chi tiết đất quốc phòng phân bổ theo từng xã được thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	5,98	12,08	6,10
2	Xã Bình Xa	0,00	42,80	42,80
3	Xã Yên Phú	0,00	2,90	2,90
<b>Tổng</b>		<b>5,98</b>	<b>57,78</b>	<b>51,80</b>

Nguyên nhân đất quốc phòng tăng do các loại đất sau chuyển sang: Đất trồng cây hàng năm khác (11,00 ha); Đất trồng cây lâu năm (0,80 ha); Đất rừng sản xuất (37,10 ha); Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (2,90 ha);...

*(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)*

**\* Đất an ninh**

Trong phương án quy hoạch đến năm 2030, diện tích đất an ninh là 3,97 ha, tăng 1,97 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích đất an ninh được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	1,66	1,82	0,16
2	Xã Nhân Mục	0,00	0,10	0,10
3	Xã Bằng Cốc	0,00	0,10	0,10
4	Xã Thành Long	0,00	0,10	0,10
5	Xã Bình Xa	0,00	0,20	0,20
6	Xã Thái Hoà	0,34	0,44	0,10
7	Xã Thái Sơn	0,00	0,10	0,10
8	Xã Minh Hương	0,00	0,10	0,10
9	Xã Minh Dân	0,00	0,10	0,10
10	Xã Minh Khương	0,00	0,18	0,18
11	Xã Phù Lưu	0,00	0,10	0,10
12	Xã Tân Thành	0,00	0,10	0,10

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
13	Xã Yên Thuận	0,00	0,10	0,10
14	Xã Bạch Xa	0,00	0,05	0,05
15	Xã Yên Lâm	0,00	0,10	0,10
16	Xã Yên Phú	0,00	0,10	0,10
17	Xã Đức Ninh	0,00	0,10	0,10
18	Xã Hùng Đức	0,00	0,08	0,08
<b>Toàn huyện</b>		<b>2,00</b>	<b>3,97</b>	<b>1,97</b>

Diện tích đất an ninh tăng 1,97 ha do các loại đất chuyển sang: Đất chuyên trồng lúa nước (0,10 ha); đất trồng cây lâu năm (0,26 ha); đất cơ sở y tế (0,20 ha); đất cơ sở giáo dục - đào tạo (0,38 ha); đất chợ (0,10 ha); đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (0,93 ha);..

*(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)*

*\* Đất cụm công nghiệp:*

Căn cứ quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030; kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất cụm công nghiệp giai đoạn (2016 - 2020); nhu cầu đăng ký sử dụng đất của các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào các cụm công nghiệp và đề xuất nhu cầu sử dụng đất của các sở, ngành và các địa phương trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2030, đất cụm công nghiệp có 80,0 ha, tăng 65,11 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích đất cụm công nghiệp được phân bổ cho hai xã tại bảng dưới đây:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	Xã Tân Thành	14,89	30,00	15,11
2	Xã Đức Ninh	0,00	50,00	50,00
<b>Tổng</b>		<b>14,89</b>	<b>80,00</b>	<b>65,11</b>

Trong kỳ quy hoạch 2021 - 2030, do dự kiến mở rộng địa giới thị trấn Tân Yên về phía xã Tân Thành và lấy vào các thôn 1, 2, 3 Tân Yên xã Tân Thành do đó Cụm công nghiệp Tân Thành hiện có sẽ thuộc địa giới hành chính của thị trấn. Do đó phương án quy hoạch đã tính toán bố trí mở thêm 01 cụm Công nghiệp mới có diện tích 50,0 ha tại xã Đức Ninh để đáp ứng nhu cầu thu hút các doanh nghiệp và nhà đầu tư, tiến tới không mở rộng cụm công nghiệp Tân Thành trong tương lai.

- Diện tích đất cụm công nghiệp tăng do các loại đất chuyển sang: Đất trồng lúa (3,0 ha); đất trồng cây lâu năm (27,0 ha); đất rừng sản xuất (29,05 ha); đất nuôi trồng thủy sản (4,3 ha); đất giao thông (1,26 ha);...

*(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)*

*\* Đất thương mại, dịch vụ:*

Đến năm 2030, diện tích đất thương mại dịch vụ có 105,07 ha, tăng 88,83 ha so với hiện trạng năm 2020. Nguyên nhân tăng để phục vụ phát triển các điểm thương mại dịch vụ gồm các cửa hàng xăng dầu loại II và loại III (10 cửa hàng xăng dầu) trải đều trên địa bàn 18 xã,.....; Các điểm dịch vụ thương mại khác như: Khu thương mại dịch vụ TT Tân Yên (vị trí Trụ sở UBND huyện cũ) ; khu du lịch sinh thái Hồ Khôn tại xã Thái Sơn; khu du lịch sinh thái Nam Phong - Ba Trảng tại TT Tân Yên; các trụ sở của các HTX rải rác trên toàn huyện (27 trụ sở các hợp tác xã). Ngoài ra, trong kỳ quy hoạch, huyện Hàm Yên đã bố trí quỹ đất thương mại, dịch vụ dự trữ với diện tích 35 ha, phân bổ trên 18 xã và thị trấn để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Diện tích đất thương mại, dịch vụ được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	10,62	38,07	27,45
2	Xã Nhân Mục	0,26	1,73	1,47
3	Xã Bằng Cốc	0,00	1,70	1,70
4	Xã Thành Long	1,12	2,24	1,12
5	Xã Bình Xá	0,41	1,43	1,02
6	Xã Thái Hoà	0,23	2,51	2,28
7	Xã Thái Sơn	0,38	15,86	15,48
8	Xã Minh Hương	0,09	1,21	1,12
9	Xã Minh Dân	0,32	1,97	1,65
10	Xã Minh Khương	0,36	2,55	2,19
11	Xã Phù Lưu	0,28	10,52	10,24
12	Xã Tân Thành	0,85	7,61	6,76
13	Xã Yên Thuận	0,00	2,44	2,44
14	Xã Bạch Xá	0,00	1,32	1,32
15	Xã Yên Lâm	0,22	2,52	2,30
16	Xã Yên Phú	0,16	7,31	7,15
17	Xã Đức Ninh	0,94	2,83	1,89
18	Xã Hùng Đức	0,00	1,25	1,25
<b>Toàn huyện</b>		<b>16,24</b>	<b>105,07</b>	<b>88,83</b>

- Đất thương mại, dịch vụ tăng do các loại đất chuyển sang: Đất trồng lúa (9,47 ha); đất trồng cây hàng năm khác (9,55 ha); đất trồng cây lâu năm (50,38 ha); đất rừng sản xuất (11,93 ha); đất nuôi trồng thủy sản (1,34 ha); đất giao thông (0,05 ha); đất cơ sở y tế (0,12 ha); đất ở tại nông thôn (0,94 ha); đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (1,0 ha);... Bên cạnh đó, trong kỳ quy hoạch, đất thương mại, dịch vụ biến động giảm 0,23 ha do chuyển sang chuyển sang các loại đất sau: Đất chợ (0,03 ha); đất ở đô thị (0,20 ha).

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

\* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Đến năm 2030, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh có diện tích là 206,85 ha, tăng 181,50 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích tăng do quy hoạch phát triển một số điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh như: Xưởng tuyển khoáng sản xã Đức Ninh; công ty may xã Thái Sơn; khu cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xã Tân Thành; các khu sản xuất của các HTX (HTX Cá chiên đặc sản xã Thái Hòa, HTX vệt bầu xã Minh Hương, HTX chè Bạch Xa, HTX cà chua Thành Long, HTX rượu men lá xã Bằng Cốc); bãi chứa cát sỏi; ngoài ra còn có các nhà máy nước sạch phục vụ cho nguồn nước sinh hoạt trên toàn địa bàn huyện;... Ngoài ra, huyện Hàm Yên đã bố trí quỹ đất dự trữ để phát triển đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp với diện tích 40 ha, làm tiền đề và điều kiện để phát triển các công trình, dự án phát sinh trong kỳ quy hoạch.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	8,93	11,78	2,85
2	Xã Nhân Mục	0,00	2,00	2,00
3	Xã Bằng Cốc	0,00	4,00	4,00
4	Xã Thành Long	0,00	1,55	1,55
5	Xã Bình Xa	9,67	13,85	4,18
6	Xã Thái Hoà	1,25	4,15	2,90
7	Xã Thái Sơn	0,75	25,22	24,47
8	Xã Minh Hương	0,00	1,50	1,50
9	Xã Minh Dân	0,00	1,50	1,50
10	Xã Minh Khương	0,00	1,50	1,50
11	Xã Phù Lưu	0,00	7,05	7,05
12	Xã Tân Thành	0,00	46,68	46,68
13	Xã Yên Thuận	0,00	1,50	1,50
14	Xã Bạch Xa	0,00	1,66	1,66
15	Xã Yên Lâm	0,66	2,36	1,70
16	Xã Yên Phú	0,99	27,05	26,06
17	Xã Đức Ninh	2,63	44,73	42,10
18	Xã Hùng Đức	0,47	8,77	8,30
<b>Tổng</b>		<b>25,35</b>	<b>206,85</b>	<b>181,50</b>

- Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng do các loại đất chuyển sang: đất trồng lúa (20,88 ha); Đất trồng cây hàng năm khác (10,44 ha); đất trồng cây lâu năm (75,02 ha); đất rừng sản xuất (67,85 ha); đất nuôi trồng thủy sản (1,45 ha); Đất giao thông (0,85 ha); đất thủy lợi (0,8 ha); đất ở tại nông thôn (0,04 ha); đất làm nghĩa trang, nghĩa địa (5,20 ha); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (0,15 ha); đất chưa sử dụng (2,52 ha). Bên cạnh đó, trong kỳ quy hoạch, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp biến động giảm 3,70 ha do chuyển sang các loại đất sau:

Đất quốc phòng (2,90 ha); đất thương mại, dịch vụ (0,5 ha); đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (0,30 ha).

*(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)*

*\* Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:*

Trong kỳ quy hoạch đến năm 2030, quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản có 473,63 ha, tăng 226,20 ha so với hiện trạng năm 2020 do thực hiện cho các công trình về khoáng sản trên toàn huyện như: mỏ quặng sắt Thầu Cáy, xã Tân Thành; mỏ quặng sắt khu vực khoáng sản nhỏ lẻ điểm mỏ Ma Long, xã Phù Lưu và khu suối lách (Gốc mít) xã Tân Thành (mỏ và phụ trợ); mỏ quặng sắt Làng Tề, xã Thái Hòa (mỏ và phụ trợ); mỏ quặng sắt Cây Vầu; mỏ quặng sắt núi Mạ; mỏ quặng sắt Soi Thành; mỏ quặng sắt thôn Trung Thành 1 (Thành Long) và thôn Hợp Hòa (Bằng Cốc); mỏ Kaolanh xã Thái Sơn, xã Thành Long; mỏ đá hoa trắng xã Yên Phú;.....

*(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)*

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	Xã Nhân Mục	1,28	1,28	0,00
2	Xã Bằng Cốc	0,00	8,56	8,56
3	Xã Thành Long	66,12	179,00	112,88
4	Xã Thái Hoà	11,27	36,93	25,66
5	Xã Thái Sơn	2,41	35,81	33,4
6	Xã Phù Lưu	5,59	22,30	16,71
7	Xã Tân Thành	52,95	65,84	12,89
8	Xã Yên Phú	10,24	26,34	16,1
9	Xã Hùng Đức	97,57	97,57	0,00
<b>Tổng</b>		<b>25,35</b>	<b>473,63</b>	<b>226,20</b>

*\* Đất phát triển hạ tầng:*

Tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ hiện đại. Đến năm 2030, đất phát triển hạ tầng có 2.024,87 ha, tăng 491,72 ha so với năm 2020, do các loại đất chuyển sang: Đất trồng lúa (76,96 ha); đất trồng cây hàng năm khác (105,81 ha); đất trồng cây lâu năm (174,57 ha); đất rừng phòng hộ (5,93 ha); đất rừng đặc dụng (0,67 ha); đất rừng sản xuất (119,74 ha); đất nuôi trồng thủy sản (3,44 ha); đất thương mại, dịch vụ (0,03 ha); đất ở tại nông thôn (4,67 ha); đất ở tại đô thị (1,72 ha); đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (0,97 ha); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (3,66 ha); đất chưa sử dụng (1,04 ha);... Bên cạnh đó diện



tích đất phát triển hạ tầng cấp huyện giảm 10,04 ha là do chuyển sang các loại đất: Đất an ninh (0,68 ha); đất cụm công nghiệp (1,26 ha); đất thương mại, dịch vụ (0,95 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (1,65 ha); đất ở nông thôn (0,77 ha); đất xây dựng trụ sở, cơ quan (2,63 ha);... Diện tích đất phát triển hạ tầng được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	119,50	210,01	90,51
2	Xã Nhân Mục	53,78	59,94	6,16
3	Xã Bằng Cốc	43,03	51,81	8,78
4	Xã Thành Long	73,10	89,00	15,90
5	Xã Bình Xa	62,47	81,38	18,91
6	Xã Thái Hoà	102,72	134,81	32,09
7	Xã Thái Sơn	124,65	166,98	42,33
8	Xã Minh Hương	84,09	90,28	6,19
9	Xã Minh Dân	37,21	46,06	8,85
10	Xã Minh Khương	43,59	50,80	7,21
11	Xã Phù Lưu	78,80	105,39	26,59
12	Xã Tân Thành	142,96	164,51	21,55
13	Xã Yên Thuận	151,21	232,18	80,97
14	Xã Bạch Xa	42,71	66,03	23,32
15	Xã Yên Lâm	60,69	70,81	10,12
16	Xã Yên Phú	113,43	160,29	46,86
17	Xã Đức Ninh	109,64	135,54	25,90
18	Xã Hùng Đức	89,57	109,05	19,48
<b>Toàn huyện</b>		<b>1,533,15</b>	<b>2.024,87</b>	<b>491,72</b>

\* Các công trình, dự án xác định trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, dự kiến sẽ có 433 công trình về lĩnh vực phát triển hạ tầng, trong đó:

- Về đất văn hóa: Có 26 công trình, gồm: Hội trường trung tâm văn hóa huyện, sân văn hóa thể thao tổng hợp xã Yên Thuận; Nhà bia tưởng niệm tại các xã Minh Khương, Bạch Xa, Minh Dân, Thành Long.... Diện tích đất văn hóa đến năm 2030 có 31,50 ha, tăng 2,75 ha so với năm 2020, bao gồm cả phần diện tích đất sinh hoạt cộng đồng trong kỳ kiểm kê năm 2019 chuyển sang. Diện tích đất văn hóa được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	3,83	5,34	1,51
2	Xã Nhân Mục	1,61	1,61	0,00
3	Xã Bằng Cốc	0,71	0,86	0,15
4	Xã Thành Long	1,41	1,60	0,19
5	Xã Bình Xa	0,90	1,37	0,47
6	Xã Thái Hoà	2,52	2,39	-0,13

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
7	Xã Thái Sơn	2,32	2,32	0,00
8	Xã Minh Hương	1,12	1,12	0,00
9	Xã Minh Dân	0,61	0,71	0,10
10	Xã Minh Khương	1,34	1,36	0,02
11	Xã Phù Lưu	1,55	1,55	0,00
12	Xã Tân Thành	2,36	2,20	-0,16
13	Xã Yên Thuận	0,95	1,11	0,16
14	Xã Bạch Xa	0,42	0,44	0,02
15	Xã Yên Lâm	0,58	0,58	0,00
16	Xã Yên Phú	1,20	1,52	0,32
17	Xã Đức Ninh	3,22	3,32	0,10
18	Xã Hùng Đức	2,10	2,10	0,00
<b>Toàn huyện</b>		<b>28,75</b>	<b>31,50</b>	<b>2,75</b>

- Về đất cơ sở y tế: Có 4 công trình, dự án (xây mới trạm y tế xã Bạch Xa; mở rộng trạm y tế xã Thành Long và xã Đức Ninh; trong đó có dự án trọng điểm là mở rộng trung tâm y tế huyện Hàm Yên tại TDP Tân Bình, TT Tân Yên.....). Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở y tế là 8,48 ha, tăng 1,02 ha so với năm 2020. Diện tích đất y tế được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	3,31	4,31	1,00
2	Xã Nhân Mục	0,41	0,41	0,00
3	Xã Bằng Cốc	0,11	0,11	0,00
4	Xã Thành Long	0,11	0,15	0,04
5	Xã Bình Xa	0,21	0,21	0,00
6	Xã Thái Hoà	0,32	0,32	0,00
7	Xã Thái Sơn	0,32	0,32	0,00
8	Xã Minh Hương	0,51	0,39	-0,12
9	Xã Minh Dân	0,11	0,11	0,00
10	Xã Minh Khương	0,18	0,18	0,00
11	Xã Phù Lưu	0,42	0,32	-0,10
12	Xã Tân Thành	0,24	0,24	0,00
13	Xã Yên Thuận	0,10	0,10	0,00
14	Xã Bạch Xa	0,11	0,21	0,10
15	Xã Yên Lâm	0,42	0,42	0,00
16	Xã Yên Phú	0,19	0,19	0,00
17	Xã Đức Ninh	0,24	0,34	0,10
18	Xã Hùng Đức	0,15	0,15	0,00
<b>Toàn huyện</b>		<b>7,46</b>	<b>8,48</b>	<b>1,02</b>

- Về đất cơ sở giáo dục - đào tạo: Có 49 công trình, dự án, gồm: quy hoạch xây dựng trường ngoài công lập tại TT Tân Yên; quy hoạch mở rộng điểm trường PTDTNT THCS - THPT huyện Hàm Yên; còn lại chủ yếu là mở

rộng các trường trên địa bàn 17 xã (xây mới các trường mầm non xã Thái Sơn, xã Bạch Xa, xã Minh Khương, mở rộng các trường mầm non xã Bằng Cốc, Minh Hương,...). Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở giáo dục - đào tạo là 88,45 ha, tăng 17,58 ha so với năm 2020. Ngoài các công trình nêu trên, huyện Hàm Yên đã bố trí quỹ đất để phục vụ cho các trường trong và ngoài công lập trên địa bàn toàn huyện với diện tích 5 ha, đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành giáo dục trong kỳ quy hoạch.

Diện tích đất cơ sở giáo dục - đào tạo được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	9,38	10,78	1,40
2	Xã Nhân Mục	1,66	1,74	0,08
3	Xã Bằng Cốc	1,43	3,43	2,00
4	Xã Thành Long	3,02	3,41	0,39
5	Xã Bình Xa	2,43	2,24	-0,19
6	Xã Thái Hoà	6,20	7,45	1,25
7	Xã Thái Sơn	3,67	4,17	0,50
8	Xã Minh Hương	3,86	5,74	1,88
9	Xã Minh Dân	2,34	2,91	0,57
10	Xã Minh Khương	3,25	3,72	0,47
11	Xã Phù Lưu	6,28	8,52	2,24
12	Xã Tân Thành	7,05	10,35	3,30
13	Xã Yên Thuận	2,67	2,99	0,32
14	Xã Bạch Xa	2,56	3,61	1,05
15	Xã Yên Lâm	3,59	3,84	0,25
16	Xã Yên Phú	4,84	5,29	0,45
17	Xã Đức Ninh	2,85	3,84	0,99
18	Xã Hùng Đức	3,79	4,42	0,63
<b>Toàn huyện</b>		<b>70,87</b>	<b>88,45</b>	<b>17,58</b>

- Về đất thể dục - thể thao: Có 29 công trình được quy hoạch trong kỳ quy hoạch. Trong đó, trọng điểm là dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng sân vận động huyện và khu dịch vụ thương mại thôn 3 Tân Yên, xã Tân Thành. Đây là điểm sân vận động chính của huyện, không chỉ là nơi tổ chức các giải bóng đá lớn và nhỏ, mà bên cạnh đó còn tổ chức các hoạt động văn hóa lớn của huyện Hàm Yên. Đến năm 2030, diện tích đất thể dục - thể thao là 44,79 ha, tăng 17,83 ha so với năm 2020. Diện tích đất thể dục - thể thao được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,04	0,04	0,00
2	Xã Nhân Mục	0,72	0,72	0,00

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
3	Xã Bằng Cốc	0,78	1,78	1,00
4	Xã Thành Long	1,41	3,01	1,60
5	Xã Bình Xa	3,83	4,30	0,47
6	Xã Thái Hoà	4,28	4,93	0,65
7	Xã Thái Sơn	2,81	3,71	0,90
8	Xã Minh Hương	1,62	2,52	0,90
9	Xã Minh Dân	0,35	1,20	0,85
10	Xã Minh Khương	1,01	1,31	0,30
11	Xã Phù Lưu	2,29	3,29	1,00
12	Xã Tân Thành	0,86	6,16	5,30
13	Xã Yên Thuận	1,21	1,36	0,15
14	Xã Bạch Xa	0,50	0,95	0,45
15	Xã Yên Lâm	0,79	1,77	0,98
16	Xã Yên Phú	0,00	1,39	1,38
17	Xã Đức Ninh	3,20	3,20	0,00
18	Xã Hùng Đức	1,26	3,16	1,90
<b>Toàn huyện</b>		<b>26,96</b>	<b>44,79</b>	<b>17,83</b>

- Về đất thủy lợi: Có 47 công trình, dự án (bao gồm các kè bờ suối chống sạt lở, các đập thủy lợi vừa và nhỏ, còn lại là những công trình liên quan đến xây dựng và nâng cấp hệ thống kênh mương, hệ thống tưới tiêu, nước sạch đi kèm,..). Đến năm 2030, diện tích đất thủy lợi là 312,68 ha, tăng 18,85 ha so với năm 2020. Diện tích đất thủy lợi được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	7,12	7,12	0,00
2	Xã Nhân Mục	14,90	15,00	0,10
3	Xã Bằng Cốc	0,61	0,81	0,20
4	Xã Thành Long	10,13	10,16	0,03
5	Xã Bình Xa	12,83	13,83	1,00
6	Xã Thái Hoà	37,72	40,28	2,56
7	Xã Thái Sơn	57,50	57,66	0,16
8	Xã Minh Hương	16,88	17,65	0,77
9	Xã Minh Dân	3,25	5,55	2,30
10	Xã Minh Khương	1,40	1,92	0,52
11	Xã Phù Lưu	6,73	11,63	4,90
12	Xã Tân Thành	47,44	47,75	0,31
13	Xã Yên Thuận	12,26	15,26	3,00
14	Xã Bạch Xa	10,50	11,39	0,89
15	Xã Yên Lâm	0,54	1,05	0,51
16	Xã Yên Phú	8,00	8,51	0,51
17	Xã Đức Ninh	31,74	32,08	0,34
18	Xã Hùng Đức	14,28	15,03	0,75

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
	<b>Toàn huyện</b>	<b>293,83</b>	<b>312,68</b>	<b>18,85</b>

- Về đất giao thông: Có 195 công trình, dự án như: công trình đường từ Trung tâm thành phố Tuyên Quang đến Km34, đường Tuyên Quang - Hà Giang; Xây dựng mở mới đường tránh thị trấn kéo dài, điểm đầu Km174+990 điểm cuối Km179+260 Quốc lộ 2 (chân dốc Đền), chiều dài 4,75 km; Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 189, Km0+00 - Km57+00 (xã Bình Xa, thôn Lục Khang xã Yên Thuận); Đường trung tâm nội thị từ QL2 nối với đường dẫn cầu Tân Yên (TDP Bắc Yên) dài 6 km; Đường trung tâm nội thị từ QL2 nối với đường dẫn cầu Tân Yên (Cổng kho bạc huyện Hàm Yên, TDP Cống Đồi) dài 5 km; Dự án Cầu qua sông Lô Km71 đường Tuyên Quang - Hà Giang, xã Bạch Xa; Quy hoạch xây dựng, mở rộng các tuyến đường trục nội thị, thị trấn Tân Yên, và các tuyến đường khác trên toàn huyện. Đến năm 2030, diện tích đất giao thông là 1.298,46 ha, tăng 312,67 ha so với năm 2020. Diện tích đất giao thông được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	87,09	167,08	79,99
2	Xã Nhân Mục	33,16	38,70	5,54
3	Xã Bằng Cốc	38,75	42,76	4,01
4	Xã Thành Long	53,74	66,05	12,31
5	Xã Bình Xa	41,81	58,92	17,11
6	Xã Thái Hoà	50,37	72,35	21,98
7	Xã Thái Sơn	52,51	86,48	33,97
8	Xã Minh Hương	59,74	60,88	1,14
9	Xã Minh Dân	28,94	32,69	3,75
10	Xã Minh Khương	35,81	39,82	4,01
11	Xã Phù Lưu	61,05	72,71	11,66
12	Xã Tân Thành	77,88	83,32	5,44
13	Xã Yên Thuận	53,77	73,89	20,12
14	Xã Bạch Xa	27,57	45,96	18,39
15	Xã Yên Lâm	54,46	58,69	4,23
16	Xã Yên Phú	95,06	131,48	36,42
17	Xã Đức Ninh	67,29	85,25	17,96
18	Xã Hùng Đức	66,79	81,43	14,64
	<b>Toàn huyện</b>	<b>985,79</b>	<b>1.298,46</b>	<b>312,67</b>

- Về đất năng lượng: Có 65 công trình, dự án trong kỳ quy hoạch, bao gồm 4 thủy điện vừa và nhỏ chạy dọc theo sông Lô trên địa bàn xã (Thủy điện sông Lô 6, thủy điện sông lô 7, thủy điện sông lô 8A và 8B); các trạm biến áp, hệ thống chân cột, đường dây tại các xã trên địa bàn huyện). Đến năm 2030,

diện tích đất năng lượng là 221,72 ha, tăng 114,25 ha so với năm 2020. Diện tích đất năng lượng được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	7,97	12,58	4,61
2	Xã Nhân Mục	0,00	0,44	0,44
3	Xã Bằng Cốc	0,00	1,42	1,42
4	Xã Thành Long	2,86	4,20	1,34
5	Xã Bình Xa	0,01	0,06	0,05
6	Xã Thái Hoà	0,54	6,72	6,18
7	Xã Thái Sơn	4,94	11,14	6,20
8	Xã Minh Hương	0,00	1,22	1,22
9	Xã Minh Dân	1,15	2,65	1,50
10	Xã Minh Khương	0,00	1,84	1,84
11	Xã Phù Lưu	0,00	6,86	6,86
12	Xã Tân Thành	5,38	10,96	5,58
13	Xã Yên Thuận	79,88	137,00	57,12
14	Xã Bạch Xa	0,33	2,96	2,63
15	Xã Yên Lâm	0,03	2,66	2,63
16	Xã Yên Phú	3,72	11,00	7,28
17	Xã Đức Ninh	0,66	6,45	5,79
18	Xã Hùng Đức	0,00	1,56	1,56
<b>Toàn huyện</b>		<b>107,47</b>	<b>221,72</b>	<b>114,25</b>

- Về đất bưu chính, viễn thông: Có 4 công trình, dự án (Quy hoạch mở mới và nâng cấp bưu điện các xã Bạch Xa, Minh Dân, Nhân Mục và Yên Lâm). Đến năm 2030, diện tích đất bưu chính, viễn thông là 0,66 ha, tăng 0,07 ha so với năm 2020. Diện tích đất bưu chính, viễn thông được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,13	0,13	0,00
2	Xã Nhân Mục	0,03	0,03	0,00
3	Xã Bằng Cốc	0,00	0,00	0,00
4	Xã Thành Long	0,03	0,03	0,00
5	Xã Bình Xa	0,04	0,04	0,00
6	Xã Thái Hoà	0,02	0,02	0,00
7	Xã Thái Sơn	0,06	0,06	0,00
8	Xã Minh Hương	0,02	0,02	0,00
9	Xã Minh Dân	0,02	0,03	0,01
10	Xã Minh Khương	0,03	0,03	0,00
11	Xã Phù Lưu	0,01	0,01	0,00
12	Xã Tân Thành	0,02	0,02	0,00
13	Xã Yên Thuận	0,02	0,02	0,00
14	Xã Bạch Xa	0,01	0,05	0,04
15	Xã Yên Lâm	0,03	0,05	0,02

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
16	Xã Yên Phú	0,09	0,09	0,00
17	Xã Đức Ninh	0,01	0,01	0,00
18	Xã Hùng Đức	0,02	0,02	0,00
<b>Toàn huyện</b>		<b>0,59</b>	<b>0,66</b>	<b>0,07</b>

- *Đất cơ sở dịch vụ về xã hội*: Có 1 công trình là Trung tâm bảo vệ sức khỏe cho người già (1 ha) tại TT Tân Yên.

- Về đất chợ: Trong kỳ quy hoạch có 13 công trình, dự án (Quy hoạch mở rộng chợ trung tâm TT Tân Yên, chợ xép xã Minh Dân, xã Tân Thành, xã Minh Khương; Mở rộng chợ tại các xã khác như xã Yên Thuận, xã Thái Sơn, Đức Ninh, Minh Hương).

*(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)*

Đến năm 2030, diện tích đất chợ là 17,13 ha, tăng 5,70 ha so với năm 2020. Diện tích đất chợ được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,63	1,63	1,00
2	Xã Nhân Mục	1,29	1,29	0,00
3	Xã Bằng Cốc	0,64	0,64	0,00
4	Xã Thành Long	0,39	0,39	0,00
5	Xã Bình Xá	0,41	0,41	0,00
6	Xã Thái Hoà	0,75	0,35	-0,40
7	Xã Thái Sơn	0,52	1,12	0,60
8	Xã Minh Hương	0,34	0,74	0,40
9	Xã Minh Dân	0,44	0,21	-0,23
10	Xã Minh Khương	0,57	0,62	0,05
11	Xã Phù Lưu	0,47	0,50	0,03
12	Xã Tân Thành	1,73	3,51	1,78
13	Xã Yên Thuận	0,35	0,45	0,10
14	Xã Bạch Xá	0,71	0,46	-0,25
15	Xã Yên Lâm	0,25	1,75	1,50
16	Xã Yên Phú	0,33	0,83	0,50
17	Xã Đức Ninh	0,43	1,05	0,62
18	Xã Hùng Đức	1,18	1,18	0,00
<b>Toàn huyện</b>		<b>11,43</b>	<b>17,13</b>	<b>5,70</b>

*\* Đất có di tích lịch sử - văn hóa:*

Đến năm 2030, đất có di tích lịch sử văn hóa có diện tích là 12,63 ha, tăng 8,71 ha so với hiện trạng, là do các loại đất chuyển sang: Đất trồng cây hàng năm khác (0,01 ha); Đất trồng cây lâu năm (0,96 ha); Đất rừng sản xuất (3,11 ha); Đất ở nông thôn (0,13 ha); Đất chưa sử dụng (4,50 ha).

Trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, dự kiến sẽ có 14 công trình, dự án về di tích lịch sử - văn hóa, một trong số đó đã được công nhận là di tích cấp Quốc gia và cấp tỉnh như: Hang Đá Đen (cấp QG); xưởng quân giới J3 xã Thái Sơn, xưởng quân giới xã Nhân Mục (cấp tỉnh); di tích ngân hàng quốc gia Việt Nam, đồi Báng Nội, đồi Ngòi Bang và một số di tích khác trên địa bàn huyện. (Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho 7 xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	Xã Nhân Mục	0,00	0,48	0,48
2	Xã Bằng Cốc	0,00	2,50	2,50
3	Xã Thành Long	0,22	0,42	0,20
4	Xã Thái Sơn	0,00	0,13	0,13
5	Xã Minh Khương	0,00	0,37	0,37
6	Xã Yên Thuận	0,00	0,10	0,10
7	Xã Hùng Đức	3,70	8,20	4,50
<b>Tổng</b>		<b>3,92</b>	<b>12,63</b>	<b>8,71</b>

*\* Đất bãi thải, xử lý chất thải:*

Trong kỳ quy hoạch, đất bãi thải, xử lý chất thải có 19,0 ha, tăng 16,74 ha so với hiện trạng năm 2020, là do các loại đất sau chuyển sang: Đất trồng lúa (0,04 ha); Đất trồng cây hàng năm khác (0,04 ha); Đất trồng cây lâu năm (0,53 ha); Đất rừng sản xuất (15,93 ha); Đất nuôi trồng thủy sản (0,20 ha). Để đảm bảo đáp ứng được tiêu chí của huyện nông thôn mới, trong phương án quy hoạch huyện đã bố trí 02 bãi rác tập trung của huyện gồm: bãi rác tập trung xã Thái Sơn (10,0 ha); bãi rác tập trung các xã ven sông tại xã Minh Dân (5,0 ha). Bên cạnh đó, Hàm Yên đã bổ sung đầy đủ các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn và rác thải sinh thái trên địa bàn 17 xã và thị trấn. Đảm bảo được nguồn rác được xử lý đúng nơi quy định.

Thực hiện mục tiêu trên đến năm 2030, tỷ lệ thu gom và xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường đối với chất thải nguy hại, chất thải y tế đạt 100%; tỷ lệ thu gom và xử lý hợp vệ sinh môi trường đối với các loại chất thải rắn tại khu dân cư nông thôn đạt 75%; tỷ lệ thu gom và xử lý hợp vệ sinh môi trường đối với rác thải sinh hoạt ở khu vực đô thị đạt 95%; tỷ lệ các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100%. Đảm bảo các tiêu chí về môi trường theo tiêu chí huyện Nông thôn mới vào năm 2025.

*(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)*

Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:



STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,00	0,12	0,12
2	Xã Nhân Mục	0,00	0,02	0,02
3	Xã Bằng Cốc	0,00	0,02	0,02
4	Xã Thành Long	0,00	0,20	0,20
5	Xã Bình Xá	0,46	0,48	0,02
6	Xã Thái Hoà	0,00	0,02	0,02
7	Xã Thái Sơn	0,00	10,09	10,09
8	Xã Minh Hương	0,00	0,10	0,10
9	Xã Minh Dân	0,00	5,02	5,02
10	Xã Minh Khương	0,00	0,02	0,02
11	Xã Phù Lưu	0,00	0,07	0,07
12	Xã Tân Thành	0,00	0,02	0,02
13	Xã Yên Thuận	0,00	0,02	0,02
14	Xã Bạch Xá	0,00	0,20	0,20
15	Xã Yên Lâm	0,00	0,70	0,70
16	Xã Yên Phú	1,80	1,84	0,04
17	Xã Đức Ninh	0,00	0,04	0,04
18	Xã Hùng Đức	0,00	0,02	0,02
<b>Toàn huyện</b>		<b>2,26</b>	<b>19,00</b>	<b>16,74</b>

*\* Đất ở (đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị):*

Đến năm 2030, đất ở có 1.331,18 ha, bình quân diện tích sàn/người toàn huyện đạt 108,07 m<sup>2</sup>/người. Trong đó:

*+ Đất ở tại nông thôn:*

Đất ở tại nông thôn quy hoạch đến năm 2030 có diện tích là 1.211,81 ha, tăng 155,26 ha so với hiện trạng năm 2020, và dự kiến tăng trong thời gian tới dưới sự phát triển nông thôn mới trên toàn địa bàn huyện. Trong kỳ QHSD đất dự kiến sẽ có 125 công trình, dự án được thực hiện. Chủ yếu phát triển khu, điểm dân cư nông thôn dọc theo ven các tuyến trục đường chính, trung tâm các xã (như đầu tư xây dựng khu tái định cư; chuyển đổi các điểm nhỏ lẻ, xen kẽ trong khu dân cư; các khu dân cư theo hình thức đầu giá QSD đất). Bên cạnh đó, trong kỳ quy hoạch, huyện Hàm Yên đã bố trí quỹ đất ở dự trữ, phân bổ trên 18 xã và thị trấn để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tỷ lệ gia tăng dân số.

- Diện tích đất ở tại nông thôn tăng do các loại đất sau chuyển sang: Đất trồng lúa (36,44 ha); đất trồng cây hàng năm khác (32,30 ha); đất trồng cây lâu năm (62,81 ha); đất rừng sản xuất (23,28 ha); đất nuôi trồng thủy sản (5,60 ha); đất phát triển hạ tầng (0,77 ha); đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (0,75 ha); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (0,09 ha). Bên cạnh đó, trong kỳ quy hoạch

diện tích đất ở tại nông thôn biến động giảm 5,78 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất thương mại, dịch vụ (0,94 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (0,04 ha); đất giao thông (2,34 ha); đất năng lượng (2,18 ha); đất thể dục - thể thao (0,06 ha); đất chợ (0,02 ha); đất di tích lịch sử, văn hóa (0,13 ha).

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

Diện tích đất ở nông thôn được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	Xã Nhân Mục	34,14	42,28	8,14
2	Xã Bằng Cốc	32,17	38,51	6,34
3	Xã Thành Long	64,23	67,98	3,75
4	Xã Bình Xa	65,34	70,44	5,10
5	Xã Thái Hoà	107,50	116,30	8,80
6	Xã Thái Sơn	83,04	100,48	17,44
7	Xã Minh Hương	67,02	77,12	10,10
8	Xã Minh Dân	51,47	59,04	7,57
9	Xã Minh Khương	43,44	49,73	6,29
10	Xã Phù Lưu	94,83	109,41	14,58
11	Xã Tân Thành	78,95	98,04	19,09
12	Xã Yên Thuận	48,90	54,46	5,56
13	Xã Bạch Xá	34,86	44,67	9,81
14	Xã Yên Lâm	49,39	59,69	10,30
15	Xã Yên Phú	66,74	77,52	10,78
16	Xã Đức Ninh	72,39	76,81	4,42
17	Xã Hùng Đức	62,14	69,33	7,19
<b>Tổng xã</b>		<b>1,056,55</b>	<b>1.211,81</b>	<b>155,26</b>

- Đất ở tại đô thị:

Đất ở tại đô thị đến năm 2030 có diện tích là 119,37 ha, tăng 67,17 ha so với hiện trạng năm 2020. Trong kỳ QHSD đất dự kiến sẽ có 16 công trình, dự án do huyện xác định như: Khu đô thị mới huyện Hàm Yên; khu đô thị tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên; khu đô thị TDP Tân Yên; quy hoạch chi tiết và xây dựng điểm dân cư TDP Tân Bắc; các khu dân cư, dịch vụ dọc tuyến đường mở mới trục đường đô thị từ km 174+900 đến km 179+260 (QL2),.....

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Diện tích đất ở tại đô thị tăng do các loại đất chuyển sang: Đất trồng lúa (13,70 ha); đất trồng cây hàng năm khác (8,35 ha); Đất trồng cây lâu năm (26,99 ha); đất rừng sản xuất (15,70 ha); đất nuôi trồng thủy sản (0,80 ha); đất thương mại, dịch vụ (0,20 ha); đất giao thông (0,05 ha); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (3,1 ha). Ngoài ra, trong kỳ quy hoạch diện tích đất ở đô thị biến

động giảm 1,72 ha để chuyển sang các loại đất sau: Đất giao thông (1,22 ha); đất chợ (0,5 ha).

*\* Đất xây dựng trụ sở cơ quan:*

Đến năm 2030, đất xây dựng trụ sở cơ quan là 24,61 ha, tăng 5,62 ha so với hiện trạng năm 2020. Trong kỳ QHSD đất dự kiến các công trình, dự án do cấp huyện xác định về trụ sở cơ quan, bao gồm: trụ sở làm việc của Đảng Ủy, Hội đồng nhân dân và UBND xã Bằng Cốc; trụ sở UBND xã Bạch Xa, mở rộng trụ sở làm việc của UBND xã Minh Dân, Thành Long và xã Yên Lâm; các trụ sở ban chỉ huy quân sự tại các xã. Trong đó, công trình trọng điểm trong kỳ quy hoạch về đất trụ sở cơ quan là di chuyển trụ sở UBND huyện Tân Thành đến địa điểm mới tại thôn 2 Việt Thành. Ngoài các công trình đã nêu trên, huyện Hàm Yên đã bố trí một quỹ đất trụ sở cơ quan với diện tích 2 ha để phục vụ cho quá trình phát triển, mở rộng trung tâm các xã và thị trấn.

*(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)*

- Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng do các loại đất sau chuyển sang: Đất trồng lúa (0,25 ha); Đất trồng cây hàng năm khác (2,60 ha); Đất trồng cây lâu năm (2,94 ha); Đất rừng sản xuất (0,30 ha); Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (0,30 ha); Đất cơ sở giáo dục, đào tạo (2,28 ha);.. Bên cạnh đó, trong kỳ quy hoạch diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan biến động giảm 3,65 ha để chuyển sang các loại đất sau: Đất an ninh (1,03 ha); Đất thương mại dịch vụ (0,90 ha); Đất CT bưu chính viễn thông (0,03 ha); Đất cơ sở văn hóa (0,44 ha); Đất cơ sở thể dục - thể thao (0,50 ha).

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	8,03	9,32	1,29
2	Xã Nhân Mục	0,22	0,42	0,20
3	Xã Bằng Cốc	1,74	1,99	0,25
4	Xã Thành Long	0,15	0,34	0,19
5	Xã Bình Xa	0,64	0,54	-0,10
6	Xã Thái Hoà	1,50	0,75	-0,75
7	Xã Thái Sơn	0,80	1,35	0,55
8	Xã Minh Hương	0,39	0,49	0,10
9	Xã Minh Dân	0,36	0,78	0,42
10	Xã Minh Khương	0,22	0,32	0,10
11	Xã Phù Lư	0,61	0,86	0,25
12	Xã Tân Thành	0,88	2,98	2,10
13	Xã Yên Thuận	0,33	0,48	0,15
14	Xã Bạch Xa	0,53	0,78	0,25

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
15	Xã Yên Lâm	0,85	1,45	0,60
16	Xã Yên Phú	0,24	0,24	0,00
17	Xã Đức Ninh	0,82	0,82	0,00
18	Xã Hùng Đức	0,68	0,70	0,02
<b>Toàn huyện</b>		<b>18,99</b>	<b>24,61</b>	<b>5,62</b>

*\* Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:*

Đến năm 2030 có diện tích là 0,26 ha, không thay đổi so với năm 2020.

*\* Đất cơ sở tôn giáo:*

Đến năm 2030 có diện tích là 7,29 ha, tăng 5,36 ha so với hiện trạng năm 2020. Dự kiến trong kỳ quy hoạch sẽ thực hiện các công trình như: Chùa Tân An tại thị trấn Tân Yên do đã được UBND tỉnh Tuyên Quang đồng ý về chủ trương tại Văn bản số 2845/UBND-TNMT ngày 18/9/2018 về địa điểm xây dựng chùa Hàm Yên. Ngoài ra, Trên địa bàn huyện, có Họ giáo Yên Hương tại xã Yên Phú và họ giáo Thống Nhất tại xã Thái Sơn (thực trạng hiện nay bà con giáo dân đã sinh hoạt tôn giáo từ lâu nhưng đến nay vẫn chưa có quỹ đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Bên cạnh đó, bổ sung thêm quỹ đất tôn giáo dự phòng để phục vụ cho các tổ chức tôn giáo được phép hoạt động trên địa bàn huyện với diện tích 3 ha.

*\* Đất cơ sở tín ngưỡng:*

Đến năm 2030 có diện tích là 1,64 ha, không thay đổi so với năm 2020. Dự kiến sẽ bổ sung thêm quỹ đất này trong kỳ quy hoạch tới.

*\* Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:*

Khuyến khích quy hoạch các nghĩa trang tập trung phục vụ cho nhiều xã khác nhau nhằm tiết kiệm đất, kinh phí xây dựng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Quy hoạch đến năm 2030 có diện tích là 190,63 ha, tăng 44,13 ha so với hiện trạng năm 2020 (phù hợp với các Đề án Nông thôn mới đã được phê duyệt năm 2019).

*(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)*

- Diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa tăng do các loại đất chuyển sang: Đất trồng cây hàng năm khác (2,54 ha); Đất trồng cây lâu năm (5,82 ha); Đất rừng sản xuất (42,07 ha). Ngoài ra, trong kỳ quy hoạch diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa biến động giảm 6,30 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất cụm công nghiệp (0,50 ha); Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (5,20 ha); Đất cơ sở văn hóa (0,50 ha).

Diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	7,78	11,24	3,46
2	Xã Nhân Mục	11,94	11,94	0,00
3	Xã Bằng Cốc	1,03	3,48	2,45
4	Xã Thành Long	9,03	11,63	2,60
5	Xã Bình Xa	6,57	8,00	1,43
6	Xã Thái Hoà	10,87	11,87	1,00
7	Xã Thái Sơn	15,09	22,56	7,47
8	Xã Minh Hương	6,47	7,32	0,85
9	Xã Minh Dân	3,88	4,88	1,00
10	Xã Minh Khương	4,14	6,22	2,08
11	Xã Phù Lưu	12,51	16,51	4,00
12	Xã Tân Thành	13,25	26,05	12,80
13	Xã Yên Thuận	2,45	2,65	0,20
14	Xã Bạch Xa	2,27	3,41	1,14
15	Xã Yên Lâm	3,18	5,88	2,70
16	Xã Yên Phú	12,16	16,16	4,00
17	Xã Đức Ninh	17,74	12,54	-5,20
18	Xã Hùng Đức	6,14	8,29	2,15
<b>Toàn huyện</b>		<b>146,50</b>	<b>190,63</b>	<b>44,13</b>

\* Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:

Đến năm 2030, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có diện tích 154,61 ha, tăng 123,00 ha so với năm 2020. Diện tích tăng là do trong kỳ quy hoạch đã thực hiện một số công trình như sau: Khu sản xuất gạch ép không nung và mỏ đất sét xã Thái Sơn; mỏ đá xã Đức Ninh; các mỏ đá phiến xã Thành Long.

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tăng do các loại đất sau chuyển sang: Đất trồng lúa (2,37 ha); Đất trồng cây hàng năm khác (1,93 ha); Đất trồng cây lâu năm (1,00 ha); Đất rừng sản xuất (117,70 ha);

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	Xã Thành Long	9,48	123,18	113,70
2	Xã Bình Xa	1,37	1,37	0,00
3	Xã Thái Sơn	13,47	18,77	5,30
4	Xã Bạch Xa	0,24	0,24	0,00
5	Xã Yên Lâm	1,00	1,00	0,00
6	Xã Yên Phú	6,05	6,05	0,00
7	Xã Đức Ninh	0,00	4,00	4,00

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
<b>Tổng</b>		<b>31,61</b>	<b>150,31</b>	<b>123,00</b>

\* Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:

Đến năm 2030 có diện tích là 8,08 ha, tăng 7,70 ha so với năm 2020. Không chỉ quy hoạch về hạ tầng kỹ thuật mà còn phải xây dựng khuôn viên, cảnh quan cây xanh, khu vui chơi, giải trí cho người dân để đảm bảo đủ các tiêu chí của một đô thị, do vậy trong kỳ quy hoạch, huyện Hàm Yên đã bổ sung một số công trình nằm trong quỹ đất này, đó là khu vui chơi, giải trí tổng hợp, công viên cây xanh tại các xã Phù Lưu, TT Tân Yên, Nhân Mục và Thái Sơn.

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,38	5,38	5,00
2	Xã Nhân Mục	0,00	0,70	0,70
3	Xã Thái Sơn	0,00	1,00	1,00
4	Xã Phù Lưu	0,00	1,00	1,00
<b>Tổng</b>		<b>0,38</b>	<b>8,08</b>	<b>7,70</b>

\* Đất sông ngòi, kênh, rạch suối:

Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất sông, suối đạt 1.549,36 ha, giảm 7,15 ha so với hiện trạng năm 2020 để chuyển sang các mục đích phát triển hạ tầng và đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm. Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch suối được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	68,83	65,58	-3,25
2	Xã Nhân Mục	22,01	22,01	0,00
3	Xã Bằng Cốc	33,84	33,84	0,00
4	Xã Thành Long	37,49	37,49	0,00
5	Xã Bình Xa	91,30	90,78	-0,52
6	Xã Thái Hoà	118,49	118,47	-0,02
7	Xã Thái Sơn	136,48	136,48	0,00
8	Xã Minh Hương	58,74	58,24	-0,50
9	Xã Minh Dân	77,91	77,91	0,00
10	Xã Minh Khương	64,79	64,79	0,00
11	Xã Phù Lưu	96,31	95,78	-0,53
12	Xã Tân Thành	147,71	147,66	-0,05
13	Xã Yên Thuận	77,45	77,45	0,00

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
14	Xã Bạch Xa	85,76	84,16	-1,60
15	Xã Yên Lâm	125,89	125,89	0,00
16	Xã Yên Phú	203,78	203,25	-0,53
17	Xã Đức Ninh	57,33	57,18	-0,15
18	Xã Hùng Đức	52,4	52,40	0,00
<b>Toàn huyện</b>		<b>1.556,51</b>	<b>1.549,36</b>	<b>-7,15</b>

Nguyên nhân giảm do chuyển sang các loại đất sau: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (0,15 ha); đất giao thông (1,61 ha); đất thủy lợi (2,05 ha);...

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

### 2.2.3.3. Đất chưa sử dụng

Trong giai đoạn 10 năm, đất chưa sử dụng có diện tích 398,64 ha, giảm 49,44 ha do chuyển sang các loại đất sau: đất thương mại, dịch vụ (3,00 ha); đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (2,52 ha); đất cho hoạt động khoáng sản (38,38 ha); đất giao thông (0,54 ha); đất thủy lợi (0,50 ha); đất có di tích lịch sử - văn hóa (4,50 ha). Trong kỳ quy hoạch đã khai thác tiềm năng của nhóm đất này để đưa vào sử dụng và chuyển sang một số loại đất chính như sau:

- Đối với phần diện tích chủ yếu là đất trống, đồi núi trọc chuyển sang đất trồng rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm...

- Đối với phần diện tích đất chủ yếu là núi đá vôi, các khu vực có trữ lượng khoáng sản thì chuyển sang đất cho hoạt động khoáng sản; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm,...

Diện tích đất chưa sử dụng được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	10,55	10,55	0,00
2	Xã Nhân Mục	2,29	2,29	0,00
3	Xã Bằng Cốc	1,86	1,86	0,00
4	Xã Bình Xa	6,54	6,04	-0,50
5	Xã Thái Hoà	32,13	32,13	0,00
6	Xã Thái Sơn	1,52	1,52	0,00
7	Xã Minh Dân	9,92	9,71	-0,21
8	Xã Minh Khương	43,78	43,78	0,00
9	Xã Tân Thành	83,72	58,94	-24,78
10	Xã Yên Thuận	12,78	12,78	0,00
11	Xã Bạch Xa	6,80	6,8	0,00
12	Xã Yên Phú	169,54	147,44	-22,10

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
13	Xã Hùng Đức	66,65	66,32	-0,33
<b>Tổng</b>		<b>448,08</b>	<b>398,56</b>	<b>-49,44</b>

#### 2.2.3.4. Đất đô thị

Với định hướng mở rộng địa giới hành chính thị trấn Tân Yên, đến năm 2030 diện tích đất đô thị là 3.622,41 ha, chiếm 4,02% diện tích đất tự nhiên của huyện, tăng 345,0 ha so với năm 2020 do mở rộng địa giới hành chính thị trấn Tân Yên về phía Đông, khu vực các thôn 1, 2, 3 Tân Yên xã Tân Thành.

### 2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng trên địa bàn huyện Hàm Yên có 8 chỉ tiêu gồm khu vực chuyên trồng lúa nước; khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm; khu vực rừng phòng hộ; khu vực rừng đặc dụng; khu vực rừng sản xuất; khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu đô thị - thương mại - dịch vụ; khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn.

#### a) Khu vực chuyên trồng lúa nước

Trên cơ sở đặc điểm lợi thế về điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tài nguyên đất đai; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hàm Yên đến năm 2030; QHSD đất lúa đến năm 2030 tầm nhìn 2050; Kế hoạch số 14/KH-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên ngày 26/01/2021 về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất; các chương trình đề án thể hiện nhất quán quan điểm mục tiêu định hướng phát triển các lĩnh vực trong nhóm ngành nông nghiệp đến năm 2030; nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của các cấp các ngành. Xác định đất trồng lúa là có 3.671,43 ha chiếm 4,08%, giảm 164,91 ha so với hiện trạng năm 2020. Trong đó khu vực chuyên trồng lúa nước có 3.024,87 ha chiếm 3,36%, giảm 120,26 ha so với hiện trạng năm 2020, chi tiết diện tích đến các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích đến năm 2030 (ha)
1	TT Tân Yên	115,35
2	Xã Nhân Mục	148,54
3	Xã Bằng Cốc	114,42
4	Xã Thành Long	201,07
5	Xã Bình Xa	139,58
6	Xã Thái Hoà	139,61
7	Xã Thái Sơn	249,92
8	Xã Minh Hương	362,65
9	Xã Minh Dân	119,07
10	Xã Minh Khương	74,56
11	Xã Phù Lưu	287,27
12	Xã Tân Thành	192,19
13	Xã Yên Thuận	104,44



STT	Đơn vị hành chính	Diện tích đến năm 2030 (ha)
14	Xã Bạch Xa	87,54
15	Xã Yên Lâm	82,74
16	Xã Yên Phú	163,22
17	Xã Đức Ninh	168,79
18	Xã Hùng Đức	273,91
<b>Toàn huyện</b>		<b>3.024,87</b>

*b) Khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm*

Đến năm 2030, diện tích đất trồng cây lâu năm là 15.246,22 ha, trong đó đất chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm có diện tích 2.180,00 ha, chiếm 2,42% tổng diện tích tự nhiên, chủ yếu là các vùng chuyên canh chè trên địa bàn các xã và thị trấn, điển hình là xã Thành Long, Bạch Xa là hai xã có nguồn chất lượng chè rất tốt. Ngoài phát triển cây chè ra, Hàm Yên cũng chú trọng tập trung phát triển quy hoạch vùng chuyên Cam tại xã Phù Lư, Minh Khương, Yên Phú, Minh Dân và Yên Lâm, bước đầu thí điểm và đánh giá sự thích nghi của từng giống cam phù hợp với điều kiện tự nhiên (Căn cứ quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 06/08/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kết quả Dự án điều tra, đánh giá đất đai phục vụ phát triển vùng trồng cam huyện Hàm Yên).

Diện tích đất khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích đến năm 2030 (ha)
1	TT Tân Yên	58,50
2	Xã Nhân Mục	25,50
3	Xã Bằng Cốc	12,90
4	Xã Thành Long	192,40
5	Xã Bình Xa	50,60
6	Xã Thái Hoà	233,60
7	Xã Thái Sơn	142,40
8	Xã Minh Hương	15,50
9	Xã Minh Dân	57,40
10	Xã Minh Khương	52,90
11	Xã Phù Lư	48,00
12	Xã Tân Thành	159,00
13	Xã Yên Thuận	345,30
14	Xã Bạch Xa	130,80
15	Xã Yên Lâm	11,50
16	Xã Yên Phú	213,00
17	Xã Đức Ninh	234,20
18	Xã Hùng Đức	196,50
<b>Toàn huyện</b>		<b>2.180,00</b>

*c) Khu vực rừng phòng hộ*

Đến năm 2030, đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện là 8.788,25 ha phân bố chủ yếu ở 9 xã trên địa bàn huyện, bao gồm: xã Yên Lâm (3.098,94 ha); xã Yên Phú (1.095,63 ha); xã Phù Lưu (987,50 ha); xã Minh Hương (1.479,4 ha); chiếm 9,76% tổng diện tích tự nhiên.

Trong Phương án Quy hoạch đất rừng phòng hộ được sử dụng đảm bảo tỷ lệ che phủ và phát huy được tiềm năng riêng có của rừng phòng hộ Hàm Yên. Trong đó đưa vào khai thác du lịch theo mô hình kết hợp gồm: Khu bảo tồn thiên nhiên rừng Cham Chu nằm ở xã Yên Thuận và xã Phù Lưu, khu du lịch đón tiếp khách du lịch tại thắng cảnh Cham Chu, xã Minh Hương; Khu du lịch sinh thái Cao Đường. Hệ thống hang động như Động Tiên,... Hệ thống các thác tự nhiên như: Khu du lịch Thác Cái, Thác Lăn .... Với nguyên tắc phát triển du lịch theo mô hình bảo vệ rừng kết hợp du lịch dưới tán rừng và không làm thay đổi mục đích rừng. Diện tích chi tiết đến từng xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích đến năm 2030 (ha)
1	Xã Bằng Cốc	48,74
2	Xã Thành Long	298,16
3	Xã Bình Xa	160,27
4	Xã Minh Hương	1.479,40
5	Xã Minh Dân	514,31
6	Xã Minh Khương	598,01
7	Xã Phù Lưu	987,50
8	Xã Yên Lâm	3.098,94
9	Xã Yên Phú	1.095,63
<b>Tổng</b>		<b>8.788,25</b>

*d) Khu vực rừng đặc dụng*

Đến năm 2030, đất rừng đặc dụng trên địa bàn huyện là 5.559,06 ha, phân bố tập trung ở hai xã Phù Lưu (2.062,7 ha) và xã Yên Thuận (3.496,36 ha), chiếm 6,17% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong phương án quy hoạch sử dụng đất, đề xuất phát triển mô hình du lịch sinh thái dưới tán lá rừng và không làm thay đổi mục đích sử dụng rừng, bao gồm dự án khu du lịch sinh thái Cao Đường tại xã Yên Thuận.

*e) Khu vực rừng sản xuất*

Đến năm 2030, đất rừng sản xuất trên địa bàn huyện là 46.324,04 ha, phân bố trên địa bàn toàn huyện, chiếm 51,44% diện tích tự nhiên. Trong đó các xã có diện tích đất rừng trên 3.000 ha như: Xã Thành Long, xã Minh hương, xã Yên Lâm, xã Hùng Đức và xã Yên Phú. Chi tiết đến từng xã như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích đến năm 2030 (ha)
1	TT Tân Yên	1.777,93
2	Xã Nhân Mục	757,15
3	Xã Bằng Cốc	2.018,45

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích đến năm 2030 (ha)
4	Xã Thành Long	3.672,96
5	Xã Bình Xa	1.301,26
6	Xã Thái Hoà	1.756,28
7	Xã Thái Sơn	2.329,10
8	Xã Minh Hương	3.625,87
9	Xã Minh Dân	1.139,78
10	Xã Minh Khương	677,83
11	Xã Phù Lưu	2.272,72
12	Xã Tân Thành	2.287,58
13	Xã Yên Thuận	1.899,12
14	Xã Bạch Xa	1.066,22
15	Xã Yên Lâm	8.512,15
16	Xã Yên Phú	6.054,26
17	Xã Đức Ninh	676,30
18	Xã Hùng Đức	4.499,08
<b>Toàn huyện</b>		<b>46.324,04</b>

*g) Khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp*

Khu vực phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Hàm Yên với tổng diện tích 80,00 ha, chiếm 0,09% đất tự nhiên toàn huyện; chủ yếu tập trung ở Cụm công nghiệp Tân Thành xã Tân Thành (với định hướng có nhà máy chế biến gỗ, nhà máy da giày...) và cụm công nghiệp phía Nam huyện Hàm Yên tại xã Đức Ninh.

*h) Khu đô thị - thương mại - dịch vụ*

Tổng diện tích đất khu vực tổng hợp phát triển đô thị - thương mại - dịch vụ huyện Hàm Yên đến năm 2030 có 105,07 ha, chiếm 0,12% đất tự nhiên toàn huyện. Khu vực phát triển theo hình thức kinh doanh thương mại - dịch vụ tập trung ở thị trấn Tân Yên, xã Phù Lưu, xã Thái Sơn, xã Bạch Xa,....Chi tiết thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích đến năm 2030 (ha)
1	TT Tân Yên	38,07
2	Xã Nhân Mục	1,73
3	Xã Bằng Cốc	1,70
4	Xã Thành Long	2,24
5	Xã Bình Xa	1,43
6	Xã Thái Hoà	2,51
7	Xã Thái Sơn	15,86
8	Xã Minh Hương	1,21
9	Xã Minh Dân	1,97
10	Xã Minh Khương	2,55
11	Xã Phù Lưu	10,52
12	Xã Tân Thành	7,61
13	Xã Yên Thuận	2,44
14	Xã Bạch Xa	1,32

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích đến năm 2030 (ha)
15	Xã Yên Lâm	2,52
16	Xã Yên Phú	7,31
17	Xã Đức Ninh	2,83
18	Xã Hùng Đức	1,25
<b>Toàn huyện</b>		<b>105,07</b>

*i) Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn*

Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn đến năm 2020 có tổng diện tích khoảng 1.406,88 ha, chiếm 1,56% đất tự nhiên toàn huyện, bao gồm: TT Tân Yên; xã Thái Hòa; xã Thái Sơn; xã Đức Ninh; xã Phù Lưu;.... chi tiết diện tích đến từng xã được thể hiện dưới bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích đến năm 2030 (ha)
1	TT Tân Yên	131,15
2	Xã Nhân Mục	44,28
3	Xã Bằng Cốc	42,51
4	Xã Thành Long	69,53
5	Xã Bình Xa	84,29
6	Xã Thái Hoà	120,45
7	Xã Thái Sơn	125,70
8	Xã Minh Hương	78,62
9	Xã Minh Dân	60,54
10	Xã Minh Khương	51,23
11	Xã Phù Lưu	116,46
12	Xã Tân Thành	144,72
13	Xã Yên Thuận	55,96
14	Xã Bạch Xa	46,33
15	Xã Yên Lâm	62,05
16	Xã Yên Phú	104,57
17	Xã Đức Ninh	121,54
18	Xã Hùng Đức	78,10
<b>Toàn huyện</b>		<b>1.406,88</b>

### III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

#### 3.1. Đánh giá tác động của phương án Quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho thấy về chỉ tiêu sử dụng đất các cấp, các ngành là phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030 và là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong giai đoạn 2021-2030 huyện Hàm Yên như sau:

**Bảng 06: Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong giai đoạn 2021-2030 huyện Hàm Yên**

STT	Nội Dung	Huyện Hàm Yên		
		Diện tích (ha)	Giá TB (đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (triệu đồng)
<b>I</b>	<b>Tổng thu từ đất</b>			<b>3.729.984,00</b>
1	Thu từ giao đất ở tại đô thị	67,17	1.600.000	1.074.720,00
2	Thu từ giao đất ở tại nông thôn	155,26	200.000	310.520,00
3	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	181,50	1.080.000	1.960.200,00
4	Thu thuế sử dụng đất			334.544,00
5	Thu lệ trước bạ, TNCN, Tiền SDD			50.000,00
<b>II</b>	<b>Chi phí đền bù thu hồi đất, hỗ trợ, tái định cư</b>			<b>394.191,66</b>
1	Đất trồng lúa	163,91	43.000	70.481,30
2	Đất trồng cây hàng năm khác	187,07	33.000	61.733,10
3	Đất trồng cây lâu năm	448,14	31.000	138.923,40
4	Đất trồng rừng sản xuất	676,48	12.000	81.177,60
5	Đất nuôi trồng thủy sản	20,03	27.000	5.408,10
6	Đất ở tại nông thôn	5,78	110.000	6.358,00
7	Đất ở tại đô thị	1,72	700.000	12.040,00
8	Chi hỗ trợ tái định cư			17.886
9	Chi hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm			183,98
<b>III</b>	<b>Cân đối Thu - Chi</b>			<b>3.335.792,35</b>

Giá trị ước thu từ đất trong giai đoạn quy hoạch là khoảng 3.729,9 tỷ.

Giá trị ước chi từ việc đền bù giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, chuyển đổi nghề nghiệp đảm bảo an sinh xã hội khoảng: 394,1 tỷ.

Cân đối Thu - Chi trong giai đoạn năm 2021-2030 là khoảng: 3.335,8 tỷ.

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hàm Yên cho thấy về chỉ tiêu sử dụng đất các cấp, các ngành là phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030 và là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Về phương diện kinh tế, thông qua phương án quy hoạch sử dụng đất, giá trị của đất được nâng lên, thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thị trường bất động sản, thị trường lao động, tạo ra nguồn vốn, nguồn lực vô cùng quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phương án quy hoạch sử dụng đất đã tạo ra quỹ đất cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ và du lịch, đất ở đô thị và nông thôn.

Quỹ đất cho phát triển phi nông nghiệp được cân đối trên cơ sở kế hoạch phát triển, nâng cao giá trị, chuẩn hoá sản phẩm OCOP của huyện Hàm Yên giai

đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Hàm Yên lần thứ XXI, nhu cầu sử dụng đất các công trình dự án trọng điểm trên địa bàn huyện, đồng thời cân đối đầy đủ nhu cầu sử dụng đất của ngành, lĩnh vực, các xã trên địa bàn huyện. Quy hoạch sử dụng đất đã rà soát kỹ, phân bổ lại nhu cầu đất cho các công trình trọng điểm: cụm công nghiệp Tân Thành, cụm công nghiệp phía Nam huyện Hàm Yên; khu đô thị, điểm dân cư; các khu đất sản xuất hàng hoá đặc sản, khu đất dịch vụ - thương mại, du lịch để đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí đất đai. Vì đây chính là các nguồn thu chủ yếu từ đất đai trên địa bàn huyện Hàm Yên.

### **3.2. Đánh giá tác động của phương án Quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực**

An ninh lương thực là nền tảng quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội, phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên. Đến năm 2030, Nhóm đất nông nghiệp: 83.404,50 ha, chiếm 92,62% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó xác định diện tích đất trồng lúa cần duy trì là 3.671,43 ha. Quỹ đất lúa cần bảo vệ theo phương án quy hoạch không những đảm bảo an ninh lương thực cho huyện Hàm Yên mà còn góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho tỉnh. Quy hoạch sử dụng đất lúa để nâng cao hiệu quả sản xuất với điều kiện không làm mất các yếu tố phù hợp để trồng lúa, khi cần thiết có thể quay lại trồng lúa mà không phải đầu tư lớn, đồng thời phải phù hợp với hiện trạng cơ sở hạ tầng của địa phương và gắn với xây dựng nông thôn mới.

Ngoài ra, trong phương án quy hoạch đã bố trí quỹ đất phát triển vùng chuyên trồng cam với diện tích khoảng 922,9 ha, đảm bảo công ăn việc làm ổn định đời sống của nhân dân trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên trong phương án quy hoạch đất trồng cây hàng năm giảm 210,07 ha do việc đầu tư các công trình hạ tầng, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn... nhưng vẫn đảm bảo an ninh lương thực cả trước mắt và lâu dài, nâng cao chất lượng sử dụng đất, nước, lao động và nguồn vốn; nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân.

### **3.3. Đánh giá tác động của phương án Quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất**

Đến năm 2030, với những tiềm năng, thế mạnh của huyện Hàm Yên trong lĩnh vực thương mại, du lịch, dịch vụ, giáo dục đào tạo cũng như các khu, cụm công nghiệp đi vào hoạt động sẽ thu hút nhu cầu lao động lớn trong tỉnh và vùng phụ cận... Phương án quy hoạch sử dụng đất đã xem xét cả nhu cầu đất ở tái

định cư khi giải phóng mặt bằng xây dựng các khu đô thị - công nghiệp và quỹ đất đầu tư hạ tầng cho các cụm công nghiệp.

Phương án quy hoạch sử dụng đất có diện tích đất ở tại nông thôn tăng thêm 155,26 ha và đất ở đô thị tăng thêm là 67,17 ha. Do đó, phương án hoàn toàn đảm bảo được việc giải quyết quỹ đất ở trên địa bàn huyện đến năm 2030. Diện tích đất ở tăng thêm được xác định trên cơ sở đăng ký nhu cầu của các địa phương, có xét đến khả năng thực hiện đối với mỗi dự án. Giải quyết quỹ đất ở tăng thêm chủ yếu thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, xây dựng các khu đô thị mới, các khu dân cư gắn với các cụm công nghiệp. Tại các khu dân cư hiện có, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất với các diện tích xen kẹt, chuyên diện tích đất vườn ao liền kề sang đất ở.

Trong giai đoạn 2021 - 2030, cũng xác định diện tích đất ở tại nông thôn giảm 5,78 ha và đất ở tại đô thị giảm là 1,72 ha do chuyển sang các mục đích sử dụng khác, trong đó chủ yếu là phục vụ xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng giao thông. Quá trình thực hiện theo lộ trình nên có nhiều điều kiện để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực.

Việc chuyển 1.484,22 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (đặc biệt chuyển 163,91 ha đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp) sẽ làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của các hộ gia đình, lao động nông nghiệp không còn đất sản xuất hoặc thiếu đất sản xuất nông nghiệp. Do đó, khi thực hiện các dự án cần lập phương án khả thi, thực hiện tốt chính sách đền bù, hỗ trợ tái định cư, chuyển đổi ngành nghề cho những người mất đất sản xuất.

### **3.4. Đánh giá tác động của phương án Quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng**

Quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Hàm Yên cần một lượng lớn quỹ đất để đáp ứng nhu cầu phát triển, định hướng theo những giá trị địa phương đang có để tận dụng tối đa, tạo thuận lợi để phát triển bền vững.

Đến năm 2025, thị trấn Tân Yên sẽ phân đấu cơ bản trở thành đô thị loại IV, hai trung tâm xã Thái Sơn và Phù Lưu trở thành đô thị loại V. Muốn phát triển kinh tế xã hội của huyện thì việc phát triển đô thị là điều tất yếu. Trong quá trình phát triển đó, vấn đề thu hồi, giải phóng mặt bằng lấy đất để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ... đã và đang ảnh hưởng lớn đến cơ cấu sử dụng đất đai của huyện. Nội dung phương án quy hoạch sử dụng đất của huyện Hàm Yên được xây dựng nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở định hướng sử dụng đất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương cũng như phát huy những lợi thế của huyện nhằm mục tiêu phát triển kinh tế.

Bên cạnh đó, sự gia tăng dân số do quá trình đô thị hóa đã thu hút một lượng lớn người dân dịch chuyển từ nông thôn ra thành thị. Phương án quy

hoạch sử dụng đất đã tính toán cân đối nhu cầu đất ở của dân cư đô thị của huyện Hàm Yên trong quá trình đô thị hóa.

Đất phát triển hạ tầng của huyện trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 là 2.024,87 ha để xây dựng thêm các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng kinh tế, tạo tiền đề để phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, trên cơ sở phát triển song song vừa đảm bảo tận dụng quỹ đất và không gây ảnh hưởng đến môi trường. Diện tích đất tăng thêm được bố trí cho các mục đích phát triển hạ tầng đã góp phần thúc đẩy kinh tế huyện Hàm Yên phát triển theo hướng bền vững dựa trên những ưu đãi về thiên nhiên, khí hậu sẵn có trên địa bàn huyện, phát triển nhưng không mất đi những giá trị cốt lõi; đưa các chỉ tiêu xã hội hóa của huyện đạt mức trung bình của tỉnh, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang.

### **3.5. Đánh giá tác động của phương án Quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc**

Trong phương án quy hoạch cũng đã thể hiện rõ những mục tiêu, nhiệm vụ và quan điểm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch và hoạt động thông tin đối ngoại nhằm truyền bá sâu rộng các giá trị văn hóa trong công chúng. Giữ gìn nguyên vẹn và đầy đủ các di tích đã và đang được xếp hạng, không để xuống cấp, tổn thất hoặc bị hủy hoại.

QHSD đất đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cảnh quan và tạo điều kiện tốt nhất cho nhân dân tham gia các dịch vụ nâng cao đời sống. Quy hoạch phải tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà nước, đặc biệt là Luật Di sản văn hóa; tôn trọng, giữ gìn tối đa các di tích gốc, đặc điểm di tích, phục hồi các di tích phải đảm bảo tính khoa học, khách quan; phục hồi lại rừng, chú trọng trồng các loại cây bản địa, bảo đảm tạo dấu ấn sâu sắc đối với du khách. Phải lựa chọn vị trí phù hợp; bố trí lại khu đón tiếp, nhà ban quản lý, khu dịch vụ, bãi đỗ xe bảo đảm không ảnh hưởng quá lớn đến quỹ đất sản xuất nông nghiệp của nhân dân. Đồng thời, chú trọng bảo vệ môi trường, thu gom xử lý rác thải tại các điểm du lịch; xây dựng các tua, tuyến du lịch trong khoảng thời gian hợp lý nhất tạo điều kiện tốt cho du khách tham quan...

### **3.6. Đánh giá tác động của phương án Quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ**

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất lâm nghiệp là 60.671,35 ha, chiếm 67,37% tổng diện tích tự nhiên, trong đó rừng sản xuất có diện tích 46.324,04 ha, đất rừng phòng hộ có diện tích 8.788,25 ha và rừng đặc dụng là 5.559,06 ha. Trong phương án quy hoạch sử dụng đất hạn chế việc sử dụng đất rừng phòng hộ giảm (5,93 ha), đất rừng đặc dụng giảm (0,67



ha). Việc hạn chế sử dụng đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng với mục đích là bảo vệ rừng đảm bảo hệ sinh thái luôn cân bằng, vừa bảo đảm khả năng tái tạo và sử dụng rừng một cách tối ưu. Nâng cao chất lượng rừng và bảo đảm duy trì diện tích rừng phòng hộ, trồng và thay thế diện tích rừng bảo vệ tốt môi trường sinh thái, bảo vệ đất đai, điều hoà nguồn nước... và góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế.

Phương án đã định hướng việc bố trí thu gom, xử lý các loại chất thải rắn (19,00 ha) phát sinh trên địa bàn; đồng thời quy hoạch sắp xếp lại các nghĩa trang nghĩa địa theo hướng tập trung nhằm tiết kiệm quỹ đất và đảm bảo vệ sinh môi trường và đảm bảo các tiêu chí nông thôn mới.

## **PHẦN IV: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Đề phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được triển khai một cách đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả, cần thực hiện đồng bộ một số biện pháp và giải pháp sau:

### **I. NHÓM GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất.**

Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế của huyện nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất.

Hạn chế sử dụng quá nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp - thủy sản, tích cực làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

Kết hợp nuôi trồng thủy sản trên diện tích đất có mặt nước chuyên dùng, tích cực đưa mặt nước hoang hóa vào sử dụng.

Đẩy mạnh việc khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, giao đất giao rừng tới các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhằm bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn. Trồng cây xanh phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, khu cụm công nghiệp.

Giám sát kỹ phân đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục. Giám sát chặt chẽ các khu du lịch trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Tiến hành trồng cây phân tán dọc theo các tuyến kênh, mương, đường giao thông, khu đô thị, khu dân cư nông thôn nhằm tăng khả năng che phủ đất, góp phần cải tạo môi trường đô thị cũng như nông thôn.

#### **1.2. Giải pháp bảo vệ môi trường**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho người dân, các doanh nghiệp, nhà quản lý, nhà đầu tư. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; nghiên cứu và áp dụng phương thức quản lý tổng hợp môi trường thông qua cơ chế, chính sách, đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch để hài hòa các mục tiêu phát triển toàn huyện với các mục tiêu phát triển của từng địa phương.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường bằng việc lồng ghép quy hoạch bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, phát triển công nghiệp, phát triển mạng lưới giao thông; có cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng đồng thời với phát

triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và đồng bộ với cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại các vùng. Đặc biệt trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai phải tính toán phân bổ quỹ đất đai đảm bảo nâng cao độ che phủ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gel; xây dựng chỉnh trang các đô thị, điểm dân cư, các cơ sở sản xuất, nghĩa trang, nghĩa địa; đồng thời đảm bảo quỹ đất phù hợp cho việc thực hiện nhiệm vụ thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại cũng như chất thải trong sinh hoạt.

Khai thác sử dụng đất đi đôi với việc bảo vệ môi trường, chú trọng xử lý chất thải ở các khu khai thác khoáng sản, các cụm công nghiệp, các khu dân cư tập trung, đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường. Đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất sản xuất nông nghiệp, tái tạo lại cảnh quan, lớp che phủ bề mặt đất khai thác khoáng sản sau khai thác..., nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất đai, không khí, nguồn nước để sử dụng đất bền vững.

Các giải pháp bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học và rừng, trước hết là bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ xung yếu đầu nguồn tại địa bàn.

Các giải pháp bảo vệ môi trường đất: từ khâu quy hoạch và tổ chức thực hiện đến các chính sách, giải pháp quản lý đất đai bền vững cùng các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất phù hợp đối với từng khu vực, từng địa phương.

Các giải pháp bảo vệ môi trường nước: Hạn chế nguồn thải từ các khu cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu du lịch... vào môi trường nước. Thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ môi trường tại các khu cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, từng bước đưa chúng trở thành các khu sản xuất sinh thái, thân thiện với môi trường.

## **II. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **2.1. Giải pháp về chính sách**

Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; đồng thời xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đảm bảo việc sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực, các địa phương phải dựa trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng cần bảo vệ nghiêm ngặt; tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển công nghiệp, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp...

Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hàm Yên và cán bộ địa chính các

xã, thị trấn có trách nhiệm hướng dẫn việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và cung cấp thông tin có liên quan cho chủ sử dụng đất để thực hiện;

Xây dựng chính sách đất đai và cụ thể hoá các điều khoản của Luật đất đai và các văn bản dưới Luật, đảm bảo kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

Cần có chính sách khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn; khuyến khích phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ, thương mại, du lịch. Thu hút người có tài và lao động có trình độ kỹ thuật từ các vùng khác đến công tác và làm việc lâu dài trên địa bàn huyện; đồng thời đẩy nhanh tốc độ đào tạo nguồn nhân lực bằng cách đào tạo tại chỗ, gửi đi đào tạo, liên kết đào tạo;

Tăng cường đầu tư để đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên môn ở tất cả các ngành các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai;

Quan tâm và giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời có chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, bố trí việc làm để ổn định đời sống cho các hộ khi bị thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Giải quyết tranh chấp đất đai theo đúng Luật đất đai;

Đẩy nhanh tốc độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo sát sự biến động do chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Khuyến khích đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái;

Khuyến khích các nhà đầu tư phát triển tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm từng bước thu hút phát triển công nghiệp, để hạn chế việc phát triển công nghiệp lầy vào diện tích đất trồng lúa;

Hỗ trợ vốn vay sản xuất: Trên nguyên tắc thuận tiện, lãi suất thấp, sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả, bảo toàn vốn. Chủ yếu tập trung vào phát triển kinh tế hộ gia đình;

Hỗ trợ phát triển ngành nghề: Đầu tư máy móc, thiết bị để khôi phục, phát triển các ngành nghề truyền thống, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp...

Chính sách phát triển dịch vụ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm: nâng cấp và mở rộng chợ làm nơi giao lưu buôn bán;

Chính sách thông tin về thị trường: Cần phải được xúc tiến mạnh mẽ nhằm giúp đỡ và định hướng cho nông dân sản xuất để đem lại hiệu quả cao và bền vững nhất.

## **2.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư**

Khuyến khích toàn xã hội và các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài đầu tư cho sản xuất kinh doanh hướng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với các mục tiêu xã hội, phát huy được tiềm năng, lợi thế của huyện.

Quản lý tốt thị trường nhà và đất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo vốn từ quỹ đất góp phần giảm chi phí đầu tư vào cho các nhà sản xuất.

Quy định cụ thể nội dung kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện để làm cơ sở thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo phù hợp khả năng đầu tư và huy động nguồn lực.

Nâng cao hiệu quả đổi mới doanh nghiệp nhà nước để các doanh nghiệp nhà nước phát huy hiệu quả trong phát triển kinh tế của huyện. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới; khuyến khích các thành phần kinh tế nước ngoài đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Tăng cường quản lý và giám sát việc sử dụng vốn theo quy định của pháp luật, kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm để bảo toàn và phát huy đồng vốn một cách hiệu quả.

Công bố công khai tài chính ngân sách theo quy định của pháp luật, tiếp tục đổi mới chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho việc thực hiện các chính sách xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tích cực đầu tư phát triển, thực hiện đổi mới cơ cấu đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp tư nhân, ngoài quốc doanh. Huy động vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chủ yếu từ thu tiền sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, đấu thầu sử dụng đất đối với cá nhân, doanh nghiệp với vốn tự có, vốn cổ phần và vốn vay ngân hàng.

Trên cơ sở sắp xếp lại các doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp, thu lại nguồn vốn cho ngân sách Nhà nước để tái đầu tư phát triển các ngành kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện: trong nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thực hiện việc giao đất, giao rừng để đầu tư phát triển mô hình kinh tế trang trại, khu du lịch.

Mở rộng hình thức thu hút vốn bao gồm hợp tác kinh doanh, liên doanh, đầu tư 100% vốn nước ngoài...

Về đầu tư thiết bị công nghệ: Nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp về thông tin thiết bị công nghệ, triển khai các đề tài khoa học công nghệ, tiến độ khoa học, kỹ thuật phục vụ sản xuất, hỗ trợ kinh phí đầu tư thiết bị công nghệ và

có chính sách ưu đãi.

Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn vốn để thực hiện phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư để phát triển công nghiệp, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội (giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao,...). Đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp như dự án nâng cao chất lượng cây ăn quả, dự án phát triển vốn rừng, trồng rừng nguyên liệu và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng gắn với phát triển du lịch về nguồn, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng.

- Đầu tư trong việc ứng dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ trong sử dụng đất như các tiến bộ trong việc sử dụng đất dốc, những tiến bộ trong xây dựng tiết kiệm đất, trong bảo vệ tài nguyên đất - môi trường và những tiến bộ thâm canh trong nông nghiệp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Huy động tối đa các nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Tạo môi trường thuận lợi, chính sách đầu tư thông thoáng, nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào huyện; đầu tư xây dựng hệ thống kỹ thuật hạ tầng trên địa bàn huyện bằng cách tăng cường xúc tiến thương mại, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cấp phép đầu tư.

- Tập trung chỉ đạo thu ngân sách ngay từ đầu năm, tăng cường kiểm tra, thanh tra ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tiêu cực trong các hoạt động thu chi ngân sách, đồng thời áp dụng các biện pháp khuyến khích tiết kiệm chi để tăng cường vốn đầu tư cho phát triển.

### **2.3. Giải pháp về tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai**

Xây dựng giải pháp và lộ trình nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và quy hoạch sử dụng đất các cấp, để có đủ khả năng thực hiện việc lập, giám sát, thanh kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Bổ sung đủ nhân sự có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý cho các cấp để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Riêng với lực lượng cán bộ Tài nguyên - Môi trường cấp xã, cần có chính sách ổn định để tăng tính chuyên nghiệp, hạn chế tình trạng biến động lớn như hiện nay.

Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công

tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

Thực hiện đồng bộ đề án đổi mới hệ thống giáo dục, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao để trở thành đột phá chiến lược, yếu tố quyết định quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và lợi thế cạnh tranh dài hạn, đảm bảo kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững.

Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý Nhà nước và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực cho cán bộ ngành tài nguyên môi trường ở các cấp, đặc biệt là cấp xã, vùng sâu, vùng xa; xây dựng đội ngũ cán bộ công chức của ngành có phẩm chất, năng lực tốt nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Hoàn thiện công tác tuyển dụng, chế độ đãi ngộ và cải thiện điều kiện lao động, nâng cao chất lượng môi trường làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

#### **2.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện**

Để đảm bảo QHSD đất mang tính hiện thực, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và bảo vệ môi trường. Trong quá trình tổ chức thực hiện cần phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và các xã, thị trấn trong việc phân bổ cụ thể quỹ đất về quy mô diện tích, địa điểm và thời gian thực hiện.

Sau khi Quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên được phê duyệt, UBND huyện tổ chức thực hiện như sau:

- Tiến hành công bố rộng rãi phương án quy hoạch sử dụng đất được duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch sử dụng đất được duyệt, ngăn chặn các hiện tượng vi phạm pháp luật đất đai.

- Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cho các xã, thị trấn để các địa phương thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của địa phương mình; Nhằm đảm bảo đồng bộ trong việc phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đất đai nhất là quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Nghị định số 47/2014/NĐ-CP để nâng cao nhận thức trong các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân. Quá trình xử lý các quan hệ về đất đai phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật;

xử lý tốt mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước - doanh nghiệp - nhân dân, khuyến khích chủ đầu tư tự thỏa thuận với người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Xác định ranh giới trên bản đồ và công khai diện tích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng cần bảo vệ nghiêm ngặt.

- Quản lý chặt chẽ, thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất khác, đặc biệt là chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phải thực hiện theo hướng sử dụng có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả.

- Kế hoạch sử dụng đất từng năm phải phù hợp với QHSD đất đã được phê duyệt và phù hợp với quy hoạch xây dựng của các đô thị, quy hoạch thị trấn, trung tâm xã, khi lập các loại quy hoạch phải thống nhất sử dụng các loại bản đồ, số liệu hiện trạng sử dụng đất làm cơ sở cho việc quản lý sử dụng đất thống nhất, xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một cách đồng bộ.

- Phải có kế hoạch sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện dự án để tạo động lực phát triển khu vực theo dự án lớn. Các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phải đầu tư trước một bước. Kế hoạch phát triển giao thông phải đầu tư tập trung và gắn với kế hoạch đô thị hóa.

- Xây dựng kế hoạch tạo nguồn tài chính khả thi và có cơ chế tài chính hỗ trợ nhà đầu tư trong nước thực hiện các dự án lớn.

- Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo mục tiêu phát triển đô thị và phát triển kinh tế - xã hội bằng cách tăng cường việc phát triển quỹ đất, cung ứng cho nhà đầu tư theo kế hoạch sử dụng đất đã đề ra với nhiều phương thức (*đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án, đổi đất,...*), từng bước giảm bớt phương thức giao đất, cho thuê đất theo ranh giới đất mà nhà đầu tư đã thỏa thuận chuyển nhượng với người sử dụng đất để tránh tình trạng phát triển tự phát.

- Kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các trường hợp không có trong kế hoạch sử dụng đất.

- Khi xem xét giải quyết giao đất, cho thuê đất cần phải tính đến năng lực thực hiện dự án của chủ đầu tư, nhằm đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ và khả thi.

- Xây dựng cơ chế thống nhất giữa quản lý đất đai và bảo vệ môi trường, như sản xuất kinh doanh với bảo vệ môi trường đất, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho của tổ chức và cá nhân trong quá trình quản lý sử dụng đất.

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân huyện có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ chương trình kiểm tra, giám sát của Hội



đồng nhân dân huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Tuyên Quang.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang về triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

## **2.5. Về khoa học công nghệ và kỹ thuật**

Từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát thực hiện quy hoạch.

Ứng dụng các công nghệ mới trong công tác đo đạc địa chính và quản lý đất đai, tổ chức các khoá đào tạo chuyên đề tương thích với từng chương trình ứng dụng công nghệ mới, giúp người sử dụng nắm bắt nhanh và làm chủ công nghệ vận hành.

Xây dựng mạng thông tin đất đai và khăn trương nối mạng hệ thống các cơ quan quản lý đất đai từ tỉnh xuống đến các xã và các đơn vị có liên quan, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của ngành và của người dân về QHSD đất các cấp, các dự án.

Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (*viễn thám, GIS...*), nhất là các chương trình có liên quan nâng cao năng suất - chất lượng công tác quy hoạch, giúp triển triển khai nhanh và đồng bộ về quy hoạch giữa các cấp.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện quy trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoàn chỉnh hệ thống các chỉ tiêu làm cơ sở đánh giá việc sử dụng đất liên quan đến kinh tế - xã hội và môi trường.

Tập trung xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ, chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ cao ở các ngành mũi nhọn của huyện. Tăng cường đầu tư trong việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai và sử dụng đất như kỹ thuật công nghệ số, công nghệ viễn thám trong thống kê, xây dựng bản đồ địa chính; những tiến bộ sử dụng đất dốc bảo đảm môi trường sinh thái, tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng, trong sản xuất nông - lâm nghiệp... để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Các biện pháp nhằm sử dụng đất tiết kiệm và tăng giá trị của đất:

+ Xây dựng và thực hiện đồng bộ các quy hoạch liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển các đô thị, trung tâm cụm xã, các khu dân cư nông thôn, khu cụm công nghiệp, khu du lịch dịch vụ. Đặc biệt lưu ý tăng tỷ lệ đất phi nông nghiệp ở các khu vực này ngay từ khi lập quy hoạch thiết kế.

+ Đối với đất phi nông nghiệp: Rà soát đầy đủ danh mục các công trình, dự án theo phân bổ và đăng ký của các cấp, các ngành để đưa vào quy hoạch của huyện và quy hoạch cấp xã, đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất đai cho phát triển kinh tế- xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn. Việc giao đất phải tuân thủ theo tiến độ, nhu cầu và năng lực thực tế của từng chủ đầu tư đối với tất cả các trường

hợp có nhu cầu sử dụng đất mới. Đất đã giao khi quá hạn mà không đưa vào sử dụng hoặc sử dụng sai mục đích, quá diện tích được giao sẽ thu hồi kịp thời.

+ Đối với đất lâm nghiệp: Đẩy nhanh tiến độ đưa đất trống đồi núi trọc vào trồng rừng. Tiến hành rà soát, khoanh định và bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng như chỉ tiêu Chính phủ giao. Kết hợp bảo vệ rừng với mục tiêu phát triển nguồn nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến, phát triển du lịch sinh thái, củng cố quốc phòng an ninh; thực hiện tốt công tác giao đất, giao rừng, đảm bảo người dân lâm nghiệp có thể sống và làm giàu từ nghề rừng.

+ Đối với đất chuyên trồng lúa nước: Trong kỳ quy hoạch, diện tích phải chuyển sang phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật thiết yếu, quản lý, sử dụng đất trồng lúa, các địa phương phải quản lý chặt chẽ quỹ đất chuyên trồng lúa nước, hạn chế tối đa việc chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích khác. Mặt khác, hàng năm phải tăng cường đầu tư thủy lợi và các biện pháp nông sinh khác nhằm cải tạo quỹ đất trồng 01 vụ lúa sang trồng 02 vụ lúa.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### I. KẾT LUẬN

Quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tiếp cận với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp Quốc gia và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các sở, ngành, các cấp xã, thị trấn, thành thị, nông thôn trên địa bàn toàn huyện. Vì vậy, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đã thể hiện chiến lược sử dụng đất trong 10 năm tới, có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng; đảm bảo tính khả thi, phù hợp với nguồn lực đầu tư của huyện cũng như khả năng thu hút vốn đầu tư bên ngoài; đồng thời là công cụ quan trọng để UBND huyện quản lý đất đai, thực hiện các chủ trương của Nhà nước được đề ra tại Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Hàm Yên lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Việc lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Hàm Yên đã bố trí, sắp xếp tổng thể quỹ đất đai đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh lương thực, củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện kỳ này đã khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện, điều chỉnh những bất hợp lý trong sử dụng đất nhằm khắc phục những hạn chế trong việc duy trì, bảo vệ đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; ưu tiên dành đất cho phát triển công nghiệp và xây dựng kết cấu hạ tầng; bố trí hợp lý đất đai cho phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn, khu du lịch; khai thác triệt để quỹ đất chưa sử dụng. Đồng thời bố trí sử dụng đất đã bám sát quan điểm khai thác sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên đất đai; bồi bổ đất, bảo vệ đất và bảo vệ môi trường, đảm bảo sử dụng đất bền vững.

Phương án quy hoạch sử dụng đất đạt được yêu cầu phù hợp với xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện trong thời kỳ tới. Quá trình phát triển này kèm theo một phần diện tích đất nông nghiệp được chuyển đổi để sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các sở, ngành, huyện, thành thị, đảm bảo cân đối giữa sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản với phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn,...

Phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên phù hợp và sát với điều kiện thực tiễn, được thể hiện thông qua việc sử dụng đất theo các mục đích:

- Đất đô thị và đất khu dân cư nông thôn: được cân nhắc cho từng vùng, từng khu vực, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương và mục tiêu đô thị hóa. Khu vực đô thị sau khi được đầu tư phát triển sẽ thực sự trở thành các đô thị văn minh, hiện đại, không chỉ thu hút được sự đầu tư mà còn

tạo ra ảnh hưởng lớn đến quá trình đô thị hóa nông thôn ở các khu vực khác, đáp ứng được mục tiêu phát triển đô thị của huyện;

- Đất dành cho các cụm công nghiệp và dịch vụ, du lịch được tính theo phương án quy hoạch có tính đến tốc độ phát triển cao nhất. Trong đó tập trung có trọng điểm trên các vị trí thuận lợi, nằm cách xa khu dân cư, đảm bảo yêu cầu môi trường đô thị. Các trung tâm dịch vụ xây dựng khang trang, góp phần hiện đại hóa cảnh quan kiến trúc đô thị, đáp ứng tốt yêu cầu thương mại. Phát triển các khu du lịch, phục vụ đặc lực cho hoạt động du lịch cũng như nhu cầu vui chơi, giải trí ngày càng tăng.

- Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét và tính toán cho mọi loại đất từ đất giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao,... đến quốc phòng an ninh, trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn và cả thời kỳ, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hàm Yên đã cân nhắc, tính toán phân bổ quỹ đất cho các ngành, quan tâm ưu tiên dành đất phát triển sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và đất cho các mục đích công cộng, đảm bảo xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, giải quyết công ăn, việc làm cho nhân dân, tạo việc làm cho người lao động trong các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch, dịch vụ, thương mại thông qua dự án đầu tư trong và ngoài nước.

## **II. KIẾN NGHỊ**

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn mới; làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và UBND các xã, thị trấn tổ chức lập và tổ chức thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện; UBND huyện Hàm Yên kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định báo cáo thuyết minh quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2030 để có cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân Huyện thông qua và xét duyệt.

MỤC LỤC

<b>ĐẶT VẤN ĐỀ.....</b>	<b>1</b>
I. SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	1
II. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	2
1. Mục tiêu của lập quy hoạch sử dụng đất .....	4
2. Yêu cầu .....	5
3. Nhiệm vụ.....	5
4. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ .....	6
5. Bố cục báo cáo.....	6
<b>PHẦN I: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI .....</b>	<b>7</b>
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG.....	7
1.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên.....	7
1.2. Phân tích, đánh giá đặc điểm các nguồn tài nguyên .....	11
1.3. Thực trạng môi trường.....	16
1.4. Đánh giá chung.....	19
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI.....	20
2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội .....	20
2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực .....	21
III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT .....	33
<b>PHẦN II: TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI.....</b>	<b>38</b>
I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI.....	38
1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất .....	38
1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân .....	51
1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai .....	53
II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT.....	53
2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất .....	53
2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước .....	58
2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất.....	61
2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất.....	66
III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QHSD ĐẤT KỲ TRƯỚC .....	67
3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	67
3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước .....	69
<b>3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới .....</b>	<b>73</b>
IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI.....	74
4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp .....	75
4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp.....	76

4.3. Tiềm năng đất đai phục vụ cho việc phát triển du lịch .....	77
<b>PHẦN III: PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>79</b>
<b>I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>79</b>
1.1. Khát quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội .....	79
1.2. Quan điểm sử dụng đất .....	80
1.3. Định hướng sử dụng đất.....	81
<b>II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>93</b>
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội .....	93
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng .....	95
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.....	128
<b>III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>132</b>
3.1. Đánh giá tác động của phương án Quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư .....	132
3.2. Đánh giá tác động của phương án Quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực .....	134
<b>3.3. Đánh giá tác động của phương án Quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở; mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.....</b>	<b>134</b>
3.4. Đánh giá tác động của phương án Quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.....	135
<b>3.5. Đánh giá tác động của phương án Quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc.....</b>	<b>136</b>
3.6. Đánh giá tác động của phương án Quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ .....	136
<b>PHẦN IV: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....</b>	<b>138</b>
<b>I. NHÓM GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>138</b>
1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất.....	138
1.2. Giải pháp bảo vệ môi trường.....	138
<b>II. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>139</b>
2.1. Giải pháp về chính sách.....	139
2.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư .....	141
2.3. Giải pháp về tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai.....	142
2.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện.....	143
2.5. Về khoa học công nghệ và kỹ thuật.....	145
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>I</b>
<b>I. KẾT LUẬN .....</b>	<b>I</b>
<b>II. KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>II</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU VIẾT TẮT	GIẢI THÍCH
1	UBND	Ủy ban nhân dân
2	QHSD	Quy hoạch sử dụng
3	KH	Kế hoạch
4	NQ	Nghị quyết
5	HĐND	Hội đồng nhân dân
6	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi Trường
7	BXD	Bộ Xây Dựng
8	QL	Quốc lộ
9	THCS	Trung học cơ sở
10	THPT	Trung học phổ thông
11	TDP	Tổ dân phố
12	PTDTNT	Phổ thông dân tộc nội trú
13	HTX	Hợp tác xã
14	QĐ	Quyết Định
15	QH	Quy hoạch
16	BCHQS	Ban chỉ huy quân sự
17	XLNT	Xử lý nước thải
18	KNK	Khí nhà kính
19	BPXLHC	Biện pháp xử lý hành chính
20	QG	Quốc gia
21	CNQSDĐ	Chứng nhận quyền sử dụng đất
22	KT-XH	Kinh tế - xã hội
23	CTR	Chất thải rắn
24	QCCP	Quy chuẩn cho phép
25	BĐKH	Biến đổi khí hậu
26	TTCN	Tiểu thủ công nghiệp

## DANH MỤC CÁC BẢNG TRONG BÁO CÁO THUYẾT MINH

STT	TÊN BẢNG
1	Bảng: Danh mục các trường đánh giá diện tích đất chuẩn quốc gia theo quy định trên địa bàn huyện
2	Bảng: Diện tích đất sạt lở trong kỳ kiểm kê năm 2019
3	Bảng: Một số tư liệu (tài liệu, số liệu, bản đồ) trên địa bàn phục vụ cho công tác lập quy hoạch sử dụng đất
4	Bảng 01: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Hàm Yên
5	Bảng 02: Biến động sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 huyện Hàm Yên
6	Bảng 03: Kết quả thực hiện QHSD đất đến năm 2020
7	Bảng 04: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất mở rộng thêm của các ngành, lĩnh vực trong phương án QHSD đất đến năm 2030
8	Bảng 05: Phương án QHSD đất đến năm 2030 huyện Hàm Yên
9	Các bảng chỉ tiêu quy hoạch các loại đất
10	Bảng 06: Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong giai đoạn 2021-2030 huyện Hàm Yên



## **HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU**